

Lương y TRẦN PHƯỚC THUẬN
(Biên dịch)



TẬP I

**NHỮNG BÀI THUỐC
KINH NGHIỆM ĐƠN GIẢN
CỦA**

HÀI THƯỢNG LÃN ÔNG

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

NHỮNG BÀI THUỐC
KINH NGHIỆM ĐƠN GIẢN CỦA
HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG
Tập I

35700.p12
CNNT-130

Lương y TRẦN PHƯỚC THUẬN
Biên dịch

**NHỮNG BÀI THUỐC
KINH NGHIỆM ĐƠN GIẢN
CỦA
HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG**

Tập I

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

LỜI NÓI ĐẦU

Sách này được biên dịch từ quyển 50 đến quyển 57 tức toàn bộ phần "Hành giản trâm nhu" trong bộ **Hải Thượng y tông tâm lĩnh** của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1720-1791), một danh y được coi như đứng vị trí hàng đầu trong lịch sử y học cổ truyền của Việt Nam.

Như chúng ta được biết, bộ **Hải Thượng y tông tâm lĩnh** là một công trình y học đồ sộ, được tác giả biên soạn trong gần 30 năm gồm 28 tập chia thành 66 quyển, mà "Hành giản trâm nhu" là một phần trong đó, đã chép được trên 2000 phương thuốc do tác giả chọn lọc trong các bản thảo đời trước (như **Nam dược thân hiệu** của Tuệ Tĩnh) hoặc thu thập được từ các bài thuốc kinh nghiệm trong dân gian. Đặc điểm của những bài thuốc này là hầu hết đều đơn giản, dễ áp dụng, với vài ba vị thuốc dễ kiếm, song lại có thể giải quyết trị liệu rất hiệu quả đối với hàng trăm loại bệnh tật thông thường, như đau chân, đau mắt, nhức răng, đau bụng, trúng độc, trùng thú cắn, các trường hợp sưng, trặc, ngứa lở, ho, suyễn, các bệnh do rượu, các chứng bệnh nhi khoa, phụ khoa thường gặp, v.v. Trong bài "Tiểu dẫn" của nguyên tác, chính tác giả cho biết ông đã xếp những bài thuốc ở trong bộ "Bản thảo" (tính dược) và những bài thuốc chỉ dùng ít vị của mọi

nhà... "để tiện lúc cần cấp và giúp cho những người hoàn cảnh nghèo túng...".

Từ trước, sách **Hải Thượng y tông tâm lĩnh** đã có vài ba bản dịch, tất nhiên trong đó đã có phần "Hành giản thân nhu", song vì cả bộ sách quá lớn, chỉ thích hợp cho các lương y hoặc các nhà nghiên cứu y học dân tộc. Vì vậy chúng tôi biên dịch lại phần "Hành giản thân nhu" nói trên nhằm đáp ứng cho những nhu cầu phổ thông hơn của quảng đại độc giả, để ai ai cũng có thể dùng được trong phạm vi tự điều trị các chứng bệnh thông thường, và xin đặt lại tên sách cho dễ hiểu là **Những bài thuốc kinh nghiệm đơn giản của Hải Thượng Lãn Ông**. Sách được chia làm hai tập mỏng để độc giả tùy nghi sử dụng.

Trong khi biên dịch, chúng tôi đã vận dụng tham khảo những bản dịch đã có trước, chỉ sắp xếp lại theo một bố cục mới, cố gắng làm cho cách trình bày được gọn gàng và dễ hiểu hơn. Cuối sách có thêm phần phụ lục đối chiếu các đơn vị cân lường và giải thích một số thuật ngữ cần yếu trong y dược cổ truyền nhằm giúp cho những bạn đọc không có sẵn trình độ chuyên môn vẫn có thể dùng sách mà không bị trở ngại.

Rất mong bản dịch này sẽ mang lại nhiều điều bổ ích thiết thực cho mọi người mọi giới trong việc trị bệnh và giữ gìn sức khỏe.

Lương y **TRẦN PHƯỚC THUẬN**

1. TRÚNG PHONG

1) Trúng phong hai hàm răng cắn chặt.

Phèn chua, Muối rang. Hai vị bằng nhau, tán bột xát vào hàm răng nếu nước dãi chảy ra thì miệng tự nhiên há được.

2) Trúng phong đờm sôi, chân tay lạnh cứng.

Phèn chua 1 lạng, Bồ kết 5 chỉ. Mỗi lần uống 1 chỉ với nước ấm, mửa được đờm ra thì khỏi.

3) Trúng phong cấm khẩu, bất tỉnh, thân mình lạnh.

Độc hoạt 1 lạng, Rượu 2 chén. Sắc còn 1 chén, dùng 5 vốc Đậu nành sao vàng đổ vào rượu, đậy kín 1 lúc, cho uống.

4) Chứng ám phong, thình lình ngã ra bất tỉnh.

Tế tân. Tán bột thổi vào lỗ mũi.

5) Trúng phong sôi dờm, nghệt thở, mê man bất tỉnh.

Phụ tử, Nam tinh, Mộc hương. Mỗi vị 5 chỉ, thêm *Gừng* sống 9 lát sắc uống.

6) Trúng phong bất tỉnh cấm khẩu, nước dãi trào ra, chân tay co giật.

Trắc bá diệp, Hành củ. Mỗi thứ một nắm, nghiền nát ra, thêm 1 chén rượu, nấu sôi, chia làm 5 lần uống.

7) Trúng phong mình nặng, khó xoay trở.

Vỏ cây hòe bỏ phần đen ở ngoài cắt ra từng miếng, dùng rượu hoặc nước sắc cho uống ấm.

8) Người già bị trúng phong lú lười nói năng ú ớ, người phát nhiệt.

Gà ác (ri) trống 1 con làm thịt rửa sạch, *Hành* 1 nắm giã vát lấy nước cốt đem nấu với gà, cho ăn lúc đói.

9) Trúng phong đã ba năm.

Lá thông 1 cân, thái nhỏ. Mỗi lần dùng 1 nắm sắc với rượu, sau khi uống ra mồ hôi sẽ khỏi.

10) Trúng phong chân tay lạnh, ói ra nước trong, đau đốn quần quai, kêu khóc.

Quế 1 lượng, sắc với nước cho uống nguội.

11) Trúng phong cảm khẩu, sôi đờm, bất tỉnh.

Đờm phân, tán nhỏ, dùng 1 phân, hòa với rượu ấm cho uống để mửa ra đờm thời thôi.

12) Trúng phong cảm khẩu phiên nhiệt, hoảng hốt, bụng vừa đầy, vừa đau.

Đất lòng bếp, tán bột 5 cân, nước 8 cân, quậy đều để lóng lấy nước trong đêm rửa khắp mình cho bệnh nhân.

13) Trúng phong cứng lưỡi.

* *Hùng hoàng, Bạch chỉ*. Hai vị bằng nhau, tán bột. Mỗi lần dùng 1 chỉ sắc với rượu, đổ cho uống.

* *Hùng hoàng, Kinh giới*. Hai vị bằng nhau, tán bột. Đậu đen sao rồi ngâm với rượu. Khi uống dùng 1 chỉ thuốc tán pha vào rượu cho uống.

14) Trúng phong cảm khẩu bất tỉnh.

Bạch truật 4 lượng, dùng rượu sắc uống.

15) Trúng phong, cảm khẩu

* Ngoài dùng *Ngải cứu* tại hai huyệt Thừa tướng và Giáp xa, mỗi huyệt cứu 5 liều. Trong dùng *Kinh giới*

tuệ, Trúc lịch, Khương tráp sắc với rượu và nước cho uống.

* Lá *phù dung* giã vắt nước cốt, trộn dầu mè cho uống.

16) Trúng phong cảm khẩu, đờm dãi trào ra.

Bồ kết bỏ vỏ lấy hạt, bôi mỡ heo đem nướng vàng, tán bột, hòa với rượu ấm cho uống mỗi lần 1 chỉ.

17) Trúng phong méo mồm.

* Ngoài dùng *Vôi sống* sao với giấm, trộn dẻo như bùn, hễ méo bên này đắp bên kia, nó sẽ thẳng bằng trở lại. Trong sắc *Hạt thông* với rượu cho uống.

* *Ba đậu* 7 hạt nghiền nát nhừ, đem đắp lòng bàn tay, hễ méo bên này thì đắp bên kia, rồi đem chén nước nóng để lên chỗ đắp thuốc, sẽ khỏi.

* Lá *mít* hòa với 1 ít vôi, nghiền nát đem rịt ở lòng bàn tay, hễ méo bên này thì rịt bên kia.

* Dùng tinh cây *Đa long*, trộn đều với máu lợn đem dán, hễ méo bên này thì dán bên kia, đến khi thẳng bằng lại thì rửa và chùi sạch ngay.

18) Trúng phong méo mồm; mặt, mắt đều méo lệch, một bên lưỡi không chuyển động được.

Quế tâm, nấu với rượu, tẩm vào mảnh vải cũ mà đắp lên má người bệnh, méo bên này thì đắp bên kia, thường dùng rất hay.

19) Trúng phong tê lạnh, co quắp, bán thân bất toại.

Lấy *Đất trùn* sao nóng cho vào túi vải chườm khắp mình.

20) Trúng phong tê dại, cử động khó khăn.

* *Tủy bò* nấu chín 1 chén, *Mật ong* đã luyện 1 cân, lược sạch, *Bột mì rang* 1 cân, *Gạo rang* 3 lượng, quết làm hoàn bằng viên đạn, ngày uống 3 - 4 hoàn với rượu.

* *Ngũ linh chi* (có thể dùng từ 1 đến 2 chỉ) nghiền với nước để lóng trong, gạn bỏ nước lấy bột đó hòa với rượu cho uống trước rồi kế tiếp cho uống bài Tục mệnh thang.

21) Trúng phong bại liệt nửa người.

Xuyên sơn giáp sao, *Xuyên ô đầu* nướng chín, *Vỏ sò*. Mỗi vị dùng 2 lượng, tán nhỏ. Mỗi lần dùng nửa lượng, giã *Hành* lấy nước, trộn thành bánh, hễ bại bên nào thì đắp lòng bàn tay bàn chân bên ấy, ngồi yên trong nhà kín, ngâm gót chân vào nước nóng, hễ thấy mình tê, đổ mồ hôi thì bỏ thuốc ấy đi, cẩn thận tránh gió, tay chân có thể cử động được, cách nửa tháng lại làm nữa.

22) Trúng phong bại liệt nửa người.

* *Sinh phụ tử* 1 cân, *Khương hoạt*, *Ô dước* mỗi vị 1 lượng, tán bột. Mỗi lần dùng 3 chỉ thêm 3 lát *Gừng* sắc uống.

* *Rễ* và lá cây *Bù cu vễ* (*Địa dương*). Cho vào nồi đất nấu lấy hơi xông, bại bên này thì xông bên kia, nước đó cho uống thay trà.

23) Trúng phong miệng méo, mắt lệch.

Thương truật, *Phòng phong*, *Xuyên khung*, *Tế tân*, *Nhũ hương* mỗi vị 1 lượng.

Khổ luyện tử 5 - 6 quả, *Xương bồ* 2 lượng, *Củ tỏi* 1 lượng, *Kinh giới tuệ*, *Khương hoạt*, *Độc hoạt*, *Tạo giác*, mỗi vị 5 chỉ, cho thêm 1 hạt *Gió* càng hay, luyện hồ làm viên, *Hùng hoàng* làm áo, mài với *Dầu mè* cho uống.

24) Trúng phong cảm khẩu, bán thân bất toại.

* *Bạch phụ tử*, *Cương tà*, *Toàn yết* các vị bằng nhau, tán bột cho uống với rượu ấm.

* *Thương truật* 1 lượng, *Xuyên tiêu* 4 lượng nấu với rượu để cho uống thì người khỏe mạnh nhẹ nhàng, nếu miệng méo mắt lệch thì dùng thuốc đó bôi vào.

25) Trúng phong tê liệt nửa người.

Phụ tử 1 lượng, dùng rượu ngâm 7 ngày, cách 1 ngày cho uống 1 chung nhỏ.

26) Trị các chứng phong, bại liệt.

* *Thảo ô đầu* sống, *Thuyền thoái*, *Cương tằm* đều bằng nhau tán nhỏ, *Địa long* 1 con giã nát cho vào giấm trộn với thuốc luyện hoàn bằng hạt đậu, liều dùng 4 - 5 viên, cho uống với nước nóng.

* *Cây ba gác*, cắt ra từng miếng, sao vàng, *Lá tằm gửi dâu* hoặc lá tằm gửi khác cũng được, hai vị bằng nhau, sắc cho uống.

27) Đau khớp xương (lịch tiết phong).

Độc hoạt, *Khương hoạt*, *Tùng tiết*, các vị bằng nhau, sắc với rượu, mỗi ngày cho uống 1 chén lúc đói.

28) Phong ngứa như có sâu bò.

Hùng hoàng, *Tùng chỉ* đều bằng nhau, nghiền ra, viên với mật bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 10 viên, ngày 3 lần, uống liên tục 100 ngày, kiêng rượu.

29) Người già bị phong ngứa táo bón.

Phòng phong, *Chỉ xác*, sao với cám, mỗi vị 1 lạng, *Cam thảo* 5 chỉ, tán bột, liều uống 1 chỉ.

30) Phong độc đau trong xương tủy.

Hổ cốt 1 lạng, *Bạch thược* 2 chỉ, cho vào túi lụa, ngâm với 3 lít rượu, năm ngày cho uống.

31) Thương phong hàm răng cắn chặt.

* *Thiên nam tinh, Phòng phong*, đều bằng nhau, tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước tiểu trẻ em.

* *Trúc lịch*, đổ cho uống liên tiếp để gây nôn, kiêng uống rượu và thức ăn lạnh.

32) Thần ứng cứu khổ hoàn, chữa mọi chứng thống phong.

Xuyên ô, Thảo ô (đều sao), *Thanh bì, Chỉ xác, Thương truật, Sinh địa, Bạch truật, Bạch thược, Xuyên khung*, đều dùng 5 chỉ; *Ngũ linh chi* 2 lạng tán nhỏ, rượu khuấy hồ luyện hoàn. Mỗi lần uống 1 chỉ với rượu.

33) Định phong bách giải đơn (Giáo sĩ Hoa lang tức Hòa Lan-ND truyền).

Xuyên khung tẩy rượu, *Khuông hoạt* dùng sống, *Tạo giác* bỏ hạt, *Thương truật* bỏ vỏ mỗi vị dùng 1 chỉ; *Chu sa, Thân sa* đều thủy phi; *Hùng hoàng, Kim bạc*, mỗi vị 5 phân, *Long não* 3 phân, *Xạ hương* 1 phân. Các vị tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu đen, *Hùng hoàng* làm áo. Mỗi lần uống 1 hoàn, tùy bệnh mà dùng thang khác nhau như sau:

- Mình nóng, uống với giấm, mình lạnh uống với rượu.
- Nóng rét, uống với nước sắc *Cành đào*.
- Bất tỉnh nhân sự, uống với *Dầu mè*.
- Ho, uống với nước sắc *Cát cánh*.

- Nhiều đờm, uống bằng nước sắc lá *Xương sông* (*Hoạt lộc thảo*).

- Khản tiếng, uống với nước sắc *Kha tử*.

- Nôn mửa, uống với nước gừng sống.

- Các chứng ôn dịch, uống với nước sắc *Hoắc hương*.

- Đi lý ra máu, uống với nước sắc *Cam thảo*.

- Nhức đầu, uống với nước sắc *Hành sống*.

- Thổ huyết, uống với nước sắc *Thạch liên nhục*.

- Đau răng, ngâm với *rượu*.

- Đau lưng, đau bụng uống với *rượu*.

- Tỳ hư ỉa chảy, uống với *rượu* hâm nóng.

- Ỉa chảy, uống với nước sắc *Hoắc hương*.

- Đi lý ra mũi, uống với nước sắc *Can khương*.

- Suyễn kéo đờm, uống với nước gừng sống.

- Tiểu tiện không thông lợi, uống với nước sắc

Mộc thông.

- Trẻ em bị kinh giật, uống với nước sắc *Bạc hà*.

34) Định phong bảo sinh đơn (do người ngoại quốc truyền, chữa các chứng trúng phong).

Cao lương khương, *Phong khương* tẩm giấm 1 đêm, sao; *Uất kim* tẩm giấm 1 buổi, sao; *Thương truật* sao; *Tam nại*, *Diêm tiêu*, *Bạch tật lê* sao bỏ gai; *Bắc tạo giác* bỏ hạt sao; *Thạch xương bồ* (*kỵ sắt*) tẩm giấm 1 buổi sao; *Tương tư thảo* (*lá thuốc lào*), *Khương hoạt*, *Độc hoạt*, *Xạ can* sao mỗi vị dùng 1 lượng; *A ngù* 2 chỉ; *Tóc rối* đốt

ra than 1 chỉ; *Xương đầu hổ* 5 chỉ, *Châu sa* 1 chỉ, *Thần sa* 3 chỉ, *Xạ hương* 1 phân.

Các vị trên đều nghiền nhỏ, ngày Đoan ngo, lúc đứng bóng, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu đen, *Hùng hoàng* làm áo. Mỗi lần uống 1 hoàn, nếu người nóng cho uống với giấm.

Chủ trị các bệnh động kinh của trẻ em (phong xù) hoặc nội thương, hoặc ngoại cảm sinh ra sồn sác, trợn mắt méo mồm, co quắp chân tay, giật mình cong lưng, cắn răng, đầy bụng, lạnh chân tay.

Nếu xem thấy bệnh chưa nặng lắm dùng nửa hoàn mài với nước sôi cho uống, nếu bệnh khó lắm dùng *Lá khế* (nam 7 nữ 9) nhai với nửa hoàn thuốc mà phun vào bệnh nhi, nếu còn cử động thì chữa, không cử động thì khó chữa.

35) Sau khi trúng phong tay chân tê liệt co quắp, miệng méo mắt lệch, bước đi không chính.

Cho uống bài *Thần khí Địa hoàng hoàn*, hay như thần.

36) Chân tay tê liệt, trừ phong thấp, thông kinh lạc, mạnh tỳ vị, mạnh gân xương rất hay.

Hy thiêm, dùng thứ cành đỏ thì tốt, trộn với rượu và mật ong rồi cho vào cái chõ chưng, xong phơi khô, lại chưng và phơi 9 lần như thế rồi tán thành bột luyện mật làm hoàn bằng hạt bắp. Mỗi lần uống 3 chỉ, ngày uống 2

lần, với nước sôi để nguội, uống đến 20 viên thì cảm thấy dễ chịu khác thường.

37) Phong hàn, thấp hàn chạm đến gân xương khiến co rút, đau nhức, đi lại khó khăn.

Bạch truật 1 lượng, Nhũ hương 1 chỉ, tán bột. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước sắc Mộc qua, Giấm và Rượu.

38) Bại liệt nửa người, lúc đau bên này lúc đau bên khác.

Rắn mối 1 con nướng vàng, Trần bì 5 cân, Cù mạch 1 chỉ, Cam thảo, Nhũ hương, Một dược đều 2 chỉ, tán nhỏ. Mỗi lần dùng 3 chỉ đun lên uống.

39) Trúng phong bại liệt nửa người.

Ngũ linh chi tán nhỏ, cho vào trong nước để lắng, bỏ lớp trên mặt nước đen đục và lớp dưới cát sạn, chỉ lấy lớp giữa nghiền nhỏ, uống mỗi lần 2 chỉ với rượu. Tiếp sau uống Tiểu tặc mệnh thang (Phòng kỷ, Nhục quế, Hạnh nhân, Hoàng cầm, Cam thảo, Nhân sâm, Xuyên khung, Ma hoàng, đều 1 chỉ, Phụ tử chế 5 phân, Gừng táo, sắc uống).

40) Liệt nửa người và mất tiếng không nói.

Dầu thầu dầu 1 cân, chứa vào nồi đồng, đổ rượu vào nấu 1 ngày cho chín. uống hàng ngày mỗi lần một ít.

41) Đau gối sưng đau (Hạc tất phong).

* *Hoa cúc*, *Ngải cứu* để lâu, dùng làm đệm bao đầu gối, đeo lâu thì tự khỏi.

* *Hèm (Bã rượu)* 4 lạng, *Bồ kết* 1 quả bỏ hạt, *Mang tiêu* 1 lạng, *Ngũ vị tử* 1 lạng, *Đường cát* 1 lạng, nước gừng 1 lạng, nghiền đều, bôi hàng ngày, thêm rượu cao chữ càng tốt.

42) Đau khớp xương và khắp mình đau nhức.

Xương ống chân hổ tẩm rượu nướng 3 lạng, *Một dược* 1 lạng tán nhỏ, uống mỗi ngày 3 chỉ với rượu.

43) Phong đòn gánh (Phá thương phong).

* *Bọ cạp* khô, *Xạ hương* đều 1 phân, bôi vào vết thương thì chóng khỏi.

* *Bọ cạp* khô sao rượu, *Thiên ma* đều 5 chỉ, tán nhỏ, lấy *Nhựa cóc* 2 chỉ, luyện với hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh, uống mỗi lần 1 - 2 hoàn với rượu, ra mồ hôi thì khỏi.

* *Con rết* nghiền nhỏ, xát vào chân răng, để cho bọt miếng chảy ra thì khỏi.

44) Khí huyết đều hư, thân người bên trái bên phải đều tê liệt.

Dùng *Bát trân thang* gia *Câu đằng*, *Trúc lịch*, *Khương tráp*, thật là thần phương.

45) Nửa người bên trái tê liệt.

* *Tứ vật thang* (*Thục địa*, *Xuyên khung*, *Đương quy* đều 1,5 chỉ, riêng *Bạch thược* thì 1 chỉ) gia *Câu đằng* 3 chỉ, sắc xong pha với *Trúc lịch*, *Khương tráp* cho uống.

* *Tứ vật thang* gia *Tân giao*, *Hương phụ*, *Sa sâm*, *Bạch linh*. *Quế chi*, *Nam tinh*, chân tay lạnh thì gia nhiều *Phụ tử*.

46) Tê liệt nửa người bên phải.

Dùng *Tứ quân thang* (*Sâm truật* mỗi vị 1,5 chỉ, *Linh* 1 chỉ, *Chích thảo* 4 phân) gia *Bán hào* 1 chỉ, *Câu đằng* 3 chỉ, sắc xong pha *Trúc lịch*, *Khương tráp* vào uống.

47) Trúng phong, miệng méo lệch, hàm răng cắn chặt, đờm dãi chảy ra; các ác chứng của thời khí hoặc trẻ con cấp kinh, co giật đều chữa được hay như thần, thật là phương lạ nhất trong thiên hạ.

Kỳ nam, *Trầm hương*, *Bạch đàn*, *Thần sa*, *Chu sa*, *Nhũ hương*, *Một dược*, *Hùng hoàng*, *A ngùy*, *An túc hương*, *Thương truật* mỗi vị dùng 5 chỉ; *Xương bồ*, *Chích thảo*, *Tế tân*, *Mộc hương*, *Giáng hương*, *Hoắc hương*, *Nam tinh*, *Bạch phụ tử*, *Tạo giác*. *Ô dược* mỗi vị dùng 3 chỉ.

Các vị đều tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh, dùng *Chu sa* làm áo. Mỗi lần uống: Người lớn 2 hoàn, trẻ em 1 hoàn với nước gừng (kỵ thai).

48) Đàn ông, bỗng nhiên mắt trông thấy như đèn lửa soi vào, hai mắt trông thấy 10 người, hoảng hốt, muốn chửi mắng, muốn đánh rồi chợt biến thành bán thân bất toại, miệng méo mắt lệch.

Tứ vật thang, gia *Xương bồ*, *Phòng phong*, *Khuông hoạt*, *Hoàng liên*, *Tần giao*, *Chỉ xác*, *Kinh giới*, *Gừng tươi*. Sắc uống.

49) Thủy hỏa bất giao, hay bị co giật nửa mình bên trái.

Thục địa 4 lạng; *Tục đoạn*, *Liên nhục* mỗi vị 2 lạng; *Hoài sơn*, *Phục linh*, *Trạch tả*, *Đan bì* mỗi vị 1,5 lạng; *Ba kích*, *Ngưu tất*, *Mạch môn*, *Đỗ trọng* mỗi vị 1 lạng; *Phá cố chỉ* 7 chỉ; *Ngũ vị tử*, *Viễn chí*, *Hắc phụ tử* mỗi vị 5 chỉ. Tán bột làm hoàn uống dần.

50) Phong thấp cước khí, đầu và các khớp đau nhức.

Thổ phục linh 1 cân; *Ô dước*, *Thục địa*, *Ngưu tất*, đều 1 lạng; *Đương qui* 5 chỉ; *Xích hoa xà* (còn gọi là cây *Đuôi công tím* hoặc cây *Quý xạ*) 1 lạng (tắm nước vo gạo 1 đêm). Các vị sắc tới rồi pha rượu, cứ bao nhiêu nước

thuốc là bấy nhiêu rượu, lại đun tàn hai ba cây nhang, xong đem hạ thổ, để uống lúc bụng đói.

51) Phương thuốc chữa tê liệt nửa người, rất hay.

Rau sam, Lá bìm bìm, Uất kim, Lá thần thông Xương bồ, Huyết giác mỗi vị 3 chỉ; *Quế chi* 5 chỉ; *Hồi hương, Đinh hương* mỗi vị 3 chỉ. Các vị tán nhỏ trộn với 1 chén rượu đế, 1 chén nước tiểu trẻ con dùng xoa bóp.

2. TRÚNG KHÍ

1) Trúng khí bất tỉnh nhân sự, mắt nhắm không nói (tợ như trúng phong).

Mộc hương tán bột. Mỗi lần uống 3 chỉ, dùng nước bí đao làm thang cho uống; nếu đờm nhiều gia *Trúc lịch, Khương tráp*.

2) Phương pháp cấp cứu:

Chữa các chứng TRÚNG, thành linh ngã nhào ra như Trúng khí, Trúng phong, Trúng thử, Trúng ác, Hoắc loạn...

Khương tráp hòa với *Đồng tiện* cho uống thì lập tức đỡ ngay.

3) Ác khí trúng vào huyết mạch.

Bên ngoài không thấy hình chứng lục kinh, bên trong đại tiểu tiện vẫn như thường, nhưng chân tay không cử động, miệng không nói được.

Tứ vật thang gia *Mạch môn*, *Viễn chí*, *Thạch xương bồ*, *Nam tinh*, *Bán hạ*, *Trần bì*, *Phục linh*, *Chỉ thực*, *Khương hoạt*, *Ô dước*, *Hoàng liên*, *Phòng phong*, *Tần giao*, *Cam thảo*, *Trúc nhự*, *Gừng sống*. Sắc uống.

4) Trúng phong vào kinh lạc, miệng méo mắt lệch.

Dùng *Phục chính thang*.

Tứ vật thang, bỏ *Thục địa*, gia *Phòng phong*, *Kinh giới*, *Tế tân*, *Hoàng cầm*, *Ô dước*, *Thiên ma*, *Bạch truật*, *Phục linh*, *Trần bì*, *Bán hạ*, *Chỉ xác*, *Bạch chỉ*, *Cát cánh*, *Cương tâm*, *Cam thảo*, *Gừng*. Sắc uống.

3. TRÚNG HÀN

Chữa người thể chất hư yếu bị trúng hàn, mê man, rốn bụng lạnh đau, hoắc loạn chuyển gân (vọp bẻ), các chứng hư hàn.

Sinh phụ tử, gọt bỏ vỏ và nóm, *Bào khương* tức là củ *Gừng* đem đốt, dùng mỗi vị 1 lượng, tán bột. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước ấm.

4. THƯƠNG HÀN

1) Các chứng thương hàn, không kể âm, dương, nặng, nhẹ, người già, trẻ con, đàn bà có thai.

* *Bạch chỉ* 1 lượng, *Cam thảo* nửa lượng, *Gừng* 3 lát, *Hành* 3 tép, *Táo* 1 quả, *Đậu thị* 10 hạt. Sắc cho uống gây đổ mồ hôi, nếu không ra mồ hôi thì uống lần nữa, dù bệnh đã hơn 10 ngày mà chưa ra mồ hôi là có thể cho uống được.

* Nếu có sổ mũi dùng phương dưới đây:

Bạch chỉ 1 lượng, *Kinh giới tuệ* 1 chỉ, tán bột. Mỗi lần uống 2 chỉ, dùng lá chè khô nấu nước làm thang uống cho ra mồ hôi.

2) Tứ thời cảm mạo.

Hương nhu, tán bột. Mỗi lần uống 2 chỉ hòa rượu hâm nóng, uống cho ra mồ hôi.

3) Thương hàn, thời khí, ôn dịch làm đau đầu, sốt cao, mạch đi mạnh.

Lá Thuốc cứu khô 3 chỉ, sắc với nước, uống cho ra mồ hôi.

4) Sốt cao, nói sảm.

Dùng *Cứt trùn* hòa với nước lã cho uống.

5) Thương hàn đầu nhức như búa bổ.

Hành cả rễ, dùng nửa cân *Gừng sống* 1 lượng, cùng nấu ra nước cho uống ấm, thực chứng thì rất hay.

6) Thương hàn bụng đau, lạnh toát người.

Hạt cải bẹ trộn với nước đem rịt vào rốn.

7) Thương hàn chảy máu cam.

Hoạt thạch tán bột, nhồi với cơm nguội làm hoàn, mỗi lần dùng 10 hoàn hòa với nước mới múc về cho uống thì hết ngay.

Chứng này vì cần cho ra mồ hôi mà không ra được nên sinh ra thế, vì vậy lúc máu ra còn tím đen thì không nên cầm mà nên cho uống thuốc ôn hòa, khi máu ra thấy tươi thì hãy cho uống thuốc này để cầm lại.

8) Thương hàn đánh trống ngực, mạch kết, đại.

Cam thảo 2 lạng. Sắc uống mỗi ngày một lần.

9) Bệnh dịch thời khí: Không phân âm dương nam phụ lão ấu, hoặc vì cho uống thuốc lầm làm bệnh nặng gần chết, mạch trầm phục, bất tỉnh nhân sự, dù đã qua 7 ngày đều có thể cứu được, 100 người không sai một.

Nhân sâm 1 lạng, sắc xong ngâm vào nước giếng cho nguội, uống, giấy lát thấy sống mũi có mồ hôi là mạch hồi phục.

10) Cảm hàn khí nghịch.

Tía tô 3 chỉ, *Vỏ quít* 4 chỉ. Dùng nửa rượu nửa nước sắc cho uống.

11) Thương hàn suyễn gấp.

Phòng kỷ, *Nhân sâm* đều bằng nhau, tán bột. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước sắc *Tang bạch bì*.

12) Thương hàn thoát dương, tiểu tiện không thông.

Ngoài dùng *Đại hồi* tán nhỏ, trộn nước *Gừng* mà đắp lên bụng. Trong dùng bột *Đại hồi* trộn chung với *Ích nguyên* tán cho uống.

13) Sau cơn bệnh, người còn các chứng nóng sốt, khô miệng, đau cổ, hay ngủ.

Đại táo 20 quả, *Ô mai* 10 quả giã nát, nhồi với *Mật ong* làm hoàn bằng hạt *Hạnh nhân*, mỗi lần ngậm 1 hoàn nuốt lần, rất hay.

14) Thương hàn, ho ngược lên, uống đã nhiều thuốc nhưng không khỏi.

Hùng hoàng 3 chỉ, *Rượu* 1 chén. Sắc xong thừa lúc nóng gửi hơi sẽ khỏi.

15) Thương hàn nấc cụt, ợa nhợn không yên.

Đinh hương 1 lượng, *Thị đế* 1 lượng. Tán bột. Mỗi lần 1 chỉ với nước sắc *Nhân sâm*.

16) Thương hàn nấc cụt, tiếng nấc thật to.

Thanh bì (dùng cả ruột lẫn vỏ) nghiền thành bột. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước sôi để nguội.

17) Thương hàn nhiệt kết cả tuần, cuồng loạn muốn chạy, như thấy quỷ.

Trùn đất bắt lấy chừng nửa cân, bỏ ruột đất, nấu chung với nước tiểu cho uống, hoặc vắt lấy nước trùn cho uống.

18) Thương hàn sốt phát cuồng, vật vả.

Nuốt 1 quả trứng gà sống.

19) Thương hàn phát cuồng.

Long đả thảo tán nhỏ nhồi với lòng trắng trứng gà và *Mật ong* làm hoàn. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước nguội.

20) Thương hàn bụng đầy trướng.

Trần bì, *Bán hạ*, *Cát cánh* mỗi vị dùng 3 chỉ, *Gừng tươi* 5 lát cùng sắc cho uống.

21) Thương hàn Bách hợp bệnh⁽¹⁾, ruột đầy, bụng đau.

Bách hợp, sao chế thành bột. Mỗi lần uống 1 muống cà phê, ngày 2 lần.

1. Bách hợp bệnh. Bệnh danh thời cổ, xuất xứ *Kim quĩ yếu lược*, là một thứ bệnh chứng tâm phế âm hư, biểu hiện lìm lìm ít nói, muốn ngủ không ngủ, muốn đi không đi được, muốn ăn không ăn được.

22) Thương hàn âm chứng, vì cho uống thuốc hạ sớm quá thành chứng bĩ, bụng đầy mà không đau, ấn vào thấy mềm rỗng.

Chỉ xác, Bình lang, các vị đều bằng nhau. Tán bột. Mỗi lần uống 3 chỉ với nước sắc Hoàng liên.

23) Thương hàn phiền khát, tâm thần nóng nảy.

Tần giao 1 lượng, Sữa bò 1 chén to, sắc uống hai lần.

24) Thương hàn phát bứt rứt, hạ rồi còn phát hãn, ngày không ngủ được, đêm thì yên tĩnh, mình không nóng lắm.

Can khương 1 lượng, Sinh phụ tử 1 củ chẻ làm 8. Sắc uống.

25) Thương hàn phiền khát.

Trúc lịch 1 chén, nước 2 chén. Sắc uống nguội, uống xong cho dùng Qua lâu căn 3 lượng sắc chia 2 lần uống.

26) Thương hàn kết hung, ngực rất đau, hoặc thông rồi lại kết, suyễn xúc, phiền táo.

Trùn đất bắt sống 4 con nghiền nát như bùn, pha vào chút nước Gừng, 1 muống Mật ong, một ít nước Bạc hà, hòa với nước míc về mà uống.

27) Thương hàn kết hung sau khi uống thuốc hãn hạ.

Bình lang 2 lượng, *Rượu* 1 chén, sắc chia 2 lần uống.

28) Thương hàn đi lý, không ăn được.

Hoàng liên 4 lượng, *Ô mai* 10 quả bỏ hạt, nướng khô tán bột, *Sáp ong* to bằng con cờ, *Mật ong* nửa cân nấu lên, trộn làm hoàn. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước *Gừng*; ngày 3 lần.

29) Thương hàn kết hung, phát sốt, bụng vừa đầy, vừa đau.

Khổ sâm 1 lượng, *Giấm* 2 chén. Sắc còn 1 chén cho uống để gây nôn (bệnh độc thuộc thiên thời nếu không có *Khổ sâm* và *Giấm* thì không khỏi), lại đắp ấm cho ra mồ hôi thì tốt.

30) Thương hàn, hồ hoặc⁽²⁾ ăn dưới hạ bộ, đau ngứa không thôi.

Hùng hoàng nửa lượng, cho vào lọ sành đốt xông dưới hạ bộ.

31) Người bị bệnh hồ trùng⁽³⁾.

2. Hồ hoặc: Trùng do thấp nhiệt sinh ra, ăn dưới hạ bộ gọi là HỒ, ăn trên hầu họng gọi là HOẶC.

Răng mất sắc, lưỡi trắng, ham ngủ, không biết đau ngứa chỗ nào hoặc đi lỵ, nên kịp chữa ở hạ bộ. Người không hiểu bệnh này cứ công phạt bên trên mà hạ bộ sinh trùng, ăn vào hậu môn, lấn vào ngũ tạng, ắt phải chết.

Dồn lá *Thuốc cứu* với Hùng hoàng vào ống tre, đốt lấy khói xông dưới hạ bộ.

32) Thương hàn hồ hoặc

Mạch sắc, nóng dữ, hơi phiền, lìm lìm chỉ muốn nằm, mồ hôi ngừng đọng, mới bị ba bốn ngày mắt đỏ như mắt chim tu hú, 7 - 8 ngày, bốn góc mắt vàng đen, nếu ăn được là đã làm mủ rồi.

Đậu đỏ 3 cân, ngâm nước cho mọc mọng, phơi khô, *Đương quy* 3 lượng. Hai vị tán bột, uống 1 muống với nước, ngày uống 3 lần.

33) Thương hàn âm chứng rất lạnh, quyết nghịch, vật vả đau bụng mạch không còn, bệnh nguy cấp.

Lưu hoàng nghiền thành bột, dùng lá *Thuốc cứu* nấu nước làm thang, uống xong đắp mền mà ngủ, ra được mồ hôi là khỏi.

34) Thương hàn âm chứng, chân tay giá lạnh, mình hơi nóng, vật vả, 6 bộ mạch đều trầm nhược, đó là âm tột độ hóa thành táo.

Nhân sâm nửa lượng, sắc tối. Hòa tan với 2 chỉ *Đảm tinh*, uống nóng.

35) Thương hàn âm chứng.

Trước vì phòng sự, sau cảm hàn tà làm cho dương suy âm thịnh; 6 bộ mạch trầm phục, đau thắt bụng dưới, chân tay lạnh toát, nôn mửa ra nước trong.

Nhân sâm, Bảo khương, mỗi vị dùng 1 lượng, *Sinh phụ tử* 1 củ, chế làm 8 miếng. Dùng bốn chén nước, sắc lấy 1 chén uống, mạch sẽ hiện ra, mình sẽ nóng lên bệnh sẽ khỏi.

36) Chứng âm thịnh cách dương⁽⁴⁾ người bệnh phiền nóng mà không uống nước, mạch trầm, chân tay giá lạnh.

Phụ tử 1 củ to, đốt cháy tồn tính, tán nhỏ, hòa với *Mật ong* và nước cho uống, đổ mồ hôi là khỏi.

37) Sau khi giao hợp bị cảm hàn, bụng dưới đau đớn, lưng nặng, tay chân lạnh toát, mạch trầm tế, hoặc bị nấc.

4. Âm thịnh cách dương: âm hàn quá thịnh dồn đuổi dương khí ra ngoài xuất hiện chứng hậu bên trong thật là hàn mà bên ngoài nhiệt giả tạo, nên gọi là CÁCH DƯƠNG.

Phụ tử, Can khương đều bằng nhau, thái mỏng sao khô, tán nhỏ. Mỗi lần uống 1 chỉ với nước nóng và rượu ấm.

38) Thương hàn âm độc, chân tay lạnh ngắt.

* *Phụ tử chế 2* củ tán bột. Mỗi lần uống 3 chỉ với nước và rượu ấm.

* *Bách hợp* 1 lượng, sắc nước đặc cho uống.

* *Ngô thù du* 1 cân, tắm rượu cho ướt, dùng túi lụa hai lớp bọc lại, hấp nóng đem chườm hai gan bàn chân, nguội thì lại hấp đợi sức nóng thấu vào trong thì khỏi đau.

39) Thương hàn âm độc lưỡi thè ra.

Mai hoa, Long não hai vị bằng nhau, tán bột chấm vào lưỡi thì khỏi.

40) Âm dương dịch⁽⁵⁾.

Bị bệnh thương hàn mới khỏi đã giao hợp, âm dương đều bị bệnh, tay chân co rút, bụng dưới nóng dữ

5. Âm dương dịch: Đàn ông bệnh mới khỏi đã giao hợp, lây bệnh sang cho đàn bà gọi là dương dịch, trái lại đàn bà bệnh mới khỏi đã giao hợp lây bệnh sang cho đàn ông gọi là âm dịch. Cũng có thuyết nói sau khi giao hợp đàn bà bị bệnh gọi là âm dịch, đàn ông bị bệnh gọi là dương dịch.

dội, đầu không ngẩng lên nổi, gọi là âm dương dịch, phải phát hãn, nếu để quá 4 ngày là khó chữa.

Lá chàm 1 nắm, Cứt chuột đực 7 hạt. Sắc cho uống để phát hãn.

41) Âm dương dịch.

Đàn bà sau khi bị thương hàn chưa quá 100 ngày chớ nên giao hợp, không thì bị co rút, đau bụng muốn chết; phải kịp phát hãn, nếu để quá 4 ngày thì không chữa được.

Can khương 4 lạng, tán bột. Mỗi lần uống nửa lạng với nước đun sôi, đắp chăn cho ra mồ hôi, chân tay duỗi ra được thì khỏi.

42) Âm dương dịch: đàn ông, dương vật sưng bụng đau quặn thắt, đầu nặng, mắt hoa.

* *Cứt chuột* thứ hai đầu nhọn (*Lưỡng đầu tiên*) 14 hòn sắc với 1 nắm *Rễ hẹ*, cho uống ấm, ra được mồ hôi là khỏi, chưa ra thì lại uống nữa.

* *Hành sống* 1 nắm giã nát, hòa với 1 chén rượu cho uống.

* *Cứt chuột đực* 20 hòn, *Chi tử* 14 quả, *Chỉ xác* 3 quả, *Đậu thị* 30 hạt, *Hành sống* 2 tép. Sắc uống.

43) Thương hàn lâu ngày thành bách hợp, khát nước tựa lạnh mà không lạnh, tựa nóng mà

không nóng, muốn nằm mà không nằm, muốn đi mà không đi, muốn ăn mà không ăn, miệng đắng, nước tiểu đỏ, thuốc uống vào thì mưa, ỉa, biến thành bệnh khát, lâu ngày không khỏi.

Mẫu lệ nung 2 lạng, *Qua lâu căn* 3 lạng tán nhỏ hòa với nước cơm cho uống mỗi lần 1 muống, cà phê, ngày uống 3 lần.

44) Bệnh bách hợp biến thành chứng phiền nhiệt.

Bách hợp 1 lạng, *Hoạt thạch* 3 lạng tán nhỏ, cho uống. Mỗi lần một muống thấy hơi lợi tiểu tiện là khỏi.

45) Bệnh bách hợp đã cho hãn cho hạ rồi bệnh phát trở lại.

Bách hợp 7 miếng, ngâm nước 1 đêm, cho *Thổ châu* vào 1 lạng, *Hoạt thạch* 3 lạng sắc cho uống ấm.

46) Lao thực phục⁽⁶⁾:

Bệnh nặng mới khỏi vì lao lực và thương thực mà bệnh tái phát.

6. Người bị thương hàn mới khỏi vì quá lao nhọc mà bệnh tái phát gọi là Lao thực; nếu vì ăn uống không điều độ mà bệnh tái phát gọi là Thực thực; nếu kiêm cả hai lý do đó gọi là Lao thực phục.

Miết giáp đốt, nghiền ra, *Rễ lau* già vắt lấy nước cốt pha vào uống. Hoặc dùng lá *Tía tô*, *Gừng sống*, *Đậu thị* sắc uống.

47) Lao phục, mình nóng, đại tiểu đở như máu.

Dùng *Hồ hoàng liên* 1 lượng, *Chi tử* 1 lượng, *Mật ong* nửa lượng, trộn đều rồi đem sao hơi cháy, tán nhỏ, luyện với nước *Mật heo* làm hoàn: lại lấy 1 lát *Gừng sống*, 1 quả *Ô mai*, 1 chén *Nước tiểu* ngâm nửa ngày, bỏ *Gừng* và *Ô mai*, lại dùng nước ấy uống 10 hoàn thuốc sau bữa ăn.

48) Sau khi bị thương hàn, bệnh tà truyền vào kinh lạc mình gầy, da nóng có sự thay cũ đổi mới, hoặc bệnh thời khí, phục thử, người lớn trẻ em đều chữa được.

Sài hồ 4 lượng, *Cam thảo* 1 lượng, tán bột. Mỗi lần uống 2 chỉ.

5. TRÚNG THỬ (Say nắng)

1) Trúng thử chết ngất đi, bất tỉnh.

* Nước nóng từ từ đổ vào miệng, khẽ nâng đầu lên cho nước trôi vào bụng.

* *Thục địa* vừa đủ ép lấy 1 chén nước, chớ để nằm chỗ lạnh quá và đừng cho uống thuốc mát quá.

* *Lá bạc hà* tươi, giã vắt lấy nước cho uống là tỉnh ngay.

* *Châu sa* 5 phân, hòa nước cho uống là khỏi ngay.

2) Trúng thử, bất tỉnh nhân sự.

Mùa hè, đi giữa đường bị trúng nắng chết ngất, cần điu nạn nhân vào nơi râm mát, đào bới lấy 1 cục đất nóng giữa đường, đập ra nhào với nước, nặn thành cái khoanh tròn xung quanh rốn, gọi trẻ xúm đất vào đó cho hơi nóng thấu khắp thì sống, lại kiếm tỏi giã nước cho uống tiếp.

3) Trúng thử đổ mồ hôi không ngừng.

Đương quy 1 lượng, *Hoàng kỳ* 2 lượng, *lá Dâu tằm* 30 lá. Sắc uống.

4) Trúng thử, thở mạnh, mồ hôi ra như mưa.

Sinh thạch cao, *Nhân sâm* mỗi vị dùng 4 lượng, *Hoàng liên* 3 chỉ. Sắc cho uống 1 thang là yên ngay.

5) Trúng thử mẫn áo sờ giường như người phát triển.

Nhân sâm 3 lượng, Hoàng liên 2 chỉ. Sắc uống. Hòa tan hết, khí hồi phục thì yên.

6) Trúng thử đau vùng tim muốn chết (rất khó chữa).

Thạch cao 1 lượng, Hoàng liên 2 chỉ, Phục linh 5 chỉ, Bạch truật 3 chỉ, Hương nhu 1 chỉ, Hoắc hương 5 chỉ, Bán hạ 1 chỉ. Sắc uống, chỉ 1 thang là hết.

6. THƯƠNG THỬ (Cảm nắng)

1) Thương thử vừa thổ vừa tả.

Lưu hoàng, Hoạt thạch đều bằng nhau tán bột. Mỗi lần uống 1 chỉ với nước cơm.

2) Thương thử sinh tiêu chảy hoặc sốt rét.

*Hùng hoàng thủy phi 9 lần rồi cho vào ống tre chùng 7 lần, nghiền nhỏ làm hoàn. Mỗi lần uống 3 hoàn với nước *Cam thảo*, ngày uống 3 lần tự nhiên sẽ khỏi.*

3) Phục thử lại bị cảm lạnh, hai khí giao nhau làm tức cứng ở vùng trung quản, hoặc tiêu chảy hoặc nôn ọe, hoặc hoắc loạn chân tay giá lạnh.

Lưu hoàng sao kỹ, Hoạt thạch tán bột trộn hồ làm hoàn nhỏ. Mỗi lần uống 50 viên.

4) Các chứng thương thử.

Mùa hè nằm nơi ẩm thấp hóng gió hoặc ăn đồ sống sít không chừa mực, chính khí với tà khí xung đột nhau gây ỉa chảy nôn mửa, kiết lỵ hoặc phát sốt, đau đầu đau mình, hoặc vọp bẻ, nôn khan, hoặc chân tay giá lạnh, buồn bực gần chết.

Hương nhu 1 cân, Hậu phác tắm nước gừng sao nửa lượng, Bạch biển đậu sao qua nửa lượng. Tán bột. Mỗi lần dùng 5 chỉ, sắc với hai chén nước và nửa chén rượu cho uống, ngày làm 2 lần là khỏi.

7. NHIỆT BỆNH

1) Phát sốt nóng âm ỉ tận xương.

Mang tiêu, tán bột hòa với nước cho uống mỗi lần 1 muống cà phê, ngày uống 2 lần, rất hay.

2) Vừa sốt vừa ho.

Thạch cao 1 lạng, *Chích thảo* 5 chỉ, tán nhỏ liều uống 3 chỉ, uống với nước sắc *Gừng sống* và *Mật ong*.

3) Người già bị phong nhiệt, mắt nóng đỏ, nhức đầu, trông không rõ.

Thạch cao 3 lạng, *Lá Tre* 50 lá, sắc lấy nước cho vào 1 lạng *Đường cát* và một chén gạo nấu ăn.

4) Phiền nhiệt trên ngực, khát nước, thuốc này lợi 9 khiếu.

Thạch cao 2 lạng, nghiền nhỏ, cho vào túi vải sắc trước, rồi cho gạo vào nấu cháo mà ăn.

5) Phụ nữ huyết hư phát nhiệt.

Bạch truật 1 lạng, *Phục linh* 1 lạng, *Bạch thược* 1 lạng, *Cam thảo* 5 chỉ, tán bột. Mỗi lần uống 3 chỉ với nước sắc *Gừng tía*.

6) Tam tiêu tích nhiệt.

* *Huyền sâm* 1 lạng, *Hoàng liên* 1 lạng, *Đại hoàng* 1 lạng, tán nhỏ luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 30 - 40 hoàn với nước sôi để nguội.

* *Hoàng liên* tán bột, nấu *quả Bí đao* lấy nước luyện hoàn bằng hạt đậu, liều uống 30 - 40 hoàn với nước sắc *Đại táo*.

7) Ngũ tâm phiền nhiệt⁽⁷⁾.

Hoàng liên tán bột, liều uống 1 chỉ, với nước cơm sôi, rất hay.

8) Nóng trong phổi.

Hoàng cầm sao tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 20 - 30 hoàn với nước sôi để nguội.

9) Đàn bà phát sốt rét thành bệnh lao, gầy gò kém ăn, kinh nguyệt không đều.

Can địa hoàng 1 cân, tán nhỏ, luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 50 hoàn với rượu.

10) Nóng âm ỉ trong xương, khi nhẹ khi nặng bất thường (gọi là quỷ khí).

Thanh hao 5 chén thêm nước tiểu trẻ con 5 chén vào, sắc còn 3 chén, lược kỹ rồi cô đặc lại, cho vào 1 cái *Mật heo* rồi cô lại nữa cho đến cạn còn 1 chén, nguội rồi cho vào 3 lạng bột *Cam thảo*, làm hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 20 hoàn với nước cơm sôi.

11) Nhiệt bệnh nói sảng, phát cuồng.

7. Mỏ ác, hai lòng bàn tay và hai lòng bàn chân phát nóng.

Đại hoàng 5 lạng, nghiền nhỏ sao đỏ lên, dùng Sáp ong và nước lã nấu thành cao. Mỗi lần uống nửa muống.

12) Hư hỏa bốc lên, lưng nóng như lửa đốt.

Phụ tử tán bột, liều dùng vừa đủ, trộn với nước đá đem dán vào huyết Dũng tuyến (ở gan bàn cẳng).

13) Da nóng như thiêu đốt, hoặc cảm mạo ho hen đã lâu sinh chứng nóng trong xương, hằng ngày mưa ra đờm, phiền khát, ăn uống được, 6 mạch phù hồng.

Hoàng cầm 1 lạng, sắc cho uống thì khỏi.

14) Chữa chứng vì huyết hư mà phát sốt. Ráo miệng khát nước đòi uống luôn, mặt mắt đỏ gay, đêm ngày không ngủ, mạch hồng đại mà hư, mạch vô lực, đó là chứng hậu huyết hư do đói khổ khó nhọc tựa như chứng Bạch hổ thang; chỉ khác là mạch không trường, nếu cho uống lầm Bạch hổ thang là chết, phải dùng bài này để chữa.

Dương quy 2 chỉ, Chích hoàng kỳ 1 lạng, sắc cho uống ấm lúc đói.

15) Đàn bà phát sốt, phiền khát.

Cát căn 4 lạng, Gạo lúc nửa cân ngâm nước một đêm, vớt ra nấu chín như cơm cho ăn.

16) Nóng quá nôn ra máu.

Hoàng bá tằm Mật ong, nướng khô tán bột, uống với nước sắc *Mạch môn*.

17) Bỗng nhiên phát sốt đại tiện ra máu.

Một khúc *Ruột heo*, rửa sạch ép khô, *Hoa hòe* sao dồn vào ruột cho đầy, chế *Giấm* vào nấu chín như đem sấy khô tán bột làm hoàn. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước sắc *Đương quy* và rượu.

18) Phát sốt khô miệng, tiểu tiện gắt đỏ.

Mía róc vỏ, ép lấy nước cho uống.

19) Sau cơn sốt, vì ăn uống hoặc vì giao hợp mà bệnh tái phát muốn chết, không nói năng được nhiều.

Chi tử 30 quả sắc uống cho ra chút mồ hôi thì khỏi.

20) Minh phát sốt bất cứ người lớn trẻ con.

Trứng gà hòa với một ít *Mật ong* cho uống.

21) Sốt mới khỏi, vì ăn những thứ cay nóng làm mờ mắt.

Cá diếc làm gỏi cho ăn.

22) Nghiệm phương chữa chứng thuần nóng nói sảng, ho hen kéo đờm, râu lưỡi trắng, đỏ.

Liên kiều, Chi tử, Đại hoàng, Phác tiêu, Hoàng cầm, Trúc diệp, Bạc hà chế mật. Sắc uống hay vô cùng.

23) Bài thuốc chữa nóng lạnh.

Thường sơn, Thảo quả, Bình lang, Nam sâm, Cam thảo, phơi khô tán bột. Mỗi lần uống 3 chỉ với rượu.

24) Ôn bệnh nóng ọc vì trong dạ dày có phục nhiệt, khiến ngực đầy hơi đưa xốc lên mà sinh ọc, hoặc vì tả hạ mạnh quá dạ dày bị hư lạnh cũng thành nôn ọc.

Rễ tranh, Củ sắn dây, 2 vị bằng nhau sắc lấy nước uống, mỗi lần độ 1 chỉ, hễ ngưng nôn ọc thì thôi.

25) Ôn bệnh thời khí mới bị cảm, nhức đầu, sốt cao, mạch đại.

Củ nén 1 chỉ, giã lấy nước cốt uống hết một lần.

26) Phong nhiệt, gân xương đau nhức.

Thạch cao 2 chỉ, *Bột mì* 7 chỉ, tán nhỏ, rồi nung đỏ lên, để nguội hòa vào rượu đun sôi mà uống, đắp mền cho ra mồ hôi.

27) Phong nhiệt sinh bọt rận, hạ bộ lở ngứa.

Muối ngào nóng mà chườm.

28) Phát sốt, miệng khát, tiểu tiện gắt.

Ngọc trúc 5 lạng nấu nước uống.

29) Tâm kinh thực nhiệt.

Hoàng liên 7 chỉ, nước 1,5 chén sắc uống khi thuốc còn ấm, cách xa bữa ăn. Trẻ con thì bớt phân lượng.

30) Khớp xương tích nhiệt, dần dần sinh gầy gò, vàng vố.

Hoàng liên 4 chỉ, *Đông tiện* 1 chén, ngâm 1 đêm đem ra đun sôi đạo lọc bỏ bã, chia làm 2 lần uống.

31) Da nóng như đốt hoặc cảm sốt ho lâu ngày lại thêm phòng sự, biến thành nóng âm trong xương, da như lửa đốt, thường ngày ho đờm, phiền khát, kém ăn mất ngủ, mạch phù hồng.

Hoàng liên 1 lạng, nước 2 chén to, sắc lấy 1 chén, uống dần từng hớp.

32) Nhiệt độc làm chân sưng đau như muốn rụng ra.

Khổ sâm sắc với rượu, dùng để xoa bóp và ngâm chân.

33) Hư nhiệt: cơ thể nóng khô, khát nước nhiều, mặt đỏ, ngày đêm không ngủ:

Mạch hồng đại mà hư, ấn sâu thì vô lực, đó là chứng huyết dư do đói ăn mà làm lụng nhọc mệt quá độ, tựa như chứng Bạch hổ thang, nhưng khác ở chỗ mạch thường thực, nếu cho uống nhầm Bạch hổ thang thì chết ngay. Dùng phương này:

Dương quy rửa với rượu, 2 chỉ, *Hoàng kỳ* tẩm mật nướng 1 lượng, dùng 2 chén nước, sắc còn 1 chén, uống nóng vào lúc đói.

34) Lau nhiệt, nóng âm ỉ trong xương.

Sinh địa ép lấy nước 1 cân giã 3 lần vắt cho hết nước, chia uống làm 3 lần. Nếu đi cầu lỏng thì giảm bớt, uống đến khi người mát thì thôi.

35) Bệnh nhiệt gây thổ tả, mình lạnh, mạch vi, buồn phiền vật vã không ngừng.

Phụ tử nướng 1 củ bỏ vỏ rốn, chia làm 8 miếng, cho vào 1 chỉ *muối*, nước 1 cân, sắc lấy nửa cân, uống lúc thuốc còn ấm.

36) Đau đầu phát sốt từng cơn.

Qua lâu (Dưa trời) 1 quả, lấy cùi tước nhỏ, đun nóng lên, lấy 1 chén uống và 1 chén gội đầu, rồi trùm lại (ủ hơi) một lát.

37) Khí dồn lên phát sốt do chạy nhảy nhiều và uống nước lạnh.

Lá tre 3 cân, Vỏ quít 3 lạng, nước 1 đấu, sắc lấy 5 cân, uống dần trong 3 ngày.

38) Nấc do lạnh hoặc do uống nhiều nước.

Rễ cỏ tranh cắt nhỏ, lá Nhót tây (chùi sạch lông nướng thơm đều 8 lạng, nước 4 cân, sắc lấy 2 cân, bỏ bã uống dần.

39) Khí kết ở dưới tim không tan.

Quả đào héo (Đào nô) trên cây 3 lạng, tán nhỏ uống 2 chỉ với rượu vào lúc đói.

8. DỊCH BỆNH

1) Quai bị.

Cứt trùn, trộn với nước mà đắp.

2) Thời khí, đau đầu, sốt cao.

Hành bóc trắng 20 tép, cho Gạo trắng vào nấu cháo, cho ít Giấm chua vào, ăn lúc đang nóng để gây đổ mồ hôi, sẽ khỏi.

3) Thời khí, phiền khát.

Ngó sen tươi, giã lấy nước cốt 1 chén, chế thêm một ít *Mật ong* vào uống khỏi ngay.

4) Thời khí, phát vàng da.

Lá tre, Tiểu mạch, Thạch cao. Sắc uống. (Bản chữ Hán ghi phân lượng rất lớn. Có thể dùng mỗi vị 1 lượng - ND).

5) Bệnh thời khí phiền táo, đến 5 - 6 ngày.

Trúc lịch nửa chén. Sắc uống ấm một vài lần, đắp chăn cho ra mồ hôi là khỏi.

6) Thời khí, tà độc công ra chân tay, sưng nhức như muốn đứt.

Dùng *Thịt trâu* đắp vào chỗ đau.

7) Thuốc phòng tránh ôn dịch.

* *Lá thông* nghiền nhỏ, trộn với nước cọc rào cho uống.

* Ngày 1 tháng 5, lấy đất trên mả dựng trong hũ sành, chôn dưới thềm ngoài cửa thì cả nhà không lo ngại gì.

* Gọt móng ngựa, đựng vào cái túi cho trẻ đeo, nam tả nữ hữu.

* *Chu sa* 1 lạng, tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, chọn sáng sớm ngày có sao Thái tuế, cả nhà lớn bé chạy lòng, cùng ngảnh mặt về hướng đông mà nuốt trứng 7 hoàn, không để chạm vào răng.

* Khi có bệnh dịch, lấy *Cành đào* hướng đông, chặt nhỏ nấu tẩm, vẫn dùng chút ít *Hùng hoàng* gói lại bằng lụa đem nhét lỗ mũi nam tả nữ hữu, nó có tài trừ ác khí không cho nhuộm vào.

9. CHƯỚNG KHÍ

1) Phòng chướng khí.

Chu sa thủy phi, mỗi lần uống nửa chỉ với nước mật hâm nóng.

2) Chướng khí thành khối trong bụng.

Tất bát 1 lạng, *Đại hoàng* 1 lạng, tán nhỏ cho chút ít bột *Xạ hương* vào, luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu, liều uống 30 hoàn, uống với rượu nhạt.

3) Chướng khí gây nóng sốt mê man, bứt rứt khó chịu, uống nước hoài không chịu thôi, rất nguy.

Sinh địa tươi, *Bạc hà*, 2 vị giã vắt lấy nước cốt, cho vào ít *Xạ hương* và nước *Gừng* mà uống, khi bệnh nhân tự cảm thấy lạnh thì không cho uống nữa.

4) Cảm phải chướng khí gây thành chứng chân hàn giả nhiệt(!).

Phụ tử sống 1 củ, chế làm 4, mỗi miếng dùng 10 lát *Gừng* và 1 chén nước, sắc cho uống ấm.

5) Phòng bệnh chướng khí, ngừa cảm nhiễm.

Cát căn tươi, giã vắt nước cốt cho uống chừng 1 chén thì trừ được nhiệt độc.

6) Thời khí chướng dịch.

Trắc bá diệp lấy cành phía tây nam phơi khô tán bột, hòa với nước mới múc, uống mỗi lần 1 chỉ, ngày 3 lần.

7) Nhiễm sơn lam chướng khí.

Tê giác, *Linh dương giác*. Tán bột. Mỗi lần uống 1 chỉ với nước sôi để nguội.

8) Thuốc phòng chói nước và ngừa nước độc.

Phèn chua 1 lượng, *Cam thảo* sống 1 lượng. Hai vị tán bột, cứ mỗi sáng sớm cho uống 1 chỉ thời khỏi lo.

9) Phương gia truyền giải bách độc.

Mộc hương 1 lạng, *Đại hoàng* 1 lạng, nửa đế dùng sống, nửa tấm rượu sao, tán bột; dùng mủ *Xương rồng* luyện làm hoàn bằng hạt đậu, mỗi lần uống 1 hoàn.

10. SỐT RÉT

1) Các chứng sốt rét.

* *Hoạt thạch* đốt 4 lạng, *Hoắc hương* 1 chỉ, *Đinh hương* 1 chỉ, *Thanh hao* 1 nắm. Tán bột, uống với nước cơm.

Ngoài dùng *Lá mướp* giã nát cho vào ít muối, lấy mảnh vải mỏng cột tại cổ tay chỗ bắt mạch, nam tả nữ hữu, để chặn cũ, phương này rất thần hiệu.

* *Rau khúc tần* (*Xích cước mã lan*) giã vắt lấy nước cốt cho vào 1 tí đường cát trắng, uống chặn cũ ngày lên cơn.

* *Phụ tử* 5 chỉ; *Nhân sâm*, *Đan sâm*, *Can khương* đều 1 chỉ, tán bột luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 1 chỉ trước khi lên cơn; nếu sức thuốc vừa đúng sẽ mưa, chưa mưa thì phải uống thêm.

2) Tỳ vị tụ đàm phát ra sốt rét.

Gừng sống 4 lạng, giã vắt lấy cốt, cho vào 1 chén rượu phơi sương 1 đêm đến canh năm lên cơn, mặt hướng về phía Bắc mà uống, sẽ khỏi ngay; nếu chưa khỏi lại uống lần hai.

3) Sốt rét khát nước nhiều.

Nước tiểu trẻ con hòa với *Mật ong*, nấu sôi cho uống.

4) Tỳ hàn, ngũ tạng hư yếu sinh sốt rét, lạnh nhiều nóng ít.

Thảo quả 1 quả, *Phụ tử* 1 củ tẩm nước muối sao 7 lần, chia làm hai phần. Mỗi lần uống dùng 1 phần thêm *Nước* 1 chén, *Táo* 7 quả, *Gừng* 7 lát. Sắc uống, nên cho uống ấm để chặn cử, uống đón trước cơn, chưa khỏi lại làm uống lần nữa.

5) Sốt rét phiền nóng ráo quá hoặc sốt rét rừng.

Trùn đất 4 con (còn sống) đem nghiền nát như bùn, cho vào ít nước cốt *Gừng*, nước cốt *Bạc hà* và 1 muống *Mật ong*, hòa với nước mới múc cho uống. Nếu nóng nhiều dùng chút ít *Phiến thảo* vuốt vuốt dưới chơn thủy giấy lát, đổ mồ hôi sẽ khỏi.

6) Sốt rét nóng mà không lạnh hoặc sốt rét kinh niên.

Xuyên sơn giáp 1 lạng, *Táo* 10 quả đều đốt tồn tính, tán bột, đến canh năm hôm lên cơn, dùng 2 chỉ, cho uống với nước giếng ban mai để chặn cử.

7) Sốt rét nóng nhiều (ôn ngược) lâu ngày không khỏi.

Xuyên quy 1 lạng, sắc uống, hai lần mỗi ngày.

8) Sốt rét nóng nhiều.

Thường sơn 1 chỉ, *Tiểu mạch* 2 chỉ, *Đạm trúc điệp* 2 chỉ. Sắc uống lúc canh năm.

9) Ôn ngược đàm nhiều.

Thạch cao 1 lạng, *Nước tiểu trẻ em* tằm nửa lạng, *Hoàng đơn* tán bột. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước sôi để nguội.

10) Các chứng rét rừng, không cứ mới hay đã lâu.

Nước tiểu trẻ em 1 chén cho vào hai muống *Mật ong*, quây đều hớt bọt trắng cho uống, mưa được đàm ra là tốt, không mưa sẽ không khỏi.

11) Sốt rét nhiều mồ hôi.

Hoàng đơn thủy phi, Bách thảo sương, Thường sơn. Tán bột luyện hồ làm hoàn. Mỗi lần uống 2 chỉ, ngày hai lần; cho uống lúc đói hôm lên cơn.

12) Tỳ hư sốt rét, lạnh nhiều nóng ít, không thiết ăn uống.

* *Cao lương khương* tẩm dầu mè sao, *Can khương*, mỗi vị dùng 1 lượng, tán nhỏ, luyện với nước mật heo làm hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 14 hoàn với rượu lúc sắp lên cơn.

* *Cao lương khương* và *Can khương* nửa để sống nửa sao chín mỗi vị nửa lượng, thêm *Xuyên sơn giáp* sao cháy 3 chỉ; cách làm hoàn và cách dùng như trên.

13) Rét rừng, kiêm khí hư, nóng ít lạnh nhiều, hoặc thuần lạnh.

Thảo khấu nhân, Phụ tử chế hai vị bằng nhau, *Gừng* 7 lát, *Táo* 1 quả sắc cho uống.

14) Người già vì lao nhọc lại bị sốt rét.

Miết giáp tẩm giấm sao, *Hùng hoàng* 1 chút. Mỗi lần uống 1 muống, 1 đêm uống 1 lần, sáng sớm uống 1 lần hoặc lúc sắp tối cho uống 1 lần là khỏi.

15) Sốt rét, lâu ngày không khỏi.

* *Lưu hoàng, Thần sa* đều dùng bằng nhau, tán bột hôm lên cơn sốt cho uống từ canh năm. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước trà. Rét nhiều thì dùng gấp đôi *Lưu hoàng*, nóng nhiều dùng gấp đôi *Thần sa*.

* *Thương nhĩ tử (Bạch cương tâm)* tán nhỏ luyện hồ làm hoàn, *Chu sa* làm áo, khi mặt trời chưa mọc, ngoảnh mặt về hướng đông uống bằng nước sắc *Cành đào* (7 tác xưa).

16) Sốt rét, vì lao nhọc quá lâu ngày không khỏi.

Cỏ xước 1 nắm, cắt sống sắc uống, ngày 3 lần.

17) Sốt rét kinh niên.

* *Thường sơn, Hoàng liên* đều dùng 1 lượng, ngâm rượu 1 đêm. Mỗi lần uống 5 chung nhỏ, uống chận cữ, đến lúc lên cơn lại uống nữa, nóng thì thổ ra, lạnh thì lợi đại tiện. không ai là không khỏi, nhưng phải là người mạnh mới dùng được.

* *Dạ minh sa*, tán nhỏ cho uống 1 chỉ với nước trà để nguội.

18) Sốt rét do tà khí.

Một cuốn *lịch Tàu* đã cũ (cách năm), ngày mồng 5 tháng 5 âm lịch, lúc xế trưa đốt lấy tro luyện hồ làm hoàn, cứ sáng sớm hôm lên cơn uống 30 hoàn với nước mưa.

19) **Chứng quái ngược:** sau khi sốt trong miệng mũi thở ra có thứ hơi quanh quần không tan rất khó chịu, qua 10 ngày chạy tới vai, ngưng lại thành sắc đen, bám sát với thịt có cảm giác như đá.

Trạch tả, sắc uống ngày 3 chén, uống 5 ngày liền sẽ khỏi.

20) Sốt rét lâu ngày sưng lách.

Mộc miết tử, Xuyên sơn giáp đốt. Hai vị bằng nhau tán bột. Mỗi lần uống 3 chỉ với rượu.

21) Sốt rét nóng nhiều.

Cứt trùn, Xương hổ, Củ tỏi. Tán bột, ngày Ngo luyện làm hoàn, Chu sa làm áo, uống 3 hoàn với nước mưa.

22) Phương gia truyền chữa sốt rét.

Thường sơn, Nam sâm, Bình lang, Thảo quả, Cam thảo, Rượu 2 chén và cho thêm nước. Sắc uống.

23) Sốt rét cách nhật và rét rừng.

Thường sơn (tẩm rượu), Trạch lan (sao), Tiền hồi, Trần bì. Tán bột nhồi với cơm nguội làm viên bằng hạt bắp, liều uống 10 hoàn với rượu, hoặc nước sắc Hoắc hương. Nếu lâu không khỏi thì lấy thuốc phối sương 10

đem cho uống, rất thần hiệu (uống thuốc này nên kiêng *giấm*).

24) Bị chói nước gây sốt rét (không hợp thủy thổ).

Phục linh 2 lạng, *Trùn đất* 50 con, rửa nước muối 3 - 4 bận, *Hồ hoàng liên* 1 lạng, *Đậu xanh* 1 chén.

Dùng 1 quả *Bí đao*, khoét bỏ ruột, dồn tất cả các vị thuốc trên vào, đây nắp lại, ngoài ràng rịt kỹ, nấu chín, đem ra phơi khô tán nhỏ, luyện với mật ong làm hoàn cho uống.

25) Nhiễm sơn lam chướng khí (khí độc của rừng núi).

Dưỡng chính đan: gồm *Thương truật*, *Chỉ xác*, *Trần bì*, *Sơn trà*, *Thần khúc*, *Hoàng liên*, *Hoàng cầm*, *Chỉ tử* bằng nhau tán nhỏ, dùng nước *Gừng* nhạt, khuấy hồ, làm hoàn bằng hạt ngô đồng. Mỗi lần uống 10 hoàn với nước lã.

26) Sốt rét cơn do tỳ hư suy, đàm tích.

Gừng sống 4 lạng vắt lấy nước cốt 1 chén, phơi sương 1 đêm, rồi uống trước vào sáng ngày lên cơn. Nếu chưa dứt cơn thì uống thêm.

27) Sốt rét cơn ở rừng núi: nóng rét qua lại, nhức đầu đau mình, nôn mửa hoặc ra nhiều mồ hôi, khát nhiều hoặc ỉa chảy, phiền táo.

Phụ tử 1 củ to, bỏ làm 4, mỗi lần lấy 1 phần, nước 1 chén, *Gừng* 10 lát, sắc uống lúc thuốc còn ấm.

28) Rét cơn có báng (chỉ rét không nóng).

Thường sơn sao giấm, *Vân mẫu* (vẩy trang) đốt 2 ngày đêm, *Long cốt* đều 2 lạng, tán nhỏ uống vào sáng sớm ngày phát cơn, mỗi lần 5 phân, với nước *Chua me*.

29) Sốt rét do tỳ hàn: rét nhiều nóng ít, hoặc chỉ rét không nóng.

Phụ tử 4 củ, ngâm nước muối và bào chế 7 lần, bỏ rốn, chia làm 2, mỗi lần dùng 1 chén nước, 7 miếng *Gừng*, 1 quả *Táo*, sắc xong phơi sương 1 đêm, sáng ngày lên cơn, hâm nóng lên mà uống. Trước khi lên cơn, lấy *Phụ tử* mài với giấm, bôi lên lưng và vai.

30) Sốt rét có báng (chỉ nóng không lạnh).

Thường sơn chế 1 chỉ, *Ma hoàng* 1 chỉ, bột *Mẫu lệ* 2 chỉ. Trước sắc *Thường sơn*, *Ma hoàng* bỏ hạt, rồi cho *Mẫu lệ* vào sắc, lấy 1 bát uống ấm trước khi lên cơn.

31) Ôn ngược chỉ nóng không rét.

Thạch cao 2 lạng, tắm *Đồng tiện*, sấy khô, sắc uống.

11. THƯƠNG THẤP

1) Giao gia hoàn. Có tác dụng thăng thủy giáng hóa, chữa đủ các chứng thương thấp.

Thương truật 1 cân, chia ra 4 phần, 1 phần tẩm nước vo gạo, 1 phần tẩm nước muối sao, 1 phần sao chung với *Xuyên tiêu*, 1 phần sao với *Phá cố chỉ*.

Hoàng bá 1 cân, cũng chia làm 4 phần, 1 phần tẩm rượu sao, 1 phần tẩm *Đông tiện* sao, 1 phần để sống, 1 phần sao chung với *Tiểu hồi*.

Sau hết bỏ các tá dược mà chỉ lấy *Thương truật* và *Hoàng bá*, tán nhỏ, luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu, mỗi lần uống 60 hoàn, uống với nước muối khi đói.

2) Khảm ly hoàn. Tư âm giáng hỏa, khai vị tiến thực, làm mạnh gân xương, khử thấp nhiệt.

Thương truật 1 cân, tẩm nước vo gạo, phơi thật khô, chia làm 4 phần, 1 phần sao *Phá cố chỉ*, 1 phần sao với *Xuyên khung*, 1 phần sao với *Xuyên tiêu*, 1 phần sao với *Ngũ vị tử*.

Hoàng bá 4 cân, chia làm 4 phần, 1 phần tẩm sữa người rồi nướng, 1 phần tẩm nước vo gạo rồi nướng,

1 phần tấm *rượu* nướng, 1 phần tấm nước tiểu trẻ em cũng đem nướng, mỗi thứ sao tẩm ba lần thành 12 lần sao tẩm rồi tán thành bột, luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 30 viên với nước cơm ngày ba lần.

3) Thương thấp ra mồ hôi nhiều, khát nước nhiều, nói sáng.

Thạch cao, Chích thảo. Hai vị bằng nhau, tán bột. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước giếng hoặc nước *Địa tương*.

4) Nhiễm thấp, đau trong xương.

Bạch truật 1 lượng sắc với 3 chén *Rượu* mà uống, nếu không uống được rượu thì sắc với nước.

5) Thấp khí gây đau nhức, lại kiêm có chứng cước khí và các chứng hư yếu tự hãn, đổ mồ hôi ở âm bộ.

Bạch truật 1 cân, sắc cô đặc thành cao, rót vào hũ để dùng dần, mỗi lần uống 1 muống với nước sôi.

Ngoài dùng *Phèn phi* cả nhỏ hòa với nước sôi mà rửa chỗ có ngứa.

6) Phong thấp đau nhức.

Ké dầu ngựa 3 lượng, sao tán dập, sắc lọc bỏ bã, cho uống từng hợp một.

7) Phong hàn tê thấp, chân tay sưng đau co quắp.

Hạt tía tô 2 lạng, giã nát vắt lấy nước dùng nấu cháo với Đậu thị, thêm Hành, gừng, Tiêu mà ăn.

8) Phong thấp đau khắp các chỗ.

A giao 1 lạng, Nước gừng nửa chén, cùng nấu thành cao, thêm Nhũ hương, Một dược mỗi thứ 1 chỉ, đem phết lên giấy dán vào chỗ đau lúc còn đang nóng, nguội lại thay miếng khác.

9) Lưng và chân vừa lạnh vừa đau.

Thảo ô dầu 3 củ, bỏ vỏ và nùm, nghiền nát trộn giấm trét vào.

10) Vì thấp trệ mà chân sưng, sớm nhẹ chiều nặng.

Thảo ô dầu 1 lạng, Gừng sống 1 lạng, Thương truật 1 lạng, Hành 1 lạng nghiền chung, để 1 đêm rồi đem phơi sấy khô tán bột luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh. Mỗi lần uống 50 hoàn với rượu.

11) Thấp khí đầy bên trong: ống chân hơi sưng, tiểu khó, ho suyễn.

Hắc sừu 1 lạng, Hậu phác chế nửa lạng, tán bột. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước gừng.

12) Hỏa long cao. Phương kinh nghiệm chữa phong thấp tê đau.

Nhũ hương, Một dược mỗi vị 5 chỉ, *Gừng sống*, thái nhỏ nửa chung, *Ngưu tất* 2 lạng, *Xạ hương* 1 phiến. Sắc uống.

13) Nghiệm phương chữa phong thấp, đau khớp, đau khắp cả mình, ngày nhẹ đêm nặng, uống phương này mát huyết khỏi đau.

Tứ vật thang gia *Mẫu đơn* 2 chỉ; *Khương hoạt*, *Tân giao*, *Hoàng cầm* đều 1,5 chỉ; *Hồng hoa* 1 chỉ. Nếu hạ bộ đau, cũng *Tứ vật thang* gia *Thương truật* *Hoàng bá*, *Quảng ngưu tất* đều 1 chỉ; *Nhũ hương*, *Một dược*, *Hổ hĩnh cốt* thấm rượu nướng đều 5 chỉ.

Nếu miệng khô lưỡi ráo, không ngủ được, đại tiện bón là do huyết nhiệt, nên cho uống xen với Lục vị hoàn.

14) Cả người xương đau nhức như dùi đâm.

Xương đầu hổ 2 lạng, *Ngưu tất* 4 lạng, *Đương quy* 1,5 lạng, *Phụ tử* to củ 7 chỉ, *Nhũ hương* 1,5 lạng. Các vị tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 chỉ với rượu.

Ngoài dùng *Thuốc cứu*, *Gừng sống*, *Xương hổ* sao nóng giã nát, vải mỏng đem trùm lại, chườm bóp chỗ đau.

15) Phương gia truyền chữa phong thấp.

Thực địa 1,5 lạng, *Đương quy*, *Ngưu tất*, *Khuông hoạt*, *Độc hoạt*, *Ý dĩ*, *Bạch linh*, *Tần giao*, *Tục đoạn*, *Tang ký sinh*, *Tùng tiết*, *Thương truật*, *Phòng phong*, *Thiên ma*, *Nhũ hương*, *Một dược*, *Đỗ trọng*, *Mộc qua*, *Trần bì*, *Bán hạ*, *Bạch thược*, *Ngũ gia bì*, *Xuyên khung*, *Cam thảo*, *Thảo ô*, *Xuyên ô*, *Hồ hĩnh cốt*, *Xích hoa xà*, *Bạch hoa xà*, *Đơn sâm*, *Bạch truật*, *Tỳ giải*, *Hoàng bá*, *Hoàng kỳ*, *Quy bản*. Mỗi vị 3 chỉ.

Hoặc tán luyện hoàn uống với rượu.

Hoặc ngâm rượu uống cũng được.

16) Hoạt lạc toàn chân phương, chủ trị các chứng khí huyết hư yếu: Không muốn ăn uống, dương sự không cương, di tinh bạch trọc lưng gối mềm yếu, đi lại không có sức, răng trôi lên căng nhức.

Thực địa, *Câu kỷ*, *Sơn dược*, *Hoàng bá*, *Thỏ ty tử* đều dùng 2 lạng; *Phục linh*, *Sơn thù*, *Ba kích*, *Chỉ thực*, *Tiểu hồi*, *Xương bồ*, *Viễn chí*, *Tục đoạn*, *Ngưu tất*, *Mộc qua*, *Mạch môn*, *Đương quy*, *Tang ký sinh*, *Đỗ trọng* đều 1 lạng; *Tần giao* 7 chỉ, *Nhân sâm* 5 chỉ. Các vị tán nhỏ, luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu, mỗi lần uống 70 hoàn lúc đói với nước muối nhạt hoặc rượu.

17) Hoạt lạc ký sinh phương, chủ trị thận tạng hư hàn, hai chân tê dại, đi lại không có sức, đầu gối và ống chân mềm yếu.

Đương quy 2 chỉ, Phòng phong 2 chỉ; Thạch học, Tần giao, Ngưu tất, Mộc qua, Đỗ trọng, Hoàng kỳ đều 3 chỉ; Tang ký sinh 1,5 chỉ; Thổ ty tử, Quế chi, Hoàng bá (sao rượu) đều 1 chỉ, gia Gừng táo sắc uống, nếu có mồ hôi lạnh gia Nhân sâm 5 chỉ.

18) Tê thấp. Hai chân co quắp, chân mềm không có sức và chữa cả Hạc tất phong.

Hoàng kỳ, Nhân sâm mỗi vị 2 chỉ; Thăng ma, Sài hồ mỗi vị 7 phân; Thục địa, Tục đoạn, Đương quy, Uy linh tiên mỗi vị 1,5 chỉ; Ngưu tất, Đỗ trọng, Bạch truật, Hoàng bá, Tỳ giải, Hoàng long sao rượu mỗi vị 1 chỉ; Xuyên khung, Bạch thược, Tiểu hồi, Độc hoạt đều dùng 8 phân; Cát cánh 5 phân, Ô dước 6 phân; Tần giao, Bạch đàn, Hoàng lục đều 7 phân, Tang ký sinh 1 chỉ, sắc với rượu uống lúc đói.

19) Cước khí mới phát, sợ lạnh phát sốt, bí đầy buồn bực, hai chân sưng to, buồn phiền đau mình.

Bình lang 7 hạt, Đại phúc bì rửa rượu 2 lượng, lá Quít xanh 49 lá. Sắc uống.

Đau ở trên thuộc phong, gia Cát cánh. Khương hoạt, Quế chi, Uy linh tiên. Đau ở dưới thuộc thấp gia

Ngưu tất, Phòng kỷ, Mộc qua, Hoàng bá, Huyết hư gia Xuyên khung, Đương quy, Đào nhân, Hồng hoa, Nhục quế, Bạch truật.

20) Hai chân tê thấp, mu bàn chân nóng như lửa đốt, dần dần lan tới đùi vế, eo lưng, hoặc tê dại yếu đuối.

Thương truật 4 lượng, Hoàng bá 2 lượng, Ngưu tất, Quy vỹ, Tỳ giải, Phòng kỷ, Quy bản mỗi vị 1 lượng. Tán bột làm hoàn, uống với nước gừng.

21) Thấp khí dồn xuống hai chân tê và nóng như lửa đốt.

Ngưu tất 2 lượng, Hoàng bá 4 lượng (sao rượu), Thương truật 2 lượng tẩm nước vo gạo sao. Các vị tán nhỏ làm hoàn cho uống với rượu có gừng và muối.

22) Trên mặt tê rần, 10 đầu ngón tay cũng tê.

Bổ trung ích khí thang, gia Mộc hương, Mạch môn, Khương hoạt, Phòng kỷ, Ô dước, Phụ tử đều 5 phân. Sắc cho uống.

23) Truyền phương chữa bán thân bất toại.

Hạt mã tiền nấu với Dầu mè đến khi vàng sẫm lấy ra nghiền thành bột. Mỗi lần uống 2 phân cho đến khi ra mồ hôi.

24) Phong thấp, các khớp đau nhức.

Khuông hoạt, Thăng ma mỗi vị 1 chỉ; *Bán hạ, Thương truật, Phòng kỷ, Uy linh tiên, Bạch truật, Xuyên khung, Đương quy, Phục linh, Trạch tả* mỗi vị 5 phân. Sắc uống.

25) Đau cánh tay, do thương tiêu có thấp nhiệt.

Thương truật 1,5 chỉ; *Bán hạ, Nam tinh* đều chế; *Tửu cầm, Bạch truật, Hương phụ* đều 1 chỉ; *Trần bì, Phục linh*, mỗi vị 5 chỉ; *Uy linh tiên, Cam thảo* mỗi vị 3 chỉ. Sắc uống ấm.

26) Bách hiệu tửu chữa thấp khí, tê liệt nửa người, chân tay đau nhức co rút, không nhấc bước đi được. Chữa mọi chứng đều có hiệu nghiệm lạ kỳ.

Tỳ giải, Phòng phong, Khuông hoạt, Xuyên khung, Tần giao, Ngưu tất, Hổ cốt (tẩm mật và sữa sao) *Miết giáp, Cương tằm, Câu kỷ, Đương quy, rễ cây Ké đầu ngựa, Tùng tiết* mỗi vị 2 lạng; *Rễ cà, Đỗ trọng, Tang ký sinh, Bạch truật, Thương truật, Hoàng bá* (tẩm rượu muối sao); *Mộc qua, Rễ bưởi bưng, Đại hoàng* mỗi vị 1 lạng; *Ô dước, Xích hoa xà, Cam thảo, Lá rau mơ, Rễ dây giun Kim ngân, Quế chi, Đan sâm, Quy bản* (tẩm rượu nướng); *Lưu ký nô, Tất bát* mỗi vị 3 chỉ.

Các vị nấu với rượu, trong uống ngoài xoa.

27) Dương quy niêm thống thang, chữa chứng thân thể bị đau như dùi đâm, xương sống cứng ngắt.

Dương quy, Phòng phong, Trư linh, Trạch tả, Phục linh, Tri mẫu mỗi vị 3 chỉ; *Khương hoạt, Nhân trần, Hoàng cầm* mỗi vị 5 chỉ; *Thăng ma, Cát căn, Khổ sâm, Nhân sâm, Thương truật, Bạch truật, Cam thảo* mỗi vị 1 chỉ, sắc cho uống.

28) Tần giao thang, chữa đau nhức các khớp xương.

Tần giao, Khương hoạt, Độc hoạt, Thạch cao, Xuyên khung, Bạch chỉ, Sinh địa, Dương quy, Bạch truật, Thục địa, Hoàng cầm, Phục linh, Phòng phong, Bạch truật, Tế tân, Hồ hĩnh cốt (đốt ra tro) mỗi vị 1 chỉ, sắc uống.

Nếu ngoài da có ngứa ngái thì gia *Bạc hà, Thuyền thoái*.

29) Các chứng phong hàn thử thấp cực khí, không kể lâu hay mới, nhức mỗi chỗ này sang chỗ khác, không thể chịu được.

Xạ hương 2 chỉ, *Nhũ hương, Một dược* đều 7 chỉ 5 phân; *Thảo ô* 1 lượng 5 chỉ (bỏ vỏ rốn); *Mục tào, Ngũ linh chi* (l้าง sạch); *Trùn đất* (cạo sạch đất phơi khô),

Hột gấc (bỏ đầu) đều 1 chỉ 5 phân, tán nhỏ, viên với hồ bằng hạt *Khiêm thiết*, uống với rượu vào lúc đói.

- Khi bệnh phát uống 1 viên vào lúc đói. Nếu mu bàn chân sưng đỏ không tan thì uống thuốc vào sau bữa ăn, trước khi đi ngủ với rượu, ra mồ hôi thì ngừng đau.

- Trúng phong bại liệt nửa người, tê dại, tay chân không thể co duỗi, teo cơ. Uống 2 viên, uống liền 2 lần.

- Trúng phong mới phát, hôn mê, cắn răng, thì cho uống 2 viên hòa với nước nóng, đồng thời cũng dùng *Tam khí hoạt lạc* (*Xuyên tiêu* 5 lạng, *Xuyên ô* 3 lạng, *Ngải cứu* 1 cân đều tán nhỏ, chưng với rượu) dùng xoa bóp tay chân.

30) Đầu gối sưng đau.

Thảo ô đầu, *Phòng phong*, *Tế tân* bằng nhau, tán nhỏ, làm bao buộc vào đầu gối và rải vào trong giấy, để trừ phong thấp và đi khỏe kiêm chữa đi xa chân đau.

31) Các chứng thấp.

Dây quả giun 1 lạng, *Rễ bươm bươm* 9 chỉ, *Bưởi bung* 8 chỉ; *Hoàng lục*, *Rễ kim sương*⁽⁸⁾ đều 2 chỉ, *Dây*

8. Kim sương: còn gọi là cây Ót rừng hay Mán chỉ (*Micro-melum falcatum* Tanaka họ Cam = Rutacoeae)

gấm, *Ô dước* đều 3 chỉ; *Hồng hoa* 5 chỉ. Ngâm rượu hoặc bột phân lượng sắc uống.

Phụ nữ thì thêm *Hồng hoa* 3 chỉ, cây *Dây trắng* 5 chỉ, *Tầm gởi dâu* mùa hạ dùng 5 chỉ, mùa đông dùng 1 chỉ.

32) Bệnh thấp nhiệt tay chân co quắp, không thể đi lại vận động, hoặc phát lở ngứa, khớp xương đau nhức.

Dây chia voi, bỏ mắt sao vàng, đổ rượu vào đun cách thủy, chôn xuống đất 1 đêm, để khỏi hỏa độc, rồi sáng sớm uống vào lúc đói lòng. Thuốc này cũng chữa bệnh sản hậu nhức đầu rất hay.

12. HOÀNG ĐẢN (Vàng da)

1) 5 loại Hoàng đản: Hoàng đản, Cốc đản, Tử đản, Nữ lao đản, Hoàng hãn (chứng Hoàng hãn sinh ra bởi lúc đang ra nhiều mồ hôi mà dầm mình vào nước, mình hơi sưng, mồ hôi ra vàng như nước Hoàng bá).

* *Rễ tranh tươi* 1 nắm, rửa sạch giã nát, *Thịt heo* 2 lạng. Nấu canh ăn.

* *Tần giao* 1 lạng, chia làm 2 gói, mỗi gói tẩm vào 1 chén rượu, ép lấy nước cho uống lúc đói. Bài này chữa chứng **Tử đản** rất hiệu nghiệm.

2) Các chứng Hoàng đản.

Trùng gà 1 quả, để cả vỏ đốt ra tro, nghiền nát hòa với 1 vốc *Rượu* mà uống; nếu thấy trong mũi ngứa như có sâu bò là hay, chứng nặng chỉ uống 3 lần là khỏi.

3) Vàng da do thấp nhiệt.

* *Sài hồ* 1 lạng, *Rễ tranh* 1 nắm, *Cam thảo* 2.5 chỉ, sắc cho uống.

* *Con cua* đem đốt tán nhỏ, *Rượu* khuấy hồ làm hoàn. Mỗi lần uống 50 hoàn với nước sôi để nguội.

4) Chứng nữ lao đản. Đàn ông do phòng dục quá độ, nếu cứ xé chiều thì phát sốt sợ lạnh, bụng dưới căng đầy, đại tiểu tiện lỏng, trên trán có sắc đen.

* *Hoạt thạch*, *Thạch cao* 2 vị bằng nhau, tán nhỏ. Mỗi lần uống 1 muống với nước sắc *Lúa mạch*, đi tiểu được nhiều thì tốt, nếu tiểu nhiều mà bụng vẫn đầy căng là khó chữa.

* Có người cho rằng, nữ lao đản là bệnh nặng vì sau khi mệt quá, nóng nực quá lại giao hợp, rồi đi dầm nước, đến nỗi bụng đầy nên khó chữa; dùng:

Phèn chua hỏa phi, *Hoạt thạch* đốt cho vàng, 2 vị bằng nhau tán nhỏ, nấu cháo bằng *Lúa mạch*, lấy nước hòa vào thuốc mà uống, mỗi lần 1 muống, ngày 3 lần, độc được sẽ dần thoát theo đường đại tiểu tiện.

* Dùng *Tóc người* sắc cho uống.

5) Tửu dẫn. Vùng dạ dày đau xót, nước tiểu vàng; ngoài da nổi đỏ, đen, vàng từng đám; vì say rượu quá rồi ra gió hoặc dầm nước mà sinh ra.

Hoàng kỳ 2 lạng, *Mộc lan* 1 lạng, 2 vị tán bột hòa với *Rượu* cho uống mỗi lần 1 muống, ngày uống 3 lần.

6) Hoàng dẫn khắp người. Nước tiểu đỏ, lòng bản thân, miệng khô.

Tần giao 3 lạng, *Sữa bò* 1 cân. Sắc xong chia làm 2 lần uống, cũng có thể gia *Mang tiêu* 6 chỉ (nên uống lúc thuốc còn ấm).

7) Hoàng dẫn suyễn đầy. Tiểu tiện đi nhiều hoặc khí kết lại không tan được mà chết ngất, cần đắp giữ hơi nóng, đổ thuốc này vào một tí là có thể cứu chữa được.

Bán hạ, *Gừng sống* mỗi vị 1 lạng. Sắc chia làm nhiều lần uống.

8) Cốc đản. Vì thức ăn tích trệ mà sinh ra, chứng Lao đản vì nhọc mệt mà sinh ra.

Khổ sâm 3 lạng, *Long đởm thảo* 1 lạng, tán bột dùng nước *Mật bò*, trộn lẫn làm hoàn bằng hạt đậu, mỗi lần uống 50 hoàn với nước cơm trước khi ăn.

9) Nữ lao đản.

Long đởm thảo 1 lạng, *Chi tử* 21 quả, tán trộn với nước *Mật heo* làm hoàn mà uống.

10) Mọi chứng Tử đản.

Ốc bươu ngâm vài ngày cho nó nhả hết bùn đất, đem giã nát chế *Rượu đế* vào, dùng vải thưa lọc kỹ lấy nước uống, ngày 3 lần.

11) Hoàng đản thổ huyết.

Dùng 10 con *Ốc bươu*, ngâm nước cho nó nhả hết bùn đất rồi đem giã nát, lọc lấy nước trong phơi sương 1 đêm cho uống 2 - 3 lần là khỏi.

12) Hoàng đản nước tiểu đỏ.

Tóc rôi đốt ra tro, hòa nước cho uống mỗi lần 1 chỉ, ngày uống 3 lần.

13) Hoàng đản, da vàng như kim loại, hay ngủ, mửa ra nước dãi.

Nhân trần cao, Bạch tiễn bì, hai vị bằng nhau sắc uống ngày 2 lần.

14) Khấp mình da vàng.

Nhân trần 1 nắm, Gừng tươi 1 lát, giã nát ra, dùng xoa trên da nhiều lần trong ngày.

15) Hoàng đản thời khí.

Trứng gà 1 quả, ngâm Rượu và Giấm 1 đêm rồi ăn lòng trắng.

16) Hoàng đản do thương hàn, nóng bên ngoài (biểu nhiệt).

Ma hoàng 1 nắm, bỏ mắt, đùm vào túi vải, nấu với Rượu nhạt, cho uống để gây phát hãn, mùa xuân hè thì sắc với nước lã.

17) Hoàng đản do thương hàn, nóng bên trong (lý nhiệt).

Đại hoàng 5 lạng sao, Nước tuyết tháng chạp 5 cân, cùng nấu thành cao. Mỗi lần uống 1 muống với nước lạnh.

18) Thoái đản định thống đơn, phương kinh nghiệm chữa người lớn trẻ em, hoặc con gái chưa chồng

mà bị vàng da, kinh nguyệt không thông, hoặc huyết khô, huyết bế tàng hay đau bụng, rất hay.

Phèn đen 10 lạng, *Phèn chua* 1 lạng, *Nghệ* 3 lạng, *Uất kim*, *Nhân trần* mỗi vị 1 lạng, tán nhỏ dùng cái nồi đất đổ *Muối* đầy ngang miệng, để thuốc ở chính giữa, lót giấy rồi lại đổ muối lên trên, đậy nắp, rồi cột ràng kỹ trét kín bùn đất, cho vào đồng trấu mà hầm, khi tàn đồng trấu thì lấy ra, bỏ muối lấy thuốc tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 30 hoàn.

Nếu đàn ông đàn bà đau bụng thì gia *Hồi hương*, *Nga truật*, *Ô dước* mỗi vị 3 lạng.

19) Phụ nữ bị hoàng đản hoặc phù thũng.

Tỳ giải, *Bồ cu vẽ*, *dây Chiêu*, *quả Dành dành*, *quả Nổ*, *rễ Cau*, *cỏ Seo gà*, *vỏ Sung*, *cây Ngái Bông trang cả hoa*, bằng nhau, sắc uống.

20) Hoàng đản nguy khốn.

Lấy 1 con *Gà giò trống* độ nửa cân, mổ dọc lưng, để cả lòng, đem áp vào ngực bệnh nhân cho máu nóng của gà thấm vào, nguội lạnh thì thay; mỗi ngày áp vài con gà, rút bớt tích độc thì khỏi. (Gà này có độc, người hay chó không thể ăn được).

21) Các chứng hoàng đản.

Cây *Chữ thập tía*, thái nhỏ sắc uống hàng ngày.

13. CƯỚC KHÍ

1) Cước khí đau nhức.

Nấu nước muối ngâm chân.

2) Cước khí sưng đau.

Bạch thược 6 lạng, *Cam thảo* 1 lạng, hai vị tán nhỏ uống dần.

Ngoài dùng *Bạch chỉ*, *Bạch giới tử*, *Tạo giác*, *Xích tiểu đậu* giã nát trộn với nước gừng, rượu, giấm mà đắp chỗ sưng.

3) Cước khí muốn nôn mửa.

Riềng ấm 1 lạng, sắc cho uống, không có *Riềng* thì dùng *Gừng già* sắc với rượu cho uống.

4) Phong thấp, cước khí.

Hạt tía tô, *Riềng ấm*, *Vỏ quít*, đều bằng nhau, tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi lần uống 10 hoàn với rượu.

5) Cước khí đùi sưng đã lâu không khỏi.

Một củ *Phụ tử sống*, tán nhỏ, trộn với nước gừng cho sệt sệt đem phết vào, hễ tiêu hết thời khỏi.

6) Cước khí đau rút hoặc nổi hạch ở háng.

Thảo ô đầu dùng sống; *Đại hoàng*, *Mộc miết tử*, lấy nhân. Tán nhỏ, trộn với nước gừng mà phết.

7) Cước khí đau nhức ran cả gân xương.

Dây kim ngân, tán nhỏ cho uống 2 chỉ với rượu hâm nóng.

8) Cước khí đau bụng gân chết.

* *Ngô thù du*, *Mộc qua* đều bằng nhau, tán nhỏ luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu, uống rượu rượu hâm nóng.

* *Ô dược* thứ tốt (ky sắc) đập vụn ra, ngâm 1 đêm uống ấm lúc đói, hễ đi đại tiện lỏng là khỏi.

* *Ô dược* nấu chung với trứng gà nửa ngày, đem ra ăn trứng và uống nước ấy.

9) Cước khí các khớp xương đều sưng nhức.

Ngũ gia bì tẩm rượu 4 lạng, *Viễn chí* 4 lạng ngâm rượu (1 ngày nếu mùa xuân, 2 ngày nếu mùa hè, 3 ngày nếu mùa thu, và 4 ngày nếu mùa đông). Các vị tán nhỏ, dùng rượu ngâm đó luyện hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 50 hoàn với rượu.

10) Cước khí phiền đầy.

Một con Gà trống xương đen (gà ác) làm thịt nấu cháo với gạo mà ăn.

11) Cước khí sưng mình mẩy.

Ốc bươu, dùng 1 con lớn giã nát đắp vào mé trên hai đùi, thấy lạnh đến chân là khỏi.

12) Cước khí bụng đầy đái buốt.

Nước đái con nghé 1 chén, uống sẽ hết.

13) Cước khí nề đau.

Nước đái bò 1 chén, mài 1 quả Cau tâm vung, hâm nóng cho uống khi đói.

14) Cước khí hàn thấp.

Cao da trâu 1 miếng, cắt nhỏ, cho bột gạo vào sao phồng, nghiền nát cho uống với rượu.

15) Cước khí xung tâm đầy trướng, kéo suyễn.

Uy linh tiên tán bột, liều uống 2 chỉ với rượu, hễ đỡ đau thì giảm thuốc, đừng uống quá nhiều.

16) Cước khí xung tâm, phiền muộn không tỉnh.

Đậu nành 1 cân, sắc lấy nước cho uống từ từ, chữa khỏi thì uống thêm nữa.

17) Cước khí xung tâm, hoặc dưới chơn thủy kết cứng, trong bụng hư lạnh.

Trần bì 5 cân tán bột, Hạnh nhân 5 lượng bỏ vỏ và dầu nhon, nấu đến thành cao trộn lẫn nhau làm hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 20 hoàn lúc đói.

18) Cước khí xung tâm, buồn bực, bứt rứt, không biết gì.

Cau tâm vung 12 hạt (chọn thứ màu trắng) tán nhỏ, mỗi lần uống 2 chỉ với nước trà hoặc nước sắc vỏ quả cau.

19) Cước khí xung tâm.

** Ngô thù du, Sinh khương mỗi thứ một ít, sắc uống.*

** Gõ the móc 1 nắm, Cau tâm vung 7 hạt cắt ra từng miếng, dùng nước đá trẻ em với nước lã sắc uống, xỏ ra được là hết.*

** Trước dùng cái Xuyên bằng bạc sắc nước uống đề phòng chất độc; sau dùng Bồ cu vẽ, sao vàng, dùng nước tiểu sắc uống.*

20) Cước khí phù thũng, ngực bụng đầy, bí đại tiểu tiện, khó thở.

Úc lý nhân 12 hạt, giã như vắt lấy nước hòa với *Ý dĩ nhân* 3 nắm, nấu cháo ăn.

21) Cách trừ bệnh cước khí.

Vào ngày *Dần*, vẫn cắt móng tay móng chân, hãy cắt phạm vào phần thịt một chút là trừ được bệnh cước khí.

22) Cước khí, sưng đau dù mới phát hay đã lâu.

Huyết kiệt, *Nhũ hương* đều bằng nhau, cùng nghiền nhỏ, lấy một đoạn gỗ, hoặc một khúc mía khoét một lỗ rồi cho vào, lấy *Bột mì dẻo* bao ngoài, cho vào nồi đất nấu như xôi rồi bỏ cục gỗ, lấy thuốc giã nhuyễn với bột làm hoàn bằng hạt đậu, mỗi lần uống 30 hoàn với rượu.

23) Cước khí thành mạch lươn, gót chân có một lỗ sâu rất đau.

Nhân trung bạch tán nhỏ, rắc vào lỗ ấy.

24) Cước khí phong tê, đau khớp xương.

Hạt quả thông (hay *hoa thông*) sắc với rượu, hoặc cất rượu uống.

25) Cước khí bụng trướng thờ gấp.

Uy linh tiên tán nhỏ, uống mỗi lần 3 chỉ với rượu.

26) Cước khí xung tâm, hoặc dưới tim cứng do khí kết.

Trần bì 1 cân, *Hạnh nhân* 5 lạng (bỏ vỏ và đầu nhọn) cho vào ít *Mật*, ngào lên, giã nhuyễn làm hoàn, uống mỗi ngày 20 hoàn trước bữa ăn.

27) Cước khí xung tâm, phiền loạn không tỉnh.

Hạt cau 12 hạt tán nhỏ, chia uống làm 2 lần vào lúc đói với 5 chén nước tiểu còn nóng, hoặc với nước *Gừng* hòa thêm ít rượu đun nóng.

28) Cước khí bụng đầy, không phải hàn mà không phải nhiệt, hoặc người già yếu bị bệnh đầy bụng.

Hạt cau tán nhỏ mỗi lần 2 chỉ với nước sắc *Vỏ quả cau* (*Đại phúc bì*). Hoặc dùng nước *Đậu xị* hay nước sắc *Tía tô* làm thang cũng được.

29) Cước khí xung tâm.

Ngô thù, *Gừng sống* đều 1 chỉ, nghiền nhỏ uống hoặc sắc uống.

30) Cước khí sưng đau, đau cả xương.

Nhổ lấy toàn cây *Cỏ xước*, (ky sắt), đổ nước nấu ra nước đặc, vớt bỏ bã, lược kỹ rồi cho *Mật ong* bằng 1/3 nước *Cỏ xước* vào rồi cô thành cao, giã ít bột *Đinh hương*, *Hôi hương* trộn đều mà uống (khi nấu thuốc phải tránh không cho đàn bà và gà chó thấy).

31) Cước khí xung tâm, ngực bụng đầy trướng, nôn khan, lưng đau như gãy, nằm ngồi không yên.

Ô dước, *Mộc qua* mỗi vị dùng 8 chỉ; *Độc hoạt*, *Tang ký sinh* mỗi vị dùng 6 chỉ; *Phèn chua*, *Tân lang* mỗi vị dùng 4 chỉ. Các vị tán nhỏ, mỗi lần uống 2 chỉ với nước tiểu trẻ em.

14. BẠI LIỆT (Chứng luy)

5 chứng bại liệt: Da nóng, lông sủi, phờ phạc, huyết mạch khô khan, thịt da mỏng sát, gân xương yếu liệt, ăn uống không ngon, chân tay mất sức, móng tay móng chân khô, tóc rụng, mặt tối sẫm, môi se.

Lộc giác chẻ nhỏ 1 cân, tẩm rượu 1 đêm, *Phụ tử* sống 1,5 lạng, bỏ vỏ và nùm, *Thục địa* 4 lạng, gạo *Lúa mạch* 1 cân.

Cách chế: 1 nửa để dưới đáy nồi, 1 nửa để trên, lấy hai mảnh vải phủ kín, cho vào chõ mà xôi 1 ngày mới lấy ra, thuốc và gạo đều sấy khô, tán nhỏ, dùng rượu với bột khuấy hồ, trộn vào thuốc giã thật kỹ làm hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 50 hoàn, ngày 3 lần, uống với rượu ấm hoặc với nước cơm sôi trước bữa ăn.

15. TÊ DẠI

1) Phong tê, đờm tích trướng đầy.

Phụ tử 1 củ to, nướng sặc ra ngâm rượu, mùa *Đông xuân* ngâm 5 ngày, *Hè thu* 3 ngày, mỗi lần uống 1 chén chung, khởi ngay.

2) Phong tê đau đùi vế, dinh vệ không lưu hành.

Xuyên ô đầu (củ cái của *Phụ tử*, lúc mới trồng nó giống như đầu con quạ nên gọi là *Ô đầu*), cùng sao lỏng với *Đậu đen* cho đổ mồ hôi thì bỏ *đậu* sấy khô, thêm *Toàn yết* sấy khô nửa chỉ, hoàn với giấm bằng hạt đậu.

Mỗi lần uống 7 hoàn, ngày chỉ uống một lần với rượu ấm.

3) Lưng chân có phong, tê lạnh đau nhức.

Xuyên ô 3 củ, bỏ vỏ và nóm, tán nhỏ trộn với giấm mà đắp.

4) Ngũ tê (bì tê, mạch tê, cơ tê, cốt tê, gân tê) *Nội kinh* nói: hàn khí thắng thì sinh tê, hàn khí ngấm vào nội tạng thì chết.

Nhân sâm, Bạch truật, Xuyên khung, Đỗ trọng, Tục đoạn, Ngưu tất, Tần giao, Quế chi. Tùy nghi sắc uống.

5) Các chứng tê đại yếu gân.

Ô dước, Địa cốt bì, dây Tơ hồng, Tang ký sinh, Uy linh tiên, Hoàng lục, Đỗ trọng. Các vị bằng nhau sắc uống lúc đói thì khỏi ngay.

6) Tay chân tê dại, lạnh đau, bại liệt, lưng gối đau nhức, hoặc bị đòn bị té ngã, tổn thương, bong gân sai khớp, đau không chịu nổi.

Xuyên ô dùng sống, *Ngũ linh chi* mỗi vị dùng 4 lạng, *Uy linh tiên* 5 lạng, rửa sạch sấy khô. Tán nhỏ, dùng rượu khuấy hồ làm hoàn bằng hạt đậu đen. Mỗi lần uống 7 - 10 hoàn với nước muối (kiêng nước trà).

7) Tê lâu năm, hoặc tê đau từ khớp này sang khớp khác.

Thảo ô đầu nửa cân bỏ vỏ, tán bột; dùng cái túi đựng đậu hủ được nửa túi, cho bột *Ô đầu* vào giữa, lại đem đậu hủ nhồi đầy vào, ép khô cho vào nồi mà nấu 1 đêm, thuốc sẽ cứng như đá, lấy ra phơi khô tán nhỏ. Mỗi lần uống 5 phân, bị gió lạnh khí thấp thì thang với nước gừng, tê dại thì thang với nước hành.

8) Tay chân tê dại cấu không biết đau ngứa.

Sương tang diệp, nấu lên mà rửa.

9) Mình mảy tê dại.

Dùng *Hạt cải* tán nhỏ trộn *giấm* mà bôi khắp, bên trong dùng *Mộc qua*, *Ô dước*, *Ngưu tất*, *Tục đoạn*, *Đỗ trọng*, *Xuyên khung*, *Xuyên quy*, *Bạc hà*, *Kinh giới*, *Tang ký sinh*, sắc uống. Lạnh thì gia *Đinh hương*, *Đại hồi*, *Nhục quế*.

10) Tay chân bị tê dại do phong hàn, khí huyết bế tắc, chân tay mình mảy đau nhức.

Ngũ linh chi 2 lạng, *Một dược* 1 lạng, *Nhũ hương* nửa lạng, *Xuyên ô* 1,5 lạng, sao cháy sém, bỏ vỏ. Tán nhỏ, làm hoàn với nước. Mỗi lần dùng 1 hoàn mài ra cho uống với nước gừng.

11) Phong thấp tê dại.

* *Thảo ô đầu, Ngũ linh chi.* Hai vị bằng nhau, tán nhỏ, ngày mồng 6 tháng 6 làm hoàn nước sôi to như viên đạn, 40 tuổi trở xuống mỗi hoàn chia uống 6 lần, nặng thì uống nửa hoàn với nước *Bạc hà*.

* *Hà thủ ô, Xích hoa xà, Ngưu tất,* nấu với rượu, trong thuốc ngoài thoa.

12) Phong hàn thấp, tê dại không biết đau, hoặc chân tay tê liệt.

Phụ tử sống, Ý dĩ hai vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống nấu 1 chén cháo bằng gạo ngon nhiều nhựa, cho thuốc vào 4 chỉ, để lửa nhỏ pha 1 muống nước gừng, 3 muống mật ong vào mà ăn lúc đói.

13) Mười ngón tay tê dại đau nhức, ngứa không biết đau.

Phụ tử sống, Mộc hương hai vị bằng nhau, thêm *Gừng sống* 5 lát, sắc uống.

14) Tê thấp chân tay bại liệt.

Bồ đề sao vàng (nhiều nhất), *Đương quy* vừa đủ, *Địa liên* (sao vàng) dùng ít hơn. Hòa các vị vào rượu, nấu cho uống là khỏi ngay.

15) Tê dại như say như tỉnh.

Nhân sâm, Bạch truật, Dương quy, Ý dĩ, mỗi vị 2 chỉ; Phục linh 1,5 chỉ; Hoàng kỳ, Can khương, Viễn chí mỗi vị 1 chỉ; Trần bì 7 phân, Cam thảo 4 phân, Gừng 3 lát sắc uống. (Phương này rất hay).

16. BỆNH Ở ĐẦU

1) Trên đầu có chấy (chí).

* *Đồng lục* tức rỉ xanh đồng với phèn chua tán nhỏ, xát vào.

* *Ngân châu* tẩm dấm, hăng ngày chải đầu.

2) Lở đầu có vẩy trắng, mọc nhọt rồi trụi tóc.

Quán chúng, Bạch chỉ. Hai vị tán chung trộn dầu mè mà xức.

3) Thuốc gội đầu trừ gàu.

Cảo bản, Bạch chỉ đều bằng nhau tán nhỏ, ban đêm sát ban ngày chải đầu là hết.

4) Trên đầu có mụn nhỏ mềm.

Lột da con *Cóc* mà đắp, độc sẽ bị hút hết.

17. ĐAU ĐẦU

1) Đau đầu do thận hư.

Lưu hoàng 1 lạng, tán nhỏ luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu, lúc đau cho uống 5 hoàn với nước lạnh.

2) Đau đầu như búa bổ.

Đương quy 2 lạng, thêm rượu và nước sắc uống, ngày 2 lần.

3) Đau đầu kiêm chân lạnh.

Xuyên khung, *Ô dước* hai vị bằng nhau, tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước sắc *Hành*, có thể thêm *Bạch truật* sắc uống.

4) Đau đầu do khí uất.

Hương phụ 4 lạng, *Xuyên khung* 1 lạng. Các vị tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước trà.

5) Đau đầu do huyết uất.

Hương phụ tán nhỏ. Mỗi lần uống 3 chỉ, ngày 3 lần với nước trà.

6) Đau đầu, chảy máu mũi do phiền nhiệt.

Thạch cao, Mẫu lệ mỗi vị 1 lạng, tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước mới mức lên.

7) Đàn bà bị chứng huyết phong làm đau đầu.

Thảo ô đầu, Chi tử hai vị bằng nhau, tán nhỏ trộn với nước hành đắp hai màng tang và trước trán.

8) Đau đầu ran tới mắt do hư hàn.

Sinh phụ tử 1 chỉ, *Bạch chỉ* 4 chỉ, tán nhỏ uống với nước trà, và dùng một tí thối vào mũi.

9) Ngoại cảm đầu phong, nước mắt nước mũi chảy ra, mãi đau không ngừng.

Thạch cao 2 lạng, *Xuyên khung* 2 lạng, *Chích thảo* nửa lạng, tán bột. Mỗi lần uống 1 chỉ với nước hành, ngày 2 lần.

10) Đau đầu do phong hàn.

* *Lưu hoàng* 6 chỉ, *Ô dược* 4 chỉ tán nhỏ nhồi với bánh chưng làm hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 5 hoàn sau bữa ăn với nước trà.

* *Hạt đình lịch* tán nhỏ, nấu nước sôi cho vào dùng gội đầu, làm vài lần sẽ khỏi.

11) Đau đầu thuộc kinh Thái dương, Thiếu dương (không có đau một bên hay giữa đầu).

Hoàng cầm tẩm rượu, tán bột. Mỗi lần uống 1 chỉ với nước trà.

12) Đau tại hố mắt, do phong nhiệt, do đờm.

Hoàng cầm tẩm rượu, *Bạch chỉ* hai vị bằng nhau, tán bột. Mỗi lần uống 1 chỉ với nước trà.

13) Đau đầu do phong nhiệt.

Kinh giới tuệ, *Thạch cao* hai vị bằng nhau, *Xuyên khung* 1 chỉ, *Lá trà* 2 chỉ. Sắc uống.

14) Đau phong, đau tại tròng mắt.

* *Hương phụ*, *Hoắc hương*, *Cam thảo* mỗi vị dùng 2 chỉ tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước muối.

* Chứng đau phong, đau nhức lâu ngày dùng *Ngải cứu tươi*, vò làm từng hoàn cho nguội, chảy nước vàng ra là khỏi.

15) Thái dương đau thống.

Khương hoạt, *Phòng phong*, *Hồng đậu* đều bằng nhau, tán nhỏ thổi vào mũi.

16) Đau đầu do phong và khí kích nhau, đau không chịu nổi.

Nhân hạt Thầu dầu, Nhũ hương hai vị bằng nhau, giã nát nặn thành bánh đem rịt vào huyết Thái dương, bên có đau sẽ giảm ngay.

17) Do phong độc chạy lên đầu làm choáng váng, đầu đau không chịu được.

Phụ tử chế 1 củ, tán bột. Mỗi lần uống 1 chỉ với nước sắc. *Đậu đen* 2 lạng, *Gừng sống* 1 lạng và rượu một ít.

18) Chữa 8 loại đầu thống.

Bán hạ tán nhỏ, *Lọ nổi* mỗi thứ một ít, cuộn vào giấy như diều thuốc dốt lấy khói mà hít vào mũi, miệng ngậm nước; nếu có nước dãi thì nhổ ra lại ngậm và hít khói tiếp tục.

19) Các chứng đầu đau phong nhiệt.

Cúc hoa, Thạch cao, Xuyên ô, mỗi thứ 3 chỉ, tán bột. Mỗi lần uống 1 chỉ với nước trà.

20) Các chứng thiên đầu thống, đau nhức một bên hoặc ngay chính giữa và nhức ở huyết Thái dương chỗ giáp trán.

* *Hùng hoàng, Tế tân* mỗi vị một chút, tán bột đem thổi lỗ mũi, hễ nhức bên này thì thổi lỗ bên kia.

* *Xuyên khung, Bạch chỉ, Phòng phong*, mỗi vị bằng nhau, thái nhỏ ngâm rượu cho uống hằng ngày.

* *Hương phụ* sao 1 cân, *Ô đầu* sao 1 lượng, *Cam thảo* 5 chỉ, tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn bằng viên đạn. Mỗi lần uống 1 hoàn với nước trà và nước hành.

* *Phụ tử* 1 củ để sống, cắt làm 4 miếng, nước gừng 1 chén, hầm nướng mãi đến khi hết nước gừng là vừa, thêm *Cao lương khương* cũng bằng *Phụ tử*, tán nhỏ cho uống mỗi lần 1 chỉ với nước trà.

* *Bạch cương tàm* tán nhỏ. Mỗi lần uống 1 muống với nước trà và nước hành.

21) Chứng não phong đau không chịu nổi.

Viễn chí, tán nhỏ thổi vào mũi.

22) Chứng não thống, mi thống (đau trong óc, đau chỗ lông mày).

Cỏ dùi trống (cốc tinh thảo) 2 chỉ, *Trùn cơm* 3 chỉ, *Nhũ hương* 1 chỉ, tán nhỏ, mỗi lần dùng nửa chỉ đốt lấy khói mà xông vào mũi.

23) Trong mũi tiết ra chất có mùi hôi thối (Tỵ uyển, viêm mũi).

Thảo ô đầu nửa lượng, *Xuyên khung* 2 lượng, đều dùng sống, tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 10 hoàn với nước trà.

24) Đầu mình đau nhức, lở chân lông ra máu.

Đại hoàng 1 lạng, *hạt Tía tô sao* 5 chỉ sắc chung cho uống.

18. CHÓNG MẶT (Huyễn vận)

1) **Thình lình chóng mặt, lâu ngày không khỏi, chân tay gầy ốm (teo cơ), ăn uống không ngon, thích ăn đất sét.**

Bạch truật, *Thần khúc* mỗi vị 3 chỉ giã nát, *Rượu* khuấy hồ, luyện hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 20 hoàn; kiêng ăn đào, mận và cá trắm.

2) **Các chứng chóng mặt do mất máu quá nhiều, hoặc trong khi có thai hay sau khi đẻ, băng huyết hay bị thương, hoặc nhổ răng chảy máu nhiều đến nỗi chóng mặt, buồn phiền, hôn mê.**

Đương quy 2 lạng, *Xuyên khung* 1 lạng, chia làm 6 phần mỗi lần dùng 1 phần sắc với nước và rượu uống nóng. Mỗi ngày sắc uống 2 lần.

3) **Phong nhiệt quá thịnh, đầu mắt choáng váng, trong ngực không khoan khoái.**

Xuyên khung, Hòe hoa mỗi vị 1 lạng, tán nhỏ. Mỗi lần uống 3 chỉ với nước trà; nếu trong ngực khó chịu đem sắc uống.

4) Chóng mặt do đầu phong, nhiều mồ hôi, sợ gió, ngực đầy, đàm tích.

Xuyên khung nửa chỉ, *Thiên ma* 2 lạng, tán nhỏ luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 10 hoàn với nước trà.

5) Các chứng chóng mặt vì đầu phong, chứng thai tiền sản hậu, thương phong, huyết phong, nổi u hạch.

Bạch chỉ rửa sạch phơi khô tán nhỏ, luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu, liều uống 10 hoàn với nước sắc *Kinh giới*.

6) Chóng mặt vì phong đàm, đầu đau vì khí nghẽn trong ngực.

Bạch phụ tử đốt, *Thạch cao* nung, đều dùng nửa chỉ; *Chu sa* 1,25 lạng, *Long não* 1 chỉ, tán nhỏ, luyện cơm nguội làm hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 30 hoàn với nước trà.

7) Đầu phong quay đảo.

Thuyền thối 1 lạng, sao qua, tạn nhỏ. Mỗi lần uống 1 chỉ với rượu hoặc nước sôi để nguội.

8) Đổ máu mũi chóng mặt muốn chết.

Tóc rôi đốt thành than, tán bột. Mỗi lần uống 1 muống canh với nước nóng, lại dùng một tí thổi lỗ mũi.

19. BỆNH Ở MẮT

1) Mồm nóng mặt có vết đỏ.

Ngân tiết (cận bạc) thường lấy vật ấy đem sát lên cho nóng, lâu dần vết đỏ sẽ mất đi.

2) Sạm da mặt.

* 1 quả *trứng Gà* bỏ lòng đỏ, *Châu sa* 1 lạng tán bột cho vào, dán kín vỏ trứng lại, bỏ vào ổ cho gà mái ấp, khi đàn gà nở thì lấy trứng ấy đập ra lấy thuốc dùng xoa lên mặt. Xoa được 5 lần thì mặt sẽ bóng đẹp như ngọc.

* *Bạch truật* ngâm với *Giấm thanh*, hằng ngày dùng củ *Bạch truật* ấy đem xoa, kì cọ thì có kết quả.

* *Bán hạ*, sấy khô, nghiền mịn trộn giấm đắp, chớ cho gần lửa, cứ đắp liền vài ba lần rồi nấu nước *Bồ kết* mà rửa thì mặt sẽ bóng như ngọc.

3) Mặt bị nốt ruồi đen.

Lấy *Cỏ nhám* xát trượt da, rồi tán *Rỉ đồng xanh* bôi vào. Cứ bôi thuốc phủ lên trên ba ngày không rửa, vết ruồi sẽ bong ra.

4) Mặt bị nấm đen.

Vân mẫu, *Hạnh nhân*, bằng nhau tán nhỏ, trộn với sữa bò, chưng qua, đem bôi, ngày rửa.

5) Mặt nổi mụn ruồi.

Lưu hoàng hòa với nước bôi thường thường.

6) Mặt và mình bị sẹo.

Củ nâu, *Củ chóc*, bằng nhau tán nhỏ hòa với lòng đỏ trứng gà mà bôi, sau khi đã lấy vải lau vết sẹo sạch. Làm 30 ngày sẽ kết quả, kiêng ra, chớ có nắng gió.

7) Mặt có trứng cá, thân mình có mụn cóc.

Vôi đá tằm giấm thanh 1 tuần, dùng nước ấy bôi luôn vào, sẽ khỏi.

8) Mặt có nhọt độc ngũ sắc.

Dùng bông thấm với nước muối mà đắp trên mụn.

9) Minh và mặt có nổi hạch.

Phèn chua, Địa phụ tử. Hai vị bằng nhau nấu lấy nước rửa luôn.

10) Phong ở đầu mặt.

Bạch chỉ cắt ra tắm nước *Củ cải*, phơi khô tán bột. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước nóng.

11) Xương mày (mi lãng cốt) bị đau.

Bạch chỉ, Hoàng cầm sao với rượu. Hai vị bằng nhau, tán bột. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước trà.

12) Mặt có nốt đen và phong sang.

Cam tùng hương, Hương phụ mỗi thứ 4 lạng; *Hắc sủu* nửa lạng. Nấu nước rửa hằng ngày.

13) Mặt lở ngứa chảy nước vàng.

Thuốc cứu 2 lạng, *Giấm thanh* 1 cân, sắc lấy nước. Dùng bông thấm nước thuốc đắp ở mặt ngày hai ba lần.

14) Minh và mặt có mụn trứng cá, mụn cóc.

Giấm thanh trộn với bột *Nam tinh* xức.

15) Trên mặt có vết nám.

Lấy *Bạch truật* ngâm rượu, dùng rượu ấy xoa mặt hằng ngày.

20. BỆNH HẦU HỌNG

1) Hầu họng sưng đau.

Tùng hương (*Nhựa thông*), *Cam thảo* mỗi vị 5 chỉ, *Thanh đại* 1 lượng, tán nhỏ dùng giấm khuấy hồ luyện hoàn. Mỗi lần ngâm 1 hoàn.

Thổ chu nấu lấy nước mài *Thạch giải* (con cua đá) cho uống, bên ngoài gia thêm *Đan sa* để đắp cổ họng.

2) Lưỡi sưng họng đau hoặc có thịt thừa trong bụng.

Hòn cân (trái cân bằng sắt) nung đỏ rồi ngâm vào chén rượu lấy rượu đó mà ngâm nuốt dần.

3) Họng sưng đau.

Ngân châu, *Hải phiêu tiêu*. Tán bột, thổi vào họng cho chảy nước dãi ra.

4) Triền hầu phong (tức phong quai nón, hầu phong) đau họng.

* *Hùng hoàng* mài với nước giếng mới mức lên 1 chén mà uống, hễ mưa ra được hoặc đi cầu là khỏi.

* Lá cây *Nụ áo* hòa ít muối, bọc vào mảnh vải và ngậm.

* Lá *mướp*, *Lá tỏi*, giã chung lấy nước cho uống.

5) Trong họng sinh ra miếng thịt.

Lấy cục bông gói *Xi muội* cột đầu đũa thò vào khe, ngày làm 5 - 6 lần.

6) Trên vòm họng mọc mụn (Huyền ung).

Nạo sa nửa lạng, bọc bông cho ngậm và nuốt nước, sẽ yên.

7) Đau họng, cam răng.

Bằng sa tán nhỏ thổi và xát vào, nếu hầu họng sưng đau, lấy quả *Bạch mai* trộn làm hoàn, mỗi lần ngậm 1 hoàn.

8) Mụn thòng dài trong vòm họng (Huyền nhũ thùy).

Phèn chua đốt ra tro, *Muối rang*, hai vị bằng nhau, tán nhỏ dùng đầu đũa chấm vào nhiều lần.

9) Phổi nóng, họng đau, có đờm.

Cam thảo sao 2 chỉ, *Cát cánh* 2 chỉ tẩm nước vo gạo 1 đêm, *A giao* 2 chỉ, nước 1 chén sắc uống.

10) Cổ họng tê đau vì khí độc.

Cát cánh 2 lạng, sắc uống.

11) Họng nổi bong bóng, sưng đau.

Quất bì dùng ngâm sẽ khỏi.

12) Họng đau ba bốn ngày (thuộc Thiếu âm chứng).

Cam thảo 2 lạng, *Cát cánh* 1 lạng, sắc uống.

13) Vòm họng tê đau.

* *Thăng ma* nửa lạng, sắc cho uống để thổ ra.

* Nếu sưng vít cổ thì dùng *Ích mẫu thảo* tươi giã vắt lấy nước cho uống.

* *Viễn chí nhục*, tán nhỏ thổi vào, nước dãi chảy ra sẽ bớt.

14) Họng đau cấp tính.

Huyền sâm, *Ngưu bàng tử*, nửa để sống nửa sao mỗi vị 1 lạng, tán nhỏ, cho uống 1 chén với nước giềng mới múc về là đỡ ngay.

15) Nghẹt họng cấm khẩu.

Khương hoạt 1,5 lượng, *Ngưu bàng tử* 1 lượng, sắc lên, cho ít phèn chua vào mà cạy miệng đổ vào.

16) Cổ họng tê đau, miệng mím chặt.

Mã lan (cây *Cúc tần*) hoặc rễ hoặc lá, giã vắt lấy nước cho vào ít *giấm* đem đổ vào họng, đờm ra sẽ mở miệng được. Nếu đổ thuốc vào miệng không được phải nhỏ từng giọt vào lỗ mũi.

17) Họng đau nghẹt tắc không thông.

Hồng hoa tươi giã vắt lấy nước cốt cho uống 1 chén. Nếu không có thứ tươi thì dùng *Hồng hoa khô*, sắc lấy nước cho uống.

18) Hầu họng lở sưng.

Tỳ ma tử 1 hạt, *Phác tiêu* 1 chỉ, *Kinh giới tuệ* 1 chỉ, tán nhỏ luyện mật làm hoàn, dùng bông bao lại cho ngâm nước dấm.

19) Chân đau do khí trệ.

Bạch truật, *Đương quy*, *Phục linh*, *Phụ tử*, *Can khương*, *Trần bì*, *Chích thảo*. Sắc uống.

20) Sưng họng ăn không được, sưng liên đến cuống lưỡi.

Hệ 1 nắm giã nát xèo nóng đắp vào, nguội thì thay cái khác.

21) Đau yết hầu do phong nhiệt.

* Ngâm ba hộp đồng tiện.

* Bạch linh, Cát cánh, Dương quy, Chích thảo, Chi tử, Bạch đồng nam, các vị đều bằng nhau, sắc uống.

21. BỆNH Ở MIỆNG

1) Ngộ độc Khinh phấn mà miệng nứt nẻ.

Lấy bột vàng (Kim tiết) nấu lấy nước cho ngâm vài lần sẽ hết, vì vàng có thể giải được độc Khinh phấn.

2) Lở miệng nóng vùng cổ họng.

* Hàn thủy thạch (nung) 3 lạng, Chu sa 3 chỉ rưỡi, Long não (Não tử) nửa lạng tán bột rắc vào.

* Miệng lưỡi bị lở thì ngâm Phác tiêu.

3) Miệng lở, răng bị sâu, sưng đau.

Tế tân sắc lấy nước ngâm nóng, hễ lạnh thì nhổ đi, sẽ khỏi.

4) Lở mép.

Dùng vỏ hạt *Sa nhân*, đốt tán nhỏ rắc vào.

5) Dạ dày lạnh, ợ chua, thường chảy nước dãi, đau vùng thượng vị.

Tất bát nửa lượng, *Hậu phúc* 1 lượng tán nhỏ, trộn với thịt cá diếc đã nướng chín nghiền nhuyễn làm hoàn. Mỗi lần uống 20 hoàn với nước cơm sôi.

6) Miệng lở đã lâu.

Phụ tử sống, nghiền ra trộn với *giấm* và *bột mì* đem dán ở gang bàn chân (nam tả nữ hữu), mà phải thay luôn.

7) Trong miệng mọc nấm như mộc nhĩ.

* *Thanh đại*, *Ngũ bội tử*, hai vị bằng nhau, tán nhỏ, dùng ống thổi vào.

* Dùng *giấm* mà súc miệng, lấy *quả cà* đốt ra rào và muối rang, hai thứ bằng nhau, trộn với *giấm* (làm bằng hạt gạo) thỉnh thoảng xát vào.

8) Nóng lở trong miệng.

Tiền cổ 20 đồng đốt đỏ lên, bỏ vào trong rượu tôi, rồi uống rượu ấy.

9) Lở miệng do tỳ nhiệt.

Phèn chua 1 cục bằng hạt giẻ, *Cam thảo* sống 2 tấc, tán nhỏ, ngâm và nuốt nước.

10) Chữa lở miệng.

Nam ngư tu tait (cỏ xước), sắc nước ngâm.

11) Thuốc làm thơm miệng.

* *Mật đà tãng* 1 chỉ, mài với *giấm* dùng súc miệng.

* *Thảo đầu khấu*, *Tế tân*, *Ích trí*, *Cam thảo* cùng tán nhỏ, để ngâm dần.

* *Hoắc hương*, *Hương nhu*, sắc lấy nước mà ngâm hoặc cho thêm *Quả mơ* phơi khô trộn vào mà ngâm.

12) Mồm thối, hơi thở hôi hám (miệng hạm).

Minh phàn, *Xạ hương*, tán nhỏ đem xát trên răng.

13) Răng hư, miệng thối.

* *Xuyên khung*, nấu lấy nước mà uống.

* *Bạch chỉ*, *Xuyên khung* đều bằng nhau tán nhỏ, sau bữa ăn dùng trộn với *Mật ong* mà uống.

22. BỆNH Ở MÔI

1) Môi sưng đen, đau ngứa không chịu nổi.

Đồng tiền cổ, đổ mỡ heo trên hòn đá, mài lấy nước bôi.

2) Môi nứt, khô đau.

Đào nhân, giã nát trộn mỡ heo mà bôi.

3) Môi khô lở, mọc mụn.

Thanh bì, đốt ra, nghiền nhỏ, trộn mỡ heo mà bôi.

4) Môi bị nứt lở.

Quả cà na (trám) sao lên, tán nhỏ, trộn mỡ heo mà bôi.

5) Lở hai bên mép liên miên không khỏi.

Lá chàm (hái vào tháng 8) giã vắt lấy nước cốt mà rửa, không quá 3 lần thì khỏi.

230. BỆNH Ở RĂNG

1) Răng gãy, chân răng lòi ra.

Cút tròn, trộn với nước vè thành cục đem đốt đỏ, nghiền thành bột, trộn *mỡ heo* mà xức.

2) Kẽ răng chảy răng máu.

* *Lọ nồi* tán bột chấm vào là khỏi ngay.

Các phương khác:

* *Khổ sâm* 1 lạng, *Khô phèn* 1 chỉ tán bột, xát vào là hết.

* *Nhân sâm*, *Phục linh* và *Mạch môn*, sắc uống.

3) Răng nhức do phong.

* *Ngân tiết* (*vẩy bạc vụn*) 1 lạng, đốt đỏ lên, đổ vào 1 chén *rượu*, thừa lúc đang nóng dùng *rượu* đó ngậm là khỏi ngay.

* *Vôi lâu năm*, *Tế tân*, 2 vị bằng nhau, nghiền nhỏ; xát vào răng.

* *Độc hoạt*, nấu với *rượu* cho ngậm lúc đang còn nóng.

* *Bạch chỉ* với *Ngô thù du*, sắc lấy nước mà ngậm.

4) Răng nhức do hỏa.

* *Thạch cao* nung 1 lạng, nung đỏ rồi tời vào *rượu*, rồi tán nhỏ thành bột. *Phòng phong*, *Kinh giới*, *Tế tân*, *Bạch chỉ* mỗi vị đều 5 phân, tán bột xát vào răng.

* *Thăng ma*, *Sinh địa*. sắc lấy nước ngậm lúc còn đang nóng.

5) Răng đau vì có sâu.

* *Vôi* với *đường cát* trộn lẫn đem nhét vào lỗ mủi.

* *Xà sàng* và *bác nến cháy* không hết, nghiền với *Tát bát* mà xúc.

* *Cát cánh*, *Ý dĩ* đều bằng nhau, tán thành bột mà dùng.

* *Vôi đá* lâu năm 4 lạng, *Mật ong* 3 lạng, trộn đều, dùng uối ăn trộn với bìn bọc kín mà nung 1 ngày rồi tán thành bột để xát vào răng.

* *Thổ chu*, *Kinh giới*, *Muối ăn*, *Tạo giác* 2 quả, đốt cháy đỏ nghiền ra mà xát răng.

* *Hẹ* 10 cây, *Xuyên tiêu* 20 hạt, *Dầu mè* một ít, nghiền nát, đem xúc trên hàm răng, vài ngày sẽ khỏi.

6) Răng đau nhức.

* *Phác tiêu*, *Bồ kết*, *Vỏ sa nhân*, hai vị sắc ra nước đậm, hòa tan với *Phác tiêu* đem đổ trên miếng đá, chờ nguội thành phấn trắng, cạo lấy sức vào răng.

7) Răng sưng đau.

Phèn chua 1 lạng, đốt lên cho khô tán nhỏ, *Xác tàng ong* đã để lâu 1 lạng, nướng qua, tán nhỏ, *Thạch cao* 1 nắm sắc lấy nước hoa tan với hai chỉ thuốc mà ngâm, súc.

8) Nướu răng chảy máu thường xuyên.

Phèn chua 1 lạng nấu lấy nước mà ngâm súc.

9) Răng đau ran lên tới óc.

* *Phá cố chỉ* sao nửa lạng, *Nhũ hương* 1,5 chỉ. Tán bột mà xát vào răng, hoặc chế thành viên nhét vào lỗ răng sâu thì khỏi.

* *Ngũ bột tử* nửa lạng, *Huyền hồ* 3 chỉ, *hùng hoàng* 3 chỉ. Tán bột, trước dùng gừng xát vào cho sạch dãi rồi chấm thuốc ấy vào.

10) Đau răng do phong nhiệt.

Muối, Cành hòe. Hai vị bằng nhau sắc đặc bỏ bã, nấu khô, sao lên, tán nhỏ, hàng ngày xát vào răng.

11) Sâu ăn răng.

Hệ dùng cả rễ và lá, giã đắp vào chân răng.

12) Đau răng do thận hư.

Cam tòng và Lưu huỳnh bằng nhau, tán nhỏ, nấu lấy nước mà súc miệng, nếu lâu ngày dùng *Bổ cốt chỉ* 1 lạng, *Thanh diêm* 1 lạng sao nghiền để xát răng.

13) Thuốc làm chặt răng trừ phong chữa đau răng, chân răng bị lòi ra.

Hương phụ sao tồn tính 3 lạng, *Thanh diêm, Gừng sống* mỗi vị nửa lạng, tán nhỏ dùng xát vào răng.

14) Thuốc gia truyền làm bền chắc răng.

Phèn chua, Sáp ong, Hạt cà, Đại hồi, muối một chút, sắc lấy nước ngâm thường xuyên.

24. BỆNH Ở LƯỠI

1) Lưỡi sưng lấp cả miệng.

Cam thảo sắc lấy nước mà súc miệng lúc còn nóng (chứng này không chữa thì chết).

2) Lưỡi bông nhiên sưng lớn đầy mồm.

* *Lọ chảo*, tán nhỏ hòa với *rượu* mà bôi.

* *Bồ hoàng, Can khương*, hai vị bằng nhau, tán nhỏ xát vào.

3) Lưỡi to lấp cả miệng hoặc sưng thè ra ngoài.

Hạt thầu dầu 40 hạt, bỏ vỏ lấy nhân nghiền nát trét trên tờ giấy, cuốn lại, đốt lấy khói mà xông, chưa khỏi lại xông nữa, đến khỏi mới thôi.

4) Lưỡi chảy máu, có lỗ thủng.

* *Hương nhu*, sắc lấy nước mà uống dần.

* *Đậu đỏ* nửa cân, giã vắt lấy nước cốt cho uống.

* *Ba đậu* 1 quả, với *tóc rối* đốt cháy nghiền ra mà uống với rượu.

5) Lưỡi có rêu, nói ú ớ.

Nước cốt *Bạc hà* hòa với *Gừng* và *Mật ong* mà bôi.

6) Lưỡi hai tầng (trùng thiệt) không nói được.

* *Thuốc cứu* tươi hoặc khô, giã lấy nước cốt mà bôi.

* *Bán hạ* nấu với *giấm* mà ngậm súc miệng lúc còn ấm, thuốc nguội thì nhổ ra, hâm ấm rồi lại ngậm.

7) Chứng lưỡi hai tầng thêm nhọt lở.

Nhân quả *Bồ hòn*, tán nhỏ mà bôi.

8) Lưỡi tưa đen (nga khẩu).

Đậu đỏ, tán nhỏ hòa với *giấm* mà bôi.

9) Bõng dưng lưỡi sưng to đầy miệng.

Lọ nồi hòa với *rượu* mà bôi.

10) Lưỡi mọc rêu nói ngọng nghịu.

Bạc hà giã lấy nước cốt, hòa với *Mật ong* và nước *gừng* mà xát.

11) Lưỡi thụt răng cắn chặt.

Ngải cứu tươi, giã đắp, nếu không có dùng *Ngải cứu khô* tẩm nước giã đắp cũng được.

12) Lưỡi cứng hoặc sưng to lấp cả miệng.

* *Củ chóc* sắc với *giấm* mà súc miệng.

* *Đậu đỏ* tán nhỏ, hòa với *giấm* mà bôi.

13) Trong họng có nhọt treo, lưỡi sưng đau.

Ngũ bội tử tán nhỏ, *Tầm vĩ* tán nhỏ, *Cam thảo* tán nhỏ, đều bằng nhau, *Mơ muối* (*Ô mai*) dùng thịt giã nhỏ, luyện đều làm hoàn để ngâm nuốt nước thì vỡ.

14) Miệng lưỡi sinh lở, trên nóng dưới lạnh.

Phèn chua nấu nước, ngâm chân lúc còn ấm.

15) Miệng lưỡi lở.

* *Cát cánh* 1 lượng, *Cam thảo* 2 lượng, sắc lấy nước chia ra uống dần.

* *Hoàng liên* sắc với *ruợu*, chóc lại ngâm, nhấp nhấp.

* *Thăng ma* 1 lượng, *Hoàng liên* 3 phân, tán nhỏ, bọc bông lại ngâm.

* *Tế tân*, *Hoàng liên* bằng nhau, tán nhỏ mà bôi.

* *Nhân trung bạch* 7 phân, *Khô phàn* 3 phân, tán nhỏ đều, trộn với nước dãi mà lau chùi lưỡi, mấy lần thì khỏi.

16) Lưỡi sưng lớn trong vòm họng lại mọc mụn (huyền ung).

Ngũ bội tử, Bạch cương tàm, Cam thảo ba vị đều bằng nhau quét chung với nhân quả *Bạch mai* làm hoàn cho ngậm nuốt thì tự nhiên mụn ấy tự vỡ ra và lưỡi sẽ hết sưng.

17) Lưỡi hai tầng cứng như gỗ.

Cương tàm và *Hoàng liên* (tẩm mật sao) mỗi vị 2 chỉ, tán bột chấm vào thì trào nước dãi mà khỏi.

18) Lưỡi hai tầng sưng đau.

Ngũ linh chi 1 lạng, rửa *rượu* cho sạch, tán nhỏ, sắc lên hòa với giấm mà súc miệng.

19) Miệng lưỡi lở loét.

Trùn cơm, Ngô thù du, nghiền nhỏ trộn với giấm và bột mì mà đắp lòng bàn chân.

20) Miệng lưỡi mọc mụn, lở loét, bên trên ủng trệ, bên dưới hư yếu.

* *Cát cánh* 1 lạng, *Cam thảo* 2 lạng, sắc cho uống; ngoài dùng *Phèn chua*, nấu nước mà rửa khi còn ấm.

* *Thăng ma, Can khương, Hoàng liên, Tế tân*, sắc lấy nước mà ngậm.

21) Các chứng lưỡi vàng, trắng, đen.

* *Vỏ cây khế* nghiền ra cho bệnh nhân ngậm vài giờ thì bỏ ra mà đốt đi thì tự khỏi.

* *Lưu huỳnh* 1 chỉ, *Bách thảo sương* 3 chỉ, tán nhỏ hòa với nước lã trong cho uống.

25. BỆNH Ở MŨI

1) Mũi nghẹt hoặc trong mũi có mọt thịt thừa, hoặc lở mũi có mủ tanh đều dùng bài này.

Bách thảo sương tán nhỏ, cho uống mỗi lần 1 chỉ với nước lạnh.

2) Trong mũi bị lở.

* *Mật đà tãng*, *Bạch chỉ* đều bằng nhau tán nhỏ trộn với *dầu* hoặc *sáp* mà bôi.

* *Huyền sâm* tán bột mà đắp vào.

* *Đại hoàng để sống*, *Hạnh nhân* bỏ vào cối giã đều, hòa với *mỡ heo* mà bôi.

3) Mũi đỏ nổi mụn (Ty tra).

Mật đà tãng 2 lạng, nghiền nhỏ, trộn với *sữa* người, cứ tối đến thì bôi mũi, sáng thì rửa đi.

4) Trong mũi mọt thịt thừa.

* *Phèn chua* đốt, tán nhỏ trộn với *mỡ heo*, dùng bông gòn bọc lại nhét vào mũi, vài ngày thì nó rụng.

* *Chu sa* tán nhỏ, sát luôn thì rụng.

* *Tế tân* tán nhỏ thỉnh thoảng thổi vào.

* *Thạch cao*, *Vôi* bằng nhau, ngào thành cao mà bôi.

5) Trong mũi lở.

Hoàng liên mài với *nước vo gạo* mà rửa chỗ lở thì khỏi.

6) Trong mũi có mọc thịt thừa (Ty trung tức nhục).

Chu sa, *Nạo sa* (*Sal ammoniacum*), *Tế tân*, cùng tán nhỏ, điểm vào thì nó sẽ rụng.

7) Đau trên mũi.

Lưu hoàng tán bột, trộn với nước lạnh mà bôi.

8) Mặt mũi đỏ bầm do phong nhiệt.

Lưu hoàng và *Bạch phân*, hai vị bằng nhau, thêm một ít *Hoàng đơn*, tán nhỏ trộn với nước miếng mà bôi.

9) Mũi lở chảy nước do sâu trùng.

Khổ sâm, Khô phèn, mỗi vị 1 lạng, nước cốt củ *Sinh địa* ba bùm, nước 2 chén sắc sôi lên, để nguội, nhỏ từng giọt.

10) Mũi chảy ra nước trong (Ty uyên).

Lá lốt khô tán bột mà thổi vào.

11) Thức ăn bị sặc vào mũi không ra được, lúc ăn thì đau.

Dùng 1 miếng *mỡ bò* to bằng quả táo, nhét vào lỗ mũi rồi hít vào, mỡ tan thì vật ấy cũng theo đi.

12) Trẻ em bị cảm loét mũi, dưới mũi có 2 vệt đỏ.

Hoàng liên, rửa nước vo gạo cho sạch, nghiền ra bột mà bôi.

26. BỆNH Ở MẮT

1) Các chứng đau mắt.

* *Lô cam thạch* nửa cân, *Hoàng liên* 4 lạng, cắt nhỏ bằng hạt đậu, cho vào dụng cụ nấu bằng bạc hay bằng đá, đổ vào 2 chén nước, nấu 2 giờ vớt bỏ *Hoàng liên*; dùng *Lô cam thạch*, tán bột, cho bột *Long não* 2,5

chỉ vào, nghiền thật đều dùng làm thuốc tra mắt, mỗi lần tra một tí.

* *Hột cây Giàng* xay tán nhỏ, dùng *gan heo*, khía ra dồn thuốc ấy vào mà nướng khô, tán bột cho uống với nước gạo lâu năm (*Trần thương mễ*).

2) Vì can huyết hư, phong nhiệt bốc lên sinh ra các chứng đầu đau mắt mờ, chảy nhiều nước mắt, sợ ánh sáng, có màng mông và thanh manh.

Hoàng liên tán bột lấy 1 lạng, *gan dê* 1 cổ, giã như sấy khô luyện làm hoàn. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước nóng, uống 1 liệu trình là 5 tế thì tốt.

3) Đau mắt mờ mắt, đau đầu, chóng mặt vì huyết lao, phong khí.

Kinh giới tuệ tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 chỉ với rượu.

4) Mắt mờ lâu năm.

Quyết minh tử 2 cân, *gan dê* 1 cổ, bóc bỏ màng, tắm nước hành hương sấy khô tán bột cho uống.

5) Mắt có mây, màng.

Mật ong nửa cân, cho vào chảo thau mà thắng đến màu tím thâm rồi cho vào 2 lạng bột *Hoàng đơn* đã phi, nước 1 chén, *Khu tử* 4 quả lấy thịt, luyện đều bỏ lọ

nút kín, đem chôn dưới đất 21 ngày thì bới lên, dùng thuốc ấy hoặc nhỏ hoặc dán vào mắt.

6) Bông dưng mắt đau ngứa và các bệnh trong mắt.

* *Hoàng liên* ngâm với *sữa*, nhỏ luôn vào mắt.

* *Phương trên* gia thêm *Đinh hương*.

7) Các bệnh ở đầu mắt, và bệnh huyết lao, phong khí sinh đau đầu, đau mắt, chóng mặt.

Kinh giới tuệ tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 chỉ.

8) Mắt sưng đỏ đau.

* *Phác tiêu* để trên *Đậu hủ* chưng cho chảy nước ra hứng lấy nhỏ vào mắt.

* *Uy nhuy* (*Ngọc trúc*), *Xích thược*, *Đương quy*, *Hoàng liên*, đều bằng nhau, nấu lên xông rửa.

* *Phèn chua*, *Cam thảo*, mài với nước, bôi lên mi mắt, hoặc dùng *Phèn phi xát* luôn vào trong mi mắt.

9) Mắt đỏ rất nặng.

* *Củ tam thất* mài với nước, bôi chung quanh.

* *Hoàng liên*, thái giã ra, ngâm vào lòng trắng trứng gà, để xuống dưới đất 1 đêm, sáng hôm sau lắng trong mà nhỏ vào mắt.

10) Mắt có lông quặm.

* Đất sét 1 lạng, Phèn xanh 1 lạng, đều tán nhỏ, mỗi lần dùng 5 phân, sắc nước rửa.

* Phương trên gia Diêm tiêu 5 chỉ.

11) Mắt đau sưng đỏ, không mở được.

Son đất 1 phần, Thạch cao 1 phần, tán nhỏ, trộn với nước mới múc, đắp vào đuôi mắt và vào huyệt thái dương.

12) Đau mắt gió sưng đỏ.

Phèn chua, Cam thảo, mài với nước, bôi đắp lên trên mi mắt, hoặc dùng Phèn chua xát vào trong mi.

13) Mắt đau đỏ toét.

Phèn xanh cho vào giữa quả táo đỏ, đem đốt chín, cùng bỏ vào với lõi cây đào, lõi cây liễu, sắc với một nửa nước giếng, lấy nước nhỏ vào trong mi mắt.

14) Mắt đỏ mờ tối thấy hoa đèn.

Uy nhuy sấy 4 lạng, mỗi lần dùng 2 chỉ với 2 lá Bạc hà, 1 lát gừng và ít mật, sắc uống trước khi ngủ.

15) Mắt mờ tối sẫm.

Thương truật 8 lạng, ngâm nước vo gạo 7 ngày, sấy khô, Mộc tặc (có tháp bút) 2 lạng, cùng tán nhỏ, mỗi lần uống 1 chỉ với nước chè.

16) Mắt tối sầm và chảy nước mắt lạnh.

Bối mẫu 1 củ, *Hồ tiêu* 7 hột, tán nhỏ mà điểm hoặc sắc lấy nước mà nhỏ vào mắt.

17) Mắt mờ do khí huyết hư nhược.

Đương quy 6 lạng, *Phụ tử chế* 3 lạng, tán nhỏ hoàn với mật bằng hột ngô đồng. Mỗi lần uống 30 hoàn với nước ấm.

18) Mắt hoa, thấy sáng nhấp nháy.

Hoa cúc 1 cân, *Xuyên tiêu* 6 lạng, tán nhỏ trộn với *Sinh địa* giã đều làm hoàn bằng hột ngô đồng, uống mỗi lần 50 hoàn với nước chè trước khi ngủ.

19) Mắt bị mờ sau cơn bệnh nặng.

Gan dê thái miếng, trụng với nước sôi cho chín tái mà nuốt.

20) Mắt thông manh đến tối không thấy gì.

* *Thạch cao* tán nhỏ 1 chỉ, *Gan heo* 1 cái, xát thuốc vào, rồi cho vào nồi đất nấu chín, thái ra mà ăn mỗi ngày 1 lần.

* *Hột Thảo quyết minh* 1 cân, *Địa Phụ tử* 5 lạng, tán nhỏ hoàn với cơm bằng hạt ngô đồng, uống mỗi lần 20 hoàn.

* *Thương truật* 4 lạng, ngâm nước gạo 1 đêm, thái ra sấy khô tán nhỏ, uống mỗi lần 3 chỉ.

* *Gan heo* 3 lạng, và thuốc tán *Thương truật* nói trên, cho vào nồi đất với 1 nắm gạo, đổ nước bịt kín nồi, nấu chín, trở một lỗ để xông hơi vào mắt, đến lúc đi ngủ thì ăn gan, uống cả nước, bất kỳ người lớn hay trẻ em đều dùng được (nếu không dùng gan heo thì dùng *gan dê* cũng được).

* *Gan dê trắng* một bộ, *Hoàng liên* 1 lạng tán bột, *Thục địa* 1 lạng, đều giã nhuyễn, hoàn bằng hột ngô đồng, uống mỗi lần 70 hoàn với nước chè sau khi ăn cơm xong, ngày uống 3 lần.

* *Ngọc trai* tán nhỏ 1 lạng, *Mật ong* 2 chén, *Mật cá chép* 2 cái hòa đều cho vào cái nồi đồng nhỏ, đun cạn còn một nửa, dùng bông mới lọc qua, đựng vào trong lọ, mà nhỏ luôn luôn.

* *Lá đậu xanh* nghiền ra, phơi khô, đốt tồn tính, mỗi lần lấy một nhúm, nấu nước lãng trong mà rửa mắt.

21) Bụi bay vào mắt.

Mực tàu mài đặc mà nhỏ vào thì bụi ra.

22) Con bù mắt vào mắt.

Lá tía tô nhai nhỏ, uống với nước.

23) Dăm tre gỗ vào mắt.

Sùng đất (Tê tào) giã ra bôi vào thì dăm ra. Nếu dăm dính cứng vào mắt thì lấy miếng vải mới để trên tròng mắt, cầm con *Sùng đất* mài xát trên vải thì dăm sẽ bám vào vải mà ra.

24) Bụi cát vào mắt.

Lấy *Con hai đuôi* giã với sữa người, hòa đều bỏ vào thì bụi ra. Hoặc giã nhỏ tra vào cũng được.

25) Mắt mờ lâu năm.

Thảo quyết minh sao tán nhỏ, uống mỗi lần 1 thìa sau mỗi bữa ăn với *nước cơm*.

26) Mắt cận thị.

Nấu cháo *gan dê* với *hành* mà ăn.

27) Mắt đau đỏ hoặc sinh màng mọng.

* *Cỏ nụ áo* giã nhỏ với nước 3 phần, *Muối* 1 phần lấy *Lá chuối* hơ lửa, gói thuốc lại, buộc vào ngón tay út, đốt thứ nhất, đau bên trái thì rịt bên tay phải, và ngược lại. Mỗi ngày đêm thay 1 lần.

* *Cỏ nụ áo tía*, *Cành dâu* cả lá, 2 vị bằng nhau thái nhỏ phơi khô, cho vào nồi đất, bịt kín, sắc kỹ, chọc một lỗ để xông hơi vào mắt, cho mắt có mồ hôi thì thôi. Sau lại rót nước thuốc uống 1 chén.

28) Mắt đau đỏ do phạm phòng.

Đọt sung, Đọt táo non, nam 7 nữ 9, cho vào ít muối giã vắt lấy nước cốt uống, cũng dùng nước này mà rửa.

29) Độc đậu chạy vào mắt làm không thấy đường.

Lá dong, nam 7 nữ 9, *Hoàng liên* 1 chỉ, *Tiên cốt* 1 chỉ. Trước lấy *Lá dong* hấp trên nồi cơm, giã nhỏ, chế nước trong vào, để ngâm *Đông tiên cốt* với bột *Hoàng liên*, rồi lãng trong mà nhỏ mắt.

27. BỆNH Ở TAI**1) Tai điếc không nghe rõ.**

Xạ hương, thổi vào, sau đem hành nhét vào lỗ tai thì sẽ nghe được.

2) Tai chảy mủ.

Tóc đốt ra than, tán bột, thổi vào sẽ khỏi.

3) Đĩa (Mã hoàng) chui vào tai.

Lấy 1 *chậu bùn ở ruộng* để bên tai, khi nạn nhân nằm, đĩa ngửi mùi bùn thì nó bò ra.

4) Các thứ sâu bọ có cánh (Du đĩnh) chui vào tai.

* *Hoàng đơn, Sũa, Mật ong và Hạnh nhân* đều bằng nhau, nấu thành cao sền sệt, dùng bông gòn bọc lại nhét vào tai, sâu bọ nghe mùi thơm liền bò ra.

* *Bách bộ sao*, nghiền nát trộn với *dầu dừa* mà nhét vào lỗ tai.

* *Hùng hoàng*, đốt lấy khói xông vào tai thì khỏi.

* Giò vào tai, dùng *Phèn xanh* hòa nước nhỏ vào nó sẽ tan ra nước.

5) Thủy ngân lọt vào tai.

Mạt vàng (vẩy vàng vụn) gói bên tai thì *Thủy ngân* tự chảy ra.

6) Hơi nóng vào tai sinh điếc.

Lấy *thanh sắt*, đốt đỏ lên đem nhúng vào *rượu*, lấy sắt ra mà uống rượu ấy, lại dùng đá *Nam châm* nhét vào tai, ngày nhét, đêm bỏ.

7) Bỗng nhiên tai điếc hẳn một bên.

Đá nam châm nửa chỉ cho vào lỗ tai bị điếc, và dùng *mạt sắt* để vào tai bên không điếc, tự nhiên thông.

8) Trong tai bị chảy máu.

Bồ hoàng sao đem tán nhỏ rắc vào sẽ khỏi.

9) Tai điếc do thận yếu.

Đá nam châm dùng 1 cục bằng hột đậu, *Xuyên sơn giáp* 1 chỉ, đốt lên rồi nghiền nhỏ bọc vải đem nhét vào tai, miệng ngậm 1 cục sắt, thấy trong tai như có gió, tự nhiên khỏi điếc.

10) Bỗng nhiên điếc không nghe gì.

* *Lưu hoàng, Hùng hoàng* đều bằng nhau tán nhỏ, *Sáp ong* nấu chảy và trộn làm hoàn nhét lỗ tai, hai lần là khỏi.

* *Hương phụ sao*, nghiền nhỏ, uống với nước sắc *Lá bạc tử*.

11) Bỗng nhiên tai đau nhức.

Mài *dao* lấy nước đặc nhỏ vào là khỏi.

12) Trong tai đau nhức như có sâu bò, chảy máu hoặc đau đớn khó chịu.

Xác rắn (Xà thoái) đốt ra nghiền nhỏ thổi vào.

13) Trong tai thường bị ù.

* *Sinh địa* cắt ra nhét trong tai, ngày thay vài lần.

* *Muôi* 5 cân, chưng nóng, gối tai lên, nguội lại thay.

14) Tai ra máu mủ lở thối.

* *Hùng hoàng, Thư hoàng, Lưu hoàng* đều nhau, tán nhỏ, thổi vào.

* *Hải phù thạch* 1 lạng, *Một dược* 1 chỉ, *Xạ hương* 1 phân, tán bột thổi vào.

* *Khô phàn* 1 lạng, *Duyên đơn* sao 1 lạng, tán nhỏ hăng ngày cứ thổi vào.

* *Quả táo*, bỏ hạt lấy nhục bọc *Phèn xanh* nung lên, nghiền ra, trộn với *Dầu mè* mà bôi.

28. BỆNH RÂU, TÓC, LÔNG MÀY

1) Tóc đỏ, tóc rụng, sỏi đầu.

Ten đồng mài với *Dầu mè* mà bôi, sẽ mọc lại.

2) Lông mày bị rụng.

* *Hùng hoàng* 1 lạng, hòa với *giấm* mà bôi.

* *Bạch giới tử, Bán hạ* đều bằng nhau, tán nhỏ trộn với *Nước cốt gừng* mà bôi.

3) Thuốc nhuộm tóc bạc.

Phèn xanh, Bạc hà, Ô đầu, đều bằng nhau, tán nhỏ ngâm với *Nước sắt*, hằng ngày dùng bôi lên.

4) Tóc bị rụng sau cơn bệnh nặng.

Cốt toái bổ, cành Tần xuân (giả sắc vi) non, nấu lấy nước mà xức.

5) Tóc vàng, tóc đỏ, tóc không mọc.

* *Trắc bá diệp* nửa cân, *Mỡ heo* 1 cân, trộn đều làm hoàn bằng nắm tay, mỗi lần dùng 1 hoàn hòa với nước cho tan mà gội đầu, chỉ dùng 1 tễ thuốc đã đen mượt.

* *Trắc bá diệp*, phơi râm tán nhỏ, trộn với *Dầu mè* mà bôi.

6) Thuốc xông áo trừ chí rận.

Tân giao, Bách bộ tán nhỏ, cho vào cái ống tre, đốt ngùn lên mà xông, chí rận đều tự rơi ra, hoặc nấu lấy nước để giặt quần áo đồ đạc cũng tốt.

29. TAY CHÂN SÙNG ĐAU

1) Cánh tay đau nhức.

Đương quy 3 lạng, ngâm rượu 3 ngày, hâm nóng cho uống, uống hết lại ngâm nữa, uống đến khỏi mới thôi.

2) Chân tay sưng đau như chặt ra.

Lấy *con trùn* ba cân, nước 5 cân, nhồi vắt lấy nước cốt 2,5 cân, cho uống dần.

3) Ngón tay cái đau nhức.

Trùn cơm, giã nát ra mà rịt.

4) Ngón chân lở ướt.

Vỏ sò tán bột rắc vào.

5) Cánh tay, ống chân đau nhức.

Xương ống chân hổ 2 lạng, ngâm nước muối nướng vàng; *Linh dương giác* 1 lạng, *Thuộc dược tươi* 2 lạng, đều thái ra từng miếng ngâm rượu 7 ngày. (mùa thu, đông 14 ngày), hằng ngày cho uống 1 chén lúc đói lòng, nếu muốn mau thì để hũ rượu ở gần bếp vài ngày.

6) Gót chân sưng đau không thể bước xuống đất.

Cứt bò xào với muối cho nóng mà đắp.

7) Eo lưng và chân co quắp lạnh đau khó xoay trở.

Xương ống chân hổ 5 - 6 tác tẩm giấm sao vàng, tán nhỏ cho vào túi lọc bỏ vào hũ đổ rượu 1 đấu mà ngâm, để hũ rượu gần bếp 7 ngày là dùng được.

8) Hai chân tê thấp đau nhức như đốt.

Thương truật, Hoàng bá, Ngưu tất, Phòng kỷ, Dương quy, Tỳ giải, Thục địa. Tán nhỏ luyện hồ làm hoàn uống với nước muối.

9) Hạc tất phong (hai gối sưng đau, ống chân khô đét, teo lại).

Tứ vật thang gia Sâm, Kỳ truật, Phụ tử, Ngưu tất, Đỗ trọng, Phòng phong, Khương hoạt, Cam thảo sắc uống.

10) Cánh tay đau do đờm thấp.

Thương truật, Bạch truật, Nam tinh, Hương phụ, Hoàng cầm sao rượu; Khương hoạt, Uy linh tiên, Cam thảo, Bán hạ gia một tí Quế mỏng và ba lát gừng sắc cho uống là khỏi ngay.

11) Chân đau do huyết trệ.

Thục địa, Hoài sơn, Trạch tả, Ý dĩ, Đỗ trọng, Tục đoạn, Mộc qua, Ngũ tât, Khương hoạt, Phụ tử, Can khương. Sắc uống.

12) Tê thấp, chân tay không cử động được.

Thương truật 2 lạng, Hồi hương 1 lạng, Quế chi 1 lạng, Thuốc cứu 1 lạng, nấu với rượu xoa bóp chỗ đau rất hiệu nghiệm.

30. LIỆT DƯƠNG (Dương nuy)

1) Liệt dương, âm hành không cương lên, không giao hợp được.

Ngũ vị tử 1 cân, tán nhỏ, uống với rượu, mỗi lần 1 muống (muống cà phê) ngày 3 lần, kiêng thịt heo, cá, tỏi, giấm.

2) Liệt dương, đổ mồ hôi ở âm bộ.

** Dương khởi thạch nung đỏ, tán bột uống mỗi lần 2 chỉ với nước muối và rượu.*

** Ngải tằm 1 cân, bỏ đầu, cánh và chân; sao tán nhỏ luyện mật làm hoàn bằng hòn đạn. Mỗi lần uống 1 viên.*

* *Gan gà trống* 1 cái, *Thỏ ty tử* 1 cân, tán nhỏ dùng *Trùng chim sẻ* làm hoàn, uống với rượu vào lúc đói.

3) Thuốc bổ thận tráng dương.

Thịt dê trắng 1 cân, thái mỏng, nấu chín với tỏi và hẹ, ba ngày làm ăn 1 lần.

4) Khởi dương đơn.

Dâm dương hoắc 2 lạng, *Xuyên tiên mao* 2 lạng, *Hùng hoàng* 1 chỉ, chưng với rượu 3 lần; *Ba kích* 2 lạng bỏ lõi; *Xuyên ngư tât*, *Táo nhân*, *Phá cố chỉ* sao rượu; mỗi vị 2 lạng; *Câu kỷ*, *Mè đen bỏ vỏ*, *Thỏ ty tử* sao rượu, *Đương quy*, *Bạch phục linh*, *Thục địa* chưng với rượu; *Đỗ trọng* sao với muối; *Hoài sơn*, mỗi vị 2 lạng. Ngâm với rượu, trước khi nhập phòng uống 1 - 2 chén thì giao hợp không biết mệt, rất hay. (Người không uống được rượu, có thể bột phân lượng của bát thuốc đem sắc với nước uống cũng hiệu nghiệm).

5) Liệt dương vì hư yếu, tiểu tiện đi luôn mà đái gắt, mặt tối không sáng sủa.

Lộc nhung 1 lạng cắt ra từng miếng, *Hoài sơn* 1 lạng cho vào túi lụa đặt trong hũ rượu 7 ngày, đem ra sấy khô luyện hoàn, lấy rượu đã ngâm ấy hòa tan thuốc hoàn mà uống, mỗi lần vài chung nhỏ.

31. CÁC BỆNH Ở BỘ SINH DỤC

1) Dương vật cứng mãi không mềm, tinh chảy ra luôn không dứt, thỉnh thoảng như kim châm vào, gọi là **Thận lậu**.

Phá cố chỉ, Hạt họ, mỗi vị 1 lượng, tán nhỏ. Mỗi lần dùng 3 chỉ thêm hai chén nước sắc còn 6 phân, ngày uống ba lần.

2) **Tiền âm đỏ mờ hôi, ngứa ngáy khó chịu.**

* *Hoàng kỳ tẩm rượu*, sao tán nhỏ, lấy *tim heo* luộc chín thái ra chấm mà ăn.

* *Long cốt, Mẫu lệ*, tán bột dùng xoa.

3) **Tiền âm lạnh đau, bìu dái sưng dần.**

Xa tiền tử tán nhỏ, mỗi lần uống 1 muống canh, ngày uống hai lần. (Nếu để bìu dái sưng to thì rất nguy hiểm).

4) **Bìu dái sưng to như cái đầu.**

Lông cánh gà, tìm cái nào 1 lỗ có hai lông thì lấy đốt ra tro cho uống, sưng bìu dái bên này thì lấy cánh gà bên kia, nếu sưng cả hai bên thì dùng cả hai lông cánh gà.

5) Đàn bà ngứa âm bộ.

Đào nhân nấu nát nhừ, dùng bông bọc lại đem đắp chỗ ngứa mình; nếu ngứa mình có sưng thì *Đào nhân* sao thơm rồi tán nhỏ, cho uống ngày 2 lần.

6) Mồ hôi ra ướt dưới âm bộ.

* *Hoạt thạch* 1 lạng, *Thạch cao* nung nửa lạng, *Khô phàn* 1 lạng nghiền nhỏ mà rắc vào.

* *Cam thảo* nấu lấy nước, ngày rửa 3 - 5 lần.

7) Đàn ông đàn bà sưng âm bộ.

* *Đất lòng bếp*, trộn với lòng trắng trứng gà mà bôi.

* *Xà sàng tử* với tí muối, tán nhỏ dùng vải xanh bọc lại xào nóng mà chườm.

* *Xà sàng*, *Ô mai* sắc lấy nước mà rửa, ngày 5 - 6 lần.

* *Xà sàng* tán nhỏ, hòa với lòng đỏ trứng gà mà bôi.

8) Đàn bà lở âm hộ, hoặc ngứa mình cứng mà lạnh.

Lưu hoàng tán nhỏ, rắc lên thì khỏi; bị cứng lạnh thì nấu lấy mà rửa.

9) Đầu âm bộ bị lở.

Mật ong chưng lên trộn với bột *Cam thảo* thỉnh thoảng tô vào.

10) Đàn bà ngứa âm hộ.

Xà sàng 1 lạng, *Phèn chua* 2 chỉ, nấu nước thỉnh thoảng rửa.

11) Đàn bà sưng bộ phận sinh dục.

Ngon cây *Cúc hoa*, giã ra nấu lấy nước, trước xông sau đem ra rửa.

12) Đàn ông sưng bộ phận sinh dục, đàn bà đau sát khí (tiểu trường khí).

Mã tiên thảo (*Cỏ roi ngựa*) giã nát, đắp lên, lại lấy 1 lạng khác nấu với rượu cho uống.

13) Bìu đá sưng đau.

* *Hành* với *Nhũ hương*, giã nát mà đắp.

* Y phép trên gia thêm *gừng* nướng và *Ô mai* vào, giã ra mà đắp.

14) Ngọc hành lạnh, yếu liệt.

Tàng ong đốt ra tro, tối đến dùng xoa vào ngọc hành thì nóng dậy lên.

15) Âm hộ bị lở loét gần hết.

Con cóc, đốt ra tro, *Cứt thỏ*, hai vị bằng nhau, tán nhỏ mà bôi lên.

16) Hạ cam, đầu ngọc hành lở loét (chữa cả cam miệng).

Màng mẽ gà dùng rửa nước, để lên miếng gối, đặt lên bếp than mà sấy cho khô lấy ra để tiết bớt hỏa độ rồi tán nhỏ, dùng nước vo gạo rửa chỗ lở trước rồi rắc bột này lên.

17) Đàn bà âm hộ bị sâu ăn, sinh ngứa.

Gan dê đập hoặc luộc vào chỗ ngứa để nhử trùng ra, nếu âm môn lòi ra thì lấy mỡ dê đun lên mà bôi vào.

18) Bìu dái bị lở.

Cứt trùn 3 phần, *Bột đậu xanh* 1 phần, trộn với nước mà bôi, khô thì bôi nữa.

19) Đau đầu ngọc hành.

Ô tặc cốt (*Mai mực*) tán nhỏ rắc vào.

20) Âm bộ lở loét sưng đau.

Ô tặc cốt đốt lên, tán nhỏ hòa rượu cho uống.

32. ĐÔI SÁN

1) Chợt bị sán khí, toát mồ hôi lạnh, dạ dưới và hòn đáí đau như xoắn.

Sa sâm 1 lượng, nghiền thành bột, cho uống 1 muống với *rượu*, khỏi ngay.

2) Các chứng thiên trụ, tiểu trường sán khí, bất cứ lâu hay mới bị, đau co dưới rốn, đau dóm lại, bản thân khó chịu và đáí sưng đau, ngày càng to lên, và bìu đáí ướt ngứa, lở loét.

Ngô thù du bỏ cuống 1 cân, chia làm 4 phần; tẩm *rượu*, tẩm *nước sôi*, tẩm *giấm* và tẩm *nước tiểu*, mỗi thứ tẩm một đêm đem sấy khô; lấy 2 lượng *Trạch tả*, tán nhỏ, dùng *rượu* khuấy hồ hàm hoàn bằng hạt đậu uống lúc đói với *nước muối*, hoặc với *rượu*, mỗi lần 50 hoàn.

3) Thiên trụ, sán khí.

Dùng cái *nồi nấu vàng bạc*, nghiền thành bột, uống với *rượu ấm*. Mỗi lần 2 chỉ.

4) Dịch hoàn sưng to như cái *đầu*, đau không chịu được.

Hùng hoàng, *Phèn chua*, đều 2 lượng; *Cam thảo* 1 thước ta (khoảng 4 tấc), nấu lấy nước mà ngâm rửa.

5) Tiểu trường sán khí, ngọc hành co, bìu dái sưng.

Hải phù thạch, Hương phụ đều 2 chỉ, tán nhỏ, lấy *Mộc thông, Xích phục linh, Mạch môn* nấu lấy nước làm thang mà uống với thuốc mỗi lần 2 chỉ.

6) Sán khí nguy cấp.

Huyền hồ tắm nước muối sao, *Toàn yết* ngắt bỏ chân cánh để dùng sống, đều bằng nhau, tán nhỏ. Mỗi lần uống nửa chỉ với nước muối.

7) Âm nang sưng đau.

* *Kinh giới tuệ*, sấy khô tán nhỏ, liều uống 2 chỉ với rượu.

* *Thổ chu*, nung đỏ, tôi với *giấm*, tán nhỏ, liều dùng 2 chỉ uống với nước sôi.

* *Mộc hương* 4 lạng, nấu với *rượu*, ngày uống 3 lần.

* *Lòng đỏ trứng gà*, quấy với nước sôi mà uống.

8) Trẻ con sưng bộ sinh dục.

Nấu nước hành và *Xuyên tiêu* mà rửa, dùng *Sinh địa* tán nhỏ trộn với nước miếng mà đắp, nếu hòn dái nóng thì trộn với *lòng trắng trứng gà* mà bôi, hoặc gia thêm chút *Mẫu lệ*.

9) Sán khí, sưng một bên dịch hoàn.

Cam toại với *Hôi hương*, hai vị đều nhau, tán nhỏ, hòa với *rượu* cho uống mỗi liều 2 chỉ.

10) Sưng dịch hoàn, đau nhói như kim đâm.

* *Xạ can (Rẻ quạt)* sống già lấy nước cho uống, hoặc tán nhỏ luyện hoàn mà dùng.

* *Hột cà na (trám)*, *Hột trái vả (lệ chi hạch)*, hai thứ bằng nhau, đốt cháy tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước sắc *Hôi hương*.

11) Chứng hàn sán, khi đau khi khỏi.

Ngô thù du 1 lạng, *Gừng* tươi nửa lạng, nấu với *rượu* chia uống 2 lần trong ngày.

12) Thiên trụ sưng đau một dịch hoàn.

* *Tô mộc (Gỗ vang)* 2 lạng, sắc với *rượu* uống thường ngày.

* *Lá vông nem* có thêm tí muối.

* *Quế*, tán nhỏ trộn với nước mà bôi.

* *Vôi đá lâu năm sảy kỹ*, *Ngũ bội tử*, *Sơn chi tử* đều bằng nhau, *Đại hoàng* một ít hòa với giấm rịt.

* *Hột gấc*, *Dấm thanh*, *Hoàng bá*, *Phù dung*, các vị bằng nhau tán nhỏ xào với giấm mà đắp.

* Dùng *quả mướp* đầu mùa, để nguyên trên giàn, chờ đến dây già mới hái xuống đốt ra than, tán nhỏ, luyện với *Mật ong* thành cao, mỗi tối đi ngủ cho uống 1 muống canh hòa với rượu ngon, nếu sưng dái bên này thì nằm ngủ nghiêng bên kia, và trái lại.

13) Hoàn lương sán khí (đau ở bụng dưới ngang với xương mu).

Phá cố chỉ sao lãn với mè cho chín, tán nhỏ, liều uống 1 chỉ với rượu.

14) Chứng sa đĩ.

Cỏ màn châu, hạt *Ích mẫu*, sao lên, tán nhỏ trộn đều dùng uống.

33. SÁN THỐNG⁽⁹⁾

1) Hàn sán đau quanh rốn, chân tay giá lạnh, toát mồ hôi, mạch huyền mà khẩn.

9. Có đau hay sưng dịch hoàn thì gọi là Đồi sán, không liên hệ đến chỗ ấy thì gọi là Sán thống.

Đại phụ tử 5 củ, bỏ vỏ và rốn, *Nước* 3 chén nấu cạn còn 2 chén rồi cho *Mật ong* 2 cân vào nấu thành cao, người khỏe thì mỗi lần uống 7 chén, yếu uống 5 chén.

2) Hàn sán, đau chằng khắp gân sườn, ngực bụng.

Đại phụ tử 4 củ, chẻ làm 4 miếng, *Mật ong* 1 lượng nấu đến khi nó ngấm rồi lấy ra sấy khô tán nhỏ, gia *Thục địa* và *mật* đã thắng tới, luyện làm hoàn, mỗi lần uống 20 hoàn, với nước muối nhạt.

3) Hàn sán, ỉa lỏng, đau bụng sôi bụng, lạnh toát mồ hôi.

Phụ tử chế, *Huyền hồ* sao, mỗi thứ 1 lượng; *Mộc hương* sống 5 chỉ, tán nhỏ. Mỗi lần uống 4 chỉ với nước gừng.

4) Mọi chứng sán thống tiểu trường, bàng quang tỳ vị khí thống hoặc do phong hàn mà đau bụng co thắt toát mồ hôi, chân tay giá lạnh.

Đại phụ tử (sao) 1 củ, *Sơn chi tử* 4 lượng sao tán nhỏ. Hòa với rượu, muối và nước cho uống ấm mỗi lần 3 chỉ.

Nếu âm sán bụng dưới sưng đau, gia *Tật lê*.

Nếu hư yếu, gia *Quế chi*, lấy nước gừng khuấy hồ luyện hoàn. Mỗi lần uống 5 - 6 hoàn (uống với rượu).

5) Sán tích, bụng đau.

Da nhím đốt ra tro hòa rượu uống.

6) Khí sán đau vùng tim do thấp nhiệt hàn uất.

Dại phụ tử, *Sơn chi tử*, mỗi vị 1 chỉ, tán nhỏ, dùng nước sông (*Tràng lưu thủy*) hòa 1 muống nước cốt gừng mà uống (vị *Sơn chi tử* giáng thấp nhiệt, *Phụ tử* phá được hàn uất; *Phụ tử* dẫn *Sơn chi* đi mau chóng mà không lưu trệ ở dạ dày).

7) Phong sán.

Thương truật 1 chỉ, *Hùng hoàng* 1 chỉ, *Tóc* đốt ra than 3 chỉ, *Xuyên khung* 5 chỉ, *Thần sa* 5 chỉ, *Đinh hương* 4 chỉ, *Quan quế* 3 chỉ, *Cát cánh* 3 chỉ, *Tạo giác* 1 lượng, *Quý kiến sấu* 3 chỉ, *Xương đầu hổ* 5 chỉ, *Xạ hương* 3 phân, *Cam thảo* 3 chỉ, *Xương bồ* 1 lượng, *Phòng phong* 1 lượng, *Angelica* 3 chỉ, *Trâm hương* 3 chỉ. Các vị tán nhỏ luyện dầu mè làm hoàn, *Hùng hoàng* làm áo, thang tống bằng nước lá trầu không, nếu nóng quá thì thang bằng nước giấm.

34. KHÍ THỐNG

1) Mọi chứng khí thống của nam nữ: lãnh khí, phì khí, tức bôn, phục lương, bôn đôn khí, hơi xốc vào tim đau như cắt, toát mồ hôi, khó thở, sắp chết.

Ô dược chọn củ nhỏ tẩm rượu 1 đêm, *Hồi hương*, *Thanh bì* cạo bỏ xơ trắng, *Cao lương khương* đều bằng nhau, cùng sao lên tán nhỏ, cho uống với rượu và nước tiểu trẻ em.

2) Tâm tỳ khí thống. Người nào có điểm đau tại chỗ thịt mềm trước ngực, phần nhiều do khí và hàn, hoặc đau suốt đời, hoặc mẹ truyền cho con, tục gọi là tâm khí thống là không đúng, đó là do cuống dạ dày bị trệ, chỉ có bài *Độc bộ* tán sau đây chữa rất hay.

Hương phụ tẩm giấm sao qua tán nhỏ, *Cao lương khương* rửa rượu sao 7 lần tán nhỏ.

Đau vì hàn thì dùng *Lương khương* 2, *Hương phụ* 1, đau vì khí thì dùng *Hương phụ* 2, *Lương khương* 1, đau do khí và hàn lẫn lộn thì dùng hai vị bằng nhau, lấy nước cơm cho vào nước gừng và một tí muối hòa lẫn uống 7 - 8 lần khỏi hẳn.

3) Phương thuốc làm cho khí thăng giáng đều hòa.

Chế phụ tử 1 củ to, mài với *Trâm hương*, chia uống hai lần.

4) Khí thống đau chạy khắp nơi.

Mộc hương, mài với nước nóng, hòa với rượu cho uống.

5) Tim bụng đau như bị châm.

Hương phụ sao 20 lạng, *Ô dược* 10 lạng, *Cam thảo* 2 lạng, sao tán nhỏ, thang bằng nước muối. Mỗi lần uống 2 chỉ.

6) Mọi chứng lãnh khí, phong hàn và đờm thấp làm khắp mình đau đớn.

Tô tử, *Cao lương khương*, *Trần bì* đều bằng nhau tán nhỏ luyện mật làm hoàn. Mỗi lần uống 10 hoàn với rượu.

7) Thuốc thuận khí thông đại tràng.

Tô tử, *Mè*, đều bằng nhau, giã nát lọc lấy nước, nấu với gạo thành cháo cho ăn.

8) Các chứng đau do khí huyết không thông.

* *Hương phụ* sao 1 lạng, *Hột trái vải* đốt cháy 5 chỉ. Các vị tán nhỏ, cho uống 2 chỉ với nước cơm.

* *Ngũ linh chi*, nghiền sống 3 chỉ, rượu 1 chén, sắc lên cho uống.

9) Chứng tâm tỳ khí thống, khí thực có đờm.

Mẫu lệ nung nghiền thành bột, uống với rượu mỗi lần 1 chỉ.

10) Tâm khí thống.

* *Bột vỏ sò* sao, *Hương phụ* (bỏ vỏ) sao, tán nhỏ uống với nước sôi.

* *Trứng gà* 1 quả, cho vào 2 ly giấm, hòa lẫn mà uống.

35. TÂM THỐNG (Đau tim)

1) Các chứng đau tim do khí lạnh phạm vào, khi đau chịu không được, với các chứng đau tim, đau bụng đã lâu, lúc phát bệnh dùng đến thì khỏi dứt.

Bông nga truật 2 lạng, tẩm giấm nướng, *Mộc hương* 1 lạng nướng, các vị tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 chỉ rượu với giấm..

2) Hàn quyết tâm thống, tiểu trường bàng quang khí thống, đau đờn khó chịu.

Phụ tử chế. *Uất kim*, *Quất hồng bì* mỗi vị 1 lạng tán nhỏ dùng giấm khuấy hồ luyện hoàn, *Chu sa* làm áo,

liều uống 1 hoàn, đàn ông uống với rượu, đàn bà uống với giấm.

3) Nhiệt quyết tâm thống lúc đau lúc không, lâu năm không khỏi, mình nóng chân lạnh.

* *Huyền hồ*, *Kim linh tử* bằng nhau tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 chỉ với rượu ấm hay nước sôi.

* *Khổ luyện tử*, *Huyền hồ* mỗi vị 1 lượng tán nhỏ. Mỗi lần uống 3 chỉ với rượu ấm.

4) Đau tim vì lạnh hoặc vì nóng.

Đất lòng bếp, tán bột. Mỗi lần 1 muống canh, uống với rượu ấm.

5) Các phương chữa tâm khí thống.

* *Đào nhân* 7 hạt bóc bỏ vỏ, nghiền nát hòa với nước uống.

* *Can khương*, tán nhỏ, uống 1 chỉ với nước cơm.

* *Cành đào* hướng đông 1 năm, nấu với rượu uống.

6) Các phương chữa tâm khí thống, bỗng đau dữ dội.

* *Ngũ linh chi* sao 1,5 chỉ, *Gừng đốt* 3 phân tán nhỏ uống với rượu hâm nóng.

* Bột *Đinh hương*, *Sáp vàng* hơ trên ngọn đèn cho chảy ra, hòa lẫn vào bột *Đinh hương*, *Bách thảo sương* lẫn ngoài, làm hoàn. Mỗi lần uống 3 hoàn với nước giếng.

7) Các phương chữa lạnh bụng khi đang đi giữa đường.

* *Vỏ quít* cạo bỏ xơ trắng, sắc uống.

* Vùng chón thủy đau nhói như bị đâm, dùng *Dương quy* tán nhỏ, uống 1 muống với rượu.

8) Tâm khí thống.

Đậu xanh 20 hạt, *Tiêu ăn* 40 hạt, cùng nghiền nát, hòa nước sôi cho uống khỏi ngay.

9) Đau vùng tim lâu ngày.

Tỏi, dùng nấu mà ăn, rất hay, lâu không tái phát, kiêng ăn muối.

10) Ngực bụng đau vì khí lạnh khí nóng không điều hòa.

Sơn chi tử, *Phụ tử* đều bằng nhau, nghiền sống, lấy rượu khuấy hồ luyện làm hoàn bằng hạt tiêu. Mỗi lần uống 50 hoàn, với nước gừng.

Tiểu trường khí thống thì thêm *Hồi hương* sao, uống 20 hoàn với nước hành và rượu.

11) Tâm khí thống, tiểu trường khí thống.

Hạt trái vải 1 hạt, đốt cháy nghiền nát hòa rượu uống.

12) Đau bụng đau tim trướng lên, đoán hơi sắp chết.

Quế 2 lạng, sắc lấy nước mà uống.

36. PHÚC THỐNG (Đau bụng)

1) Nam phụ lão ấu đau bụng, đau dạ, tiểu trường sán thống, các thuốc đều không hiệu quả, nhất là đàn bà đẻ đau ngực hay đau dạ dưới, và các chứng đau do khí huyết, phương thuốc này rất hay.

Ngũ linh chi và *Bồ hoàng*, hai vị bằng nhau, tán nhỏ dùng rượu và giấm hòa với thuốc sắc uống. Nếu chưa khỏi lại uống lần nữa, hay dùng giấm khuấy hồ luyện hoàn cho uống với nước tiểu trẻ con và rượu.

2) Đàn bà đau bụng dưới, vừa mới thấy kinh lưng đau như cắt, đau vắt tới xương sống như bị dùi đâm.

Rau má họ (Tích tuyết thảo) khi nở hoa về tháng 5, hái về phơi khô nghiền nát, trộn với giấm cho uống mỗi lần 2 muống canh, cứ mỗi sáng mai cho uống một lần. Nếu người vốn tạng hàn thì dùng thuốc kể trên 5 lạng thêm 200 hạt *Đào nhân* (bỏ vỏ và đầu nhọn) cùng tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, cứ mỗi lần uống 20 hoàn với rượu, ngày uống 2 lần.

3) Bỗng nhiên đau bụng dữ dội.

Sơn đậu cã, nghiền nát với nửa chén nước cho uống, khỏi mồm là yên ngay.

4) Đàn ông đàn bà tâm khí thống, và các chứng đau về khí.

Hương phụ 2 lạng, *Ngải cứu* nửa lạng, chế giấm vào nấu chung đến chín thì bỏ *Ngải cứu* dùng *Hương phụ* đem sao khô tán nhỏ, dùng giấm khuấy bột làm hồ luyện hoàn bằng hạt đậu, liều uống 50 hoàn với nước sôi.

5) Đau bụng vì hư yếu.

Bạch thược 3 chỉ, *Chích thảo* 1 chỉ, mùa hè gia *Hoàng cầm* 5 phân mùa đông gia *Quế* 1 chỉ, sợ lạnh gia *Nhục quế* 1 chỉ, sắc uống.

6) Đau dạ dưới vì nhiệt, mặt xanh đen hoặc đỏ, không thở được.

Khổ sâm 1 lạng, *giấm* 1 cân, sắc còn nửa chén chia uống 2 lần.

7) Giữa rốn đau như vện.

Bạch giới tử tán nhỏ, luyện mật làm hoàn. Mỗi lần uống 1 chỉ với nước giếng, ngày uống 3 lần ở giờ Dần, Thân và Thìn.

8) Thuốc khai vị, chữa người hay lạnh bụng.

Hương phụ sao, tán nhỏ, nấu gừng và muối hòa ra cho uống mỗi lần 2 chỉ.

9) Bụng dưới lạnh đau.

Tam nại (củ thiên liên), *Đinh hương*, *Đương quy*, *Cam thảo*. Các vị đều nhau, tán nhỏ, giấm khuấy bột làm hồ luyện hoàn bằng hạt tiêu. Mỗi lần uống 20 hoàn với rượu.

10) Ruột đau như vện (giảo tràng sa).

Nước tiểu trẻ em, cho uống lúc còn nóng là khỏi ngay, hoặc gia thêm nước cốt *Mã lan*.

11) Vện bảo đơn chữa đau bụng kinh niên do tích.

* *Hắc phàn (phèn đen)* 1 lạng, *Nhũ hương* 5 chỉ, *Đinh hương* 5 chỉ, *Đại hồi* 1 lạng, *Bạch phàn (phèn chua)*

1 lượng, *Ngô thù du* 5 chỉ, *Hương phụ* 1 lượng, *Đương quy* 1 lượng, *Tiểu hồi* 1 lượng, *Mộc hương* 1 chỉ, *Nhục quế* 1 chỉ, *Uất kim* 2 lượng, *Thảo quả* 3 chỉ, *Cam thảo* 3 chỉ. Tất cả tán bột, riêng *phèn đen* và *phèn chua* bỏ chung làm một, dùng cái nồi đất lót muối dưới đáy, bỏ thuốc vào đây, trét bùn kín miệng, cho vào lửa mà đốt cả ngày, rớt cục chỉ lấy phèn (bỏ muối) hòa với các vị kia luyện hoàn to bằng ngón tay, liều uống 3 hoàn với nước chanh.

* *Trầm hương Mộc hương* đều 1 chỉ, *Tân lang* (ky lửa) 5 phân, *Thạch quyết minh* nung chín 4 phân, (lấy gỗ *Duối* đốt thành than, tán bột làm áo).

* *Thương truật* sao hắc 5 phân, đều tán thành bột, dùng *Nhũ hương* và *Một dược* mỗi thứ 2 chỉ, nấu ra nước làm chất dính để luyện hoàn bằng hạt đậu xanh. Mỗi lần uống 12 hoàn với nước sôi hoặc nước sắc *Hoắc hương* cũng tốt. Uống kèm chung với *Bổ trung gia Hậu phác* là khỏi ngay.

12) Đau từ dạ dưới đau xốc lên dạ dày (Bôn đôn).

Thiếc trắng 5 chỉ, *Lưu hoàng* 5 chỉ. Trước hãy nấu thiếc lấy nước đem trộn với *Lưu hoàng*, còn các vị *Trầm hương*, *Quan quế*, *Ngô thù* (tẩm muối sao), *Tiểu hồi* (sao), *Phá cố chi* (tẩm muối sao), *Ngưu tất*, *Nhũ hương*, mỗi vị 5 chỉ, *Đinh hương* 20 nụ đều tán bột, luyện hồ làm hoàn, liều uống 20 hoàn với nước gừng.

13) Chứng bôn đôn mà mạch đi tế, vô lực bởi tiên thiên bất túc, chân âm muốn thoát.

Sâm 3 chỉ, Thục 5 chỉ, Truật 3 chỉ, Phụ 1 chỉ, Mạch môn 2 chỉ, Ngưu tất 2 chỉ, Quan quế 1 chỉ, Chích thảo 1 chỉ, Ngũ vị tử 15 hạt. Các vị sắc uống ấm.

14) Đau bụng, hoắc loạn.

* *Xuyên luyện tử, Trâm hương, Nhân hạt Bồ kết, Phèn chua, Cam thảo, các vị tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn, uống với rượu hâm nóng.*

* *Quả bầu khô, đốt thành than, cã nhỏ hòa với nước trong cho uống khỏi ngay.*

37. HOẮC LOẠN (Dịch tả)

1) Can hoắc loạn, không thổ không tả, bụng trương đau muốn chết.

* *Đất sạch hòa với nước rồi gạn trong, gọi là Địa tương, lấy nước đó uống vài chén, kiêng không ăn cơm cháo.*

* *Vôi lâu năm, hòa với nước đường cát cho uống 2 chỉ hoặc lấy giấm nhạt làm thang cũng tốt.*

2) Hoắc loạn nôn mửa không ăn cơm không uống thuốc được, rất nguy cấp.

Lấy nước sôi hòa nước lạnh gọi là âm dương thủy cho uống vài hớp, khỏi ngay.

3) Hoắc loạn buồn phiền khát nước.

* *Nhân sâm* 5 chỉ, *Quế tâm* nửa chỉ, sắc uống.

* *Đất vách tường* hướng đông (*Đông bích thổ*) nấu với nước cho uống.

4) Hoắc loạn thổ tả.

* *Phèn phi* 1 chỉ hòa với nước đã đun sôi cho uống.

* *Nhục đậu khấu*, tán bột, uống 1 chỉ với nước gừng.

* *Nhân sâm* 2 lượng, sắc lấy 1 chén nước, cho vào 1 lòng trắng trứng gà, sắc với *Sâm rôi* mài *Đinh hương* cho uống.

* Bệnh nguy cấp dùng *Hoắc hương* lá và *Trần bì* mỗi thứ nửa lượng sắc cho uống, nếu phiền khát gia *Cát căn*, *Cam thảo*, lại lấy *Bạch giới tử* nghiền ra hòa với nước mà đắp rốn.

5) Hoắc loạn đầy trướng chưa thổ chưa hạ được.

* Lá tía tô sống già vắt nước cốt, hoặc lá khô sắc cho uống cũng được.

* Đinh hương, Sinh khương, Tân lang, sắc với nước tiểu trẻ em cho uống.

* Ba đậu 1 hột, bóc bỏ vỏ và lõi, nghiền với nước nóng cho uống, mưa hoặc ỉa được thì thôi không cho dùng nữa.

6) Hoắc loạn, thổ tả không ngừng.

Lá thuốc cứu, lấy 1 nắm sắc cho uống.

7) Hoắc loạn buồn phiền trướng bụng.

Bán hạ chế, *Quế* đều bằng nhau tán nhỏ, uống với nước sắc *Lá lấu* và *Xương bồ*.

8) Hoắc loạn chuyển gân (vọp bẻ), bụng trướng không ỉa nữa được.

Chi từ 20 quả, *Tóc rơi* 1 nắm, đều đốt ra tro nấu nước muối và rượu làm thang hòa uống để mưa.

9) Hoắc loạn chuyển gân.

Bồ kết tán nhỏ, xúc 1 tí thổi vào lỗ mũi cho chảy mũi thì yên.

10) Hoắc loạn sắp chết, uống thuốc này có thể cứu sống.

Long cốt và Ô tê giác, mài nước cho uống khỏi ngay.

11) Chữa 28 chứng hoắc loạn.

Cỏ gà 1 nắm, gạo nửa vốc, muối một tí, giã nhỏ hòa vào nước lọc bỏ bã cho uống, dù thổ hay không thổ cũng sẽ khỏi; nếu có chuyển gân thì thêm ít lá Tía tô.

12) Các chứng hoắc loạn, đau bụng thổ tả.

Lá lấu (Phù lão diệp), Lá bù cu vễ (Bạch địa dương), Lá sung (Vô hoa diệp), cùng nghiền chung thành bột làm hoàn, hoặc sắc cho uống cũng được. Nếu vì phạm phòng thì thay bằng nước trà hoặc nước Lá lấu.

13) Hoắc loạn nguy cấp.

Trần bì, Hoắc hương, đều bằng nhau, gừng 7 lát, sắc sôi vài dạo mài Mộc hương, Trầm hương, và Hạt gió cho uống nóng.

38. CHUYỂN GÂN (Chuột rút - Vọp bẻ)

1) Hoắc loạn chuyển gân vào bụng, cánh tay và ống chân ngay như, mạch đi huyền vi.

Chất trắng trong cứt gà trống, tán nhỏ sắc cho uống. Bên ngoài dùng muối sao cho vào hai túi để chườm ngực và bụng 1 túi, còn 1 túi thì chườm phía sau lưng, nếu khí đã tuyệt mà người còn nóng thì lấy muối đắp rốn cứu 7 mỗi.

2) Vọp bẻ bắp chuối.

Rét, đốt ra than, cà nhỏ, trộn mỡ heo mà xúc.

3) Hoắc loạn chuyển gân, chân tay giá lạnh, và các chứng đau bụng tiêu chảy.

Hạt chanh 6 hoặc 7 hạt nhai sống hoặc giã ra uống. Nếu không có hạt chanh thì hái lá *chanh* ở hương đông dùng cũng tốt.

39. HIẾP THỔNG (Đau sườn)

1) Sườn đau ran lên ngực, tâm phiền nguy cấp.

Hương nhu 1 cân, giã vắt nước cốt cho uống.

2) Dưới sườn đau lói như bị đâm.

Tiểu hồi 1 lượng sao, *Chi xác* 5 chỉ, sao với cám, tán chung cho nhỏ, mỗi lần uống 2 chỉ với rượu và chút nước muối.

3) Hiệp thống.

Can thận kiêm *tư thang*, phương này bình can dưỡng thận:

Thục địa 1 lượng, *Đương quy* 1 lượng, *Bạch thược* 2 lượng, *Bạch giới* 3 chỉ, *Cam thảo* 3 chỉ, *Chi tử* 1 chỉ. Sắc uống. Rất thần hiệu.

40. ĐAU LƯNG

1) Thận khí hư yếu, phong hàn lấn vào, hoặc khí huyết kích bác nhau, lưng đau như gãy, cúi ngửa khó khăn, hoặc làm việc khó nhọc, lao tổn, hoặc tê thấp tổn thương, hoặc té ngã tổn thương, hoặc phong hàn lấn vào, hoặc khí trệ không tan, đều làm cho đau lưng cả; hoặc ngang lưng như có đeo vác nặng.

Phá cố chỉ tẩm rượu sao 1 chỉ, *Đỗ trọng*, cạo bỏ vỏ tẩm nước gừng sao 1 chỉ, *Hồ đào nhục* bỏ vỏ 10 quả; đều tán nhỏ dùng 1 lượng *tôi* giã nát luyện hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 20 hoàn với rượu lúc đói, đàn bà thì

uống với giấm nhạt, sẽ mạnh khỏe xương, lưu thông mạch máu.

2) Thận hư, lưng đau như bị đâm không cựa được.

Mạt sừng hươu 3 lạng sao vàng nghiền ra bột. Uống 1 muống với rượu lúc đói, ngày 3 lần.

3) Lưng đau do thận hư.

* *Phá cố chỉ* sao 1 lạng, tán nhỏ, *Mộc hương* 1 chỉ tán nhỏ hòa rượu cho uống.

* *Tiểu hồi* sao, với cật dê, phơi râm tán nhỏ, cho uống với rượu.

* *Tủy xương dê*, đập cho vỡ. *Nhục thung dung* 1 lạng, *Thảo quả* vài quả, cho tương hành vào nấu canh mà ăn.

4) Lưng đau vì lạnh.

Huyền hồ, *Đương quy*, *Quế tâm* đều bằng nhau, tán nhỏ. Dùng 3 - 4 chỉ uống với rượu ấm.

5) Lưng đau vì hư hàn.

Lộc nhung khử lông, tẩm giấm nướng hơi vàng, *Phụ tử* chế, mỗi vị dùng 2 lạng, *Muối rang* 3 phân.

Các vị tán nhỏ, dùng *Táo đen*, bỏ hạt quét như trộn làm hoàn bằng hạt đậu, uống 30 hoàn với rượu.

6) Các chứng chân đau.

Uy linh tiên, tán nhỏ, uống 1 chỉ với rượu lúc đói, hễ hơi lợi tiểu thì thôi.

7) Lưng đau như bị dùi đâm.

* *Hột quít*, *Đỗ trọng*, mỗi vị 2 lạng sao, tán nhỏ, cho uống với rượu và muối.

* *Tiểu hồi*, sao tán nhỏ, uống 2 chỉ với rượu và nước muối, ngoài dùng 1 cân gạo nếp sao nóng bọc vào túi đem chườm chỗ đau.

8) Thành linh lưng bị đau.

* *Đậu đen* 2 chỉ, *Rượu* 1 cân nấu cho uống.

* *Miết giáp* nướng giòn nghiền nát cho uống với rượu, mỗi lần 1 muống, ngoài dùng đậu xanh tán nhỏ sao nóng cho vào túi mà chườm chỗ đau.

9) Phụ nữ lưng bị đau.

Sừng hươu, sao vàng nghiền nát thành bột, liều uống 1 muống với rượu, ngày uống năm lần.

10) Lưng và xương sống sưng đau.

* *Bạch giới tử* tán nhỏ trộn với rượu mà đắp.

* *Lá thuốc cứu* 1 nắm, giã nát, trộn với nước tiểu trẻ em, lá chuối bọc lại, đắp lên trên huyết *Thận du* rồi lấy 1 nắm cơm nóng đặt lên trộn, hễ cơm nguội thì thay nắm khác.

11) Rượu thuốc thần hiệu chữa lưng đau do tê thấp.

Cây *Quý xạ* trắng và đỏ hai thứ, *Ngũ gia bì*, *Đậu đen*, sao với nước gừng; rễ *Cỏ xước*, rễ *Bưởi bung*, rễ cây *Rung rúc*, *Đại hoàng*, rễ *Hương đẳng*, *Tầm gỏi dâu*, nấu với rượu trong ống ngoài thoa; nếu bệnh đã lâu năm thì uống 2 tuần có thể khỏi.

12) Lưng và ngực có điểm đau.

Trần bì, *Bán hạ*, *Phục linh*, *Ô dược*, *Chỉ xác*, *Cương tâm*, *Xuyên khung*, *Bạch chỉ*, *Ma hoàng*, *Cát cánh*, *Can khương*, *Tía tô*, *Hương phụ*, *Thương truật*, *Khương hoạt*, *Độc hoạt*, *Cam thảo*. Sắc uống.

41. ĐỜM ẨM

1) Có đờm nhưng không ho, khắp mình đau nhức.

Đờm phàn 5 chỉ, nước 1 chén nhỏ, *rượu trắng* 1 chén nhỏ, cùng đổ vào cái chén to, đậy kín đun cách thủy khoảng một giờ, lấy ra cho uống lúc sắp đi ngủ.

không nên cử động mà cố ngủ, trong một khắc thì đờm dãi ra mà khỏi đau.

2) Ho đờm, chỉ có thể nằm nghiêng bên phải mà không thể nằm nghiêng bên trái, vì hễ nằm xuống thì khí đưa ngược lên bắt thở dốc hoặc gây cơn suyễn.

Nhị trần thang gia Thanh bì, Hương phụ, Bạch giới, Dương quy, Bạch thược, Tô tử, La bạch tử.

3) Đờm suyễn như kéo cửa.

Hoàng đơn, Khô phàn đều 1 chỉ, tán nhỏ, uống 1 chỉ với nước sắc Bạc hà.

4) Ho đờm chỉ nằm nghiêng bên trái mà không nằm nghiêng bên phải được, hễ nằm nghiêng bên phía phải thì hơi đưa ngược lên thở dốc, suyễn.

Nhị trần thang gia Bạch giới, La bạch, Tô tử; khí hư gia Nhân sâm.

5) Chứng đờm lạnh, lưng bụng đau nhức.

Vỏ cây Bồ hòn (*Vô hoan*), róc bỏ chỗ sần sùi ngoài da rồi thái nhỏ sao qua, Phèn phi tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn, uống 30 hoàn với nước sắc Ngũ gia bì.

6) Đờm lạnh ở trong ngực.

Nhị trần thang gia Nam tinh, Bạch giới, Can khương, Phụ tử, Đinh hương, Hồi hương, Quan quế, Sa nhân, Bạch truật.

7) Ho do phong hàn hoặc không do phong, và các chứng mới cảm đờm trệ, hơi dồn ngược lên, gây cơn suyễn.

Bạch giới tử sao, tán bột làm hoàn dùng để ngâm dần; người lớn trẻ em thể chất khỏe mạnh thì cứ dùng, người già khí hư thì không nên dùng.

8) Trục đờm thần tiên hoàn.

Bồ kết 2,5 lượng, *bồ hạt*, *đập bột dầu*, *sao vàng* còn 1,6 lượng; *Phèn chua* 2 lượng để sống, *Hắc sừu* 4 lượng, tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn, uống với rượu. Bài này đã kinh nghiệm, ít có bại nào hơn.

9) Thổ đờm hoàn.

Đờm phân 1 chỉ, *Chu sa* 5 phân, *Ô mai* 3 quả, tán nhỏ luyện hồ làm hoàn để uống.

10) Đờm ẩn hóa hoàn.

Hắc sừu 4 lượng, nửa sao nửa để sống, *Bồ kết* 2 lượng, *bồ nhân sao*, *Qua lâu vàng* 1 lượng, ép bỏ dầu, *Bối mẫu* 5 chỉ. Tất cả tán nhỏ, luyện hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 30 hoàn với nước gừng; nếu ho hen, suyễn thở

gấp thì lấy *Hạt sắt thảo* nấu nước làm thang. Chữa nam phụ lão ấu đều công hiệu.

11) Đờm khí kết ở ngực, không cứ âm dương hư thực, uống bài này rất hay.

Ngân chu nửa lạng, *Phèn chua* 1 lạng. Nghiền chung đựng vào lọ sành, để lên lửa than cho chảy ra rồi cạo lấy, liều uống 1 chỉ, dùng nước trà ngon pha vào tí nước gừng cho uống với thuốc, trên ngực thấy có tiếng sè sè là đờm kết tan đi, không hại chi đến nguyên khí vì phèn hóa được đờm mà *Ngân chu* thì tan được chất dính.

12) Đờm kết trong ngực không tan.

Mật đà tăng 1 lạng, giấm và nước mỗi thứ 1 chén. nấu chảy ra đến cạn khô, đem tán nhỏ, dùng 2 chỉ, nấu rượu và nước nóng lên làm thang uống một chốc sẽ thổ đờm ra.

13) Đờm đọng ở dạ dày, thở không thông, sắp chết.

Thư hoàng 1 lạng, *Hùng hoàng* 1 chỉ rưỡi, tán nhỏ, nấu sáp ong tan ra trộn lên hoàn bằng hạt đậu, cứ nửa đêm dùng 1 hoàn bỏ vào cháo nếp nóng cho ăn.

14) Đờm tích trong ngực, nhức đầu không muốn ăn.

Phèn chua 1 chỉ, nước 2 chén, sắc còn 1 chén, chế mật ong vào 1 chén con mà uống, một chút lại mưa ra. Nếu chưa mưa ra thì lại uống; dùng nước nóng để dẫn thuốc.

15) Khai vị hóa đờm hoàn.

Chữa người không muốn ăn uống, người lớn trẻ con đều dùng được cả.

Nhân sâm sấy giòn 1 lượng, *Bán hạ* tẩm nước gừng sấy khô tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn. Mỗi lần uống 30 - 50 hoàn sau bữa ăn với nước gừng, ngày uống ba lần.

16) Thuốc hóa đờm, giáng khí, cắt cơn ho, giải uất, tiêu thức ăn, khỏi chứng gầy.

Bối mẫu, bỏ lõi chế với gừng 1 lượng, *Hậu phác* nửa lượng, tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, uống 50 hoàn với nước sôi.

17) Đờm đọng, nước tích, phong khí công lên, trong ngực vướng tức.

Hương phụ tẩm *Bồ kết*, *Bán hạ chế*, mỗi vị dùng 1 lượng, *Phèn chua* nửa lượng. Tất cả tán nhỏ, dùng nước gừng luyện hồ làm hoàn. Mỗi lần uống 30 - 40 hoàn với nước gừng.

18) Thuốc tiêu đờm chữa phong nhiệt.

Bạc hà phơi khô tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, hoặc trộn với đường cát trắng đã thắng tới làm hoàn, dùng để ngậm.

19) Đờm đọng, uống nước lạnh thời nôn ói.

Quất bì, Bán hạ chế đều 1 lượng, tán nhỏ, *Gừng 7* lát nấu nước làm thang mà uống lúc ấm.

20) Người già ho đờm khí suyễn.

Hạt cải, Tô tử, Bạch giới tử, Trần bì, Nam tinh, Hoàng cầm, Chỉ thực, Xích phục linh, Cam thảo, Gừng sống 3 lát. Sắc uống.

**21) Đỏ mũi do đờm, phong, hỏa gây nên.
(Giống như Xích diểu phong).**

Nam tinh, Bán hạ, Xích phục linh, Quất hồng, Can khương, đều dùng sống và bằng nhau tán nhỏ luyện hồ làm hoàn, uống 50 hoàn với nước gừng nhạt.

22) Đờm kết ở ngực, khạc không ra, nuốt chẳng vào.

Đau không trở mình được, đầy tức sinh nóng lạnh thở gấp, và các chứng thực tích ho đờm.

Qua lâu, Chỉ thực, Cát cánh, Phục linh, Bối mẫu, Hoàng cầm, Trần bì, Sơn chi mỗi vị 1 chỉ; *Dương quy, Sa*

nhân, *Mộc hương*, mỗi vị 5 chỉ; *Cam thảo* 2 chỉ, *Gừng* 3 lát cho vào tí *Trúc lịch* làm hoàn uống.

Nếu dờm niề tâm khiếu, không nói được thì bỏ *Mộc hương* gia *Xương bồ*. Khí suyễn gia *Tang bì*, *Tô tử*, ngoài dùng *gừng* sống, chụng nóng đem xoa chỗ đau.

42. ĐÌNH ẤM

1) 5 chứng ẩm.

Nước đọng ở dưới tạng tâm gọi Đình ẩm, đọng ở hai bên sườn gọi Tích ẩm, nước đọng trong ngực gọi Đàm ẩm, đọng ở trong khoảng 5 tạng gọi Dật ẩm, đọng ở khoảng ruột gọi Lưu ẩm, đều do lạnh dạ dày ăn uống đồ sống lạnh hoặc uống quá nhiều nước mà ra.

Bạch truật 1 lượng, *Bào khương*, *Quế tâm* mỗi vị nửa lượng tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, uống 20 - 30 hoàn với nước ấm.

2) Vùng thượng vị có nước đình tích lại.

Bạch truật 3 lượng, *Trạch tả* 5 lượng, sắc xong chia làm ba lần uống.

43. KHÁI THẤU (Ho)

1) Ho thở, do đờm nhiệt, đờm sôi lên như sôi trào.

Thạch cao nung, *Hàn thủy thạch* đều 5 chỉ, tán nhỏ, uống 3 chỉ với nước sắc *Nhân sâm*.

2) Ho lâu khí nghịch, nhổ ra nước bọt đục, không nằm được.

Bồ kết nướng bỏ hạt, nghiền nhỏ, luyện mật ong làm hoàn, uống 1 hoàn với nước sắc *Đại táo*.

3) Ho có đờm mới bị hay đã lâu, bí tắc dưới cách mô, thức uống đọng ở tạng phủ.

Tri mẫu, *Bối mẫu*, đều 1 lạng, *Ba đậu* 30 hạt (gói vào vải đập bỏ bớt dầu) nghiền đều, uống 1 chỉ với nước sôi ngâm gừng, đi cầu được thì ho sẽ ngừng; người khỏe dùng được, người già bỏ *Ba đậu*.

4) Ho lâu ngày, hơi đưa lên, lâu năm không khỏi.

Con doi, bỏ cánh và chân, tắm rượu đốt cháy nghiền thành bột. Mỗi lần uống 1 chỉ sau bữa ăn với nước cơm.

5) Ho lâu ngày, khô phổi, chảy nước mũi nước dãi, thường hay nóng lạnh, má đỏ, thở mệt.

Nước tiểu trẻ em, bỏ đoạn đầu và cuối hứng lấy 5 chén, *bột Cam thảo* 1 chỉ, uống lúc sáng sớm mỗi ngày 1 lần; hoặc *Cam thảo* thái miếng, tắm nước tiểu đem phơi sương 1 đêm rồi bỏ *Cam thảo*, uống với nước tiểu càng hay.

Chú ý: Khi muốn lấy nước tiểu của trẻ em nào, phải bảo nó kiêng ăn 5 vị cay. (Tỏi, hành, hẹ, kiệu, rau răm).

6) Trẻ ho tất tiếng.

Tử uyển, *Hạnh nhân* bỏ vỏ và đầu nhọn sao, đều bằng nhau, tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, uống 1 hoàn với nước sắc *Ngũ vị tử*.

7) Ho hen, sốt rét và nóng âm ỉ trong xương.

Cua đình 1 con, *Tử uyển*, *Tiền hồ*, *Tri mẫu*, *Bối mẫu*, *Hạnh nhân* mỗi vị 5 chỉ nấu chung đến chín, bỏ mai và xương, ăn cả thịt uống hết nước, còn thuốc đem sấy khô tán nhỏ, dùng mai cua đình lấy nước mà hoàn. Mỗi

lần uống 30 hoàn với nước sắc *Hoàng kỳ*, uống hết thì dùng *Sâm kỳ* mà điều bổ.

8) Phổi nóng sinh ho.

Sa sâm với *Tử uyển* mỗi thứ nửa lượng, sắc uống.

9) Ho, sưng phổi.

Ngũ linh chi 2 lượng, *Hồ đào nhục* 8 hột, *Bá tử nhân* nửa lượng, nghiền đều với nước làm hoàn, uống 20 hoàn với nước sắc *Cam thảo*.

10) Bổng phát cơn ho dữ dội.

Đất thó trắng (kao lạnh), *Phèn chua* đều dùng 1 lượng, tán nhỏ, nước gừng khuấy hồ làm hoàn, uống 20 hoàn với nước gừng.

11) Ho do đàm ảm.

Đinh lịch 1 lượng sao đen, *Tri mẫu*, *Bối mẫu* mỗi vị 1 lượng tán nhỏ, *Đại táo* nửa lượng, đường cát 1,5 lượng, trộn đều làm hoàn bằng hòn đạn, mỗi lần lấy bông mới bọc vào mà ngâm 1 hoàn, nặng lắm thì 1 - 2 hoàn:

12) Ho xốc, ngực đầy.

* *Quả hồng* để cả tai, *Đinh hương* mỗi vị 2 chỉ, *Gừng tươi* 5 lát sắc cho uống, hoặc tán thành bột cho uống với nước sôi.

- * Bài trên gia *Bán hạ* và *Sinh khương*.
- * Bài trên gia *Thanh bì, Trần bì*.
- * Bài trên gia *Cao lương khương, Cam thảo*.
- * Bài trên gia *Nhân sâm* chữa chứng ho xốc

ngược do hư.

13) Ho suyễn có đờm.

Vỏ hến lâu năm, đốt tồn tính tán nhỏ, trộn nước cơm mà uống mỗi lần 1 chỉ, ngày uống ba lần.

14) Ho xốc hơi đưa lên.

Sa nhân sao tán nhỏ, *Gừng tươi* đều nhau giã nát, ăn cơm xong dùng rượu nếu uống. Lại lấy hạt *Tía tô* nghiền ra lượt kỹ lấy nước nấu cháo với gạo nếp mà ăn.

15) Chỉ thấu hóa đờm hoàn.

Hòe hoa, Ngũ bội, Khoản đông hoa, Bách hợp, tán nhỏ luyện mật làm hoàn uống với trà.

16) Các phương gia truyền chữa ho.

* *Hạc sắc thảo, Bạc hà, Hạnh nhân, Táo giác, Hùng hoàng, Khô phàn, Cát cánh, Cam thảo*, tán nhỏ luyện hoàn uống với nước sắc *Xương song*.

* *Rễ cây dương (dó)* lấy toàn bộ rễ và cây 10 phần, *Bồ kết* lấy cả quả 6 phần, đều đốt tồn tính, nấu

nước Bạc hà trộn làm hoàn, cho vào múi chanh ngâm nuốt.

* *Bách bộ, Nước gừng, Đại táo, Hạnh nhân, Bối mẫu, Sữa, Mật ong*, nấu thành cao để ngâm, chữa được chứng ho.

17) Ho gió, ho đàm.

Đình lịch tử, Phèn phi mỗi vị 1 lượng; *Gừng sống, Xạ can* mỗi vị 3 chỉ; *Cam thảo* 1 chỉ luyện hồ làm hoàn, muối gừng làm thang uống.

18) Ho về chiều.

Sa sâm, Nhân sâm, Huyền sâm, Tử uyển, Khoản đông hoa, Mạch môn, Ngũ vị, Thán khương, Hoa phấn, Tri mẫu, sắc uống.

19) Can nhiệt sinh ho, sườn bên tả đau.

Hoàng liên 2 lượng, *Ngô thù du* 1 lượng, tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn, uống 50 hoàn với nước nóng.

20) Ho không khỏi hoặc trong đêm có máu, người hư yếu.

Bách hợp, Khoản đông hoa, hai vị bằng nhau tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, khi đi ngủ uống với nước gừng nhạt hoặc ngâm cho tan mà nuốt.

21) Ho đã lâu, cho uống 2 bài thuốc thang, 2 bài thuốc hoàn sau đây thì khỏi.

a) Thuốc thang:

- Bài 1. *Thục địa 5 chỉ, Ngưu tất, Phục linh mỗi vị 2 chỉ, Trạch tả, Mạch môn mỗi vị 1,5 chỉ, Phụ tử, Huyền sâm mỗi vị 2 chỉ, Chích thảo, Ngũ vị mỗi vị 5 phân, gừng 3 lát sắc uống.*

- Bài 2. *Đương quy, Phục linh mỗi vị 2 chỉ, Bạch thược, Táo nhân, Ý dĩ, Mạch môn mỗi vị 1 chỉ, Chích thảo 5 phân sắc xong cho Tam thất, Bạch cập, Móng tranh, Tóc rối đốt ra tro hòa vào uống.*

b) Thuốc hoàn:

- Bài 1. *Thục địa 4 lạng, Phá cố chỉ, Câu kỷ, Hoài sơn, Bạch phục linh, Mạch môn mỗi vị 2 lạng; Trạch tả, Ngưu tất mỗi vị 1 lạng, Đơn bì, Ngũ vị, Bách hợp mỗi vị 1,5 lạng; Phụ tử nửa lạng, tán nhỏ, luyện mật làm hoàn uống với nước muối nhạt.*

- Bài 2. *Sinh địa sao rượu, Mạch môn mỗi vị 10 lạng, Long nhãn nhục 8 lạng, Trần bì 3 lạng, Cát cánh, Cam thảo mỗi vị 2 lạng, tất cả nấu cao, đến khi cao tới, cho vào bột Ý dĩ 8 lạng, Bối mẫu với gạo trắng đều 2 lạng, Bạc hà nửa lạng mà trộn cho đều, chóc chóc vít ngâm cho tan dần.*

22) Ho đã lâu, ăn vào lại mửa ra.

Hạc sắc thảo khô 1 chén, Hùng hoàng 3 chỉ, Bồ kết nửa quả, nướng tán bột, ăn một miếng trầu nhai nuốt

nước cốt rồi lấy thuốc bột trên cho vào xe điều mới, đốt hút và nuốt khói ấy.

Chú ý: Vừa mới hút dù thấy bệnh tăng lên đừng sợ, chỉ làm 2 - 3 lần là khỏi.

23) Ho lâu ngày nóng âm ỉ trong xương, phát sốt, hoặc mưa, hoặc khát, ăn kém, mạch phù.

Hoàng cầm 1 lượng sắc cho uống sẽ khỏi.

24) Ho lâu mất tiếng.

* Cát cánh 5 chỉ, Cam thảo 4 chỉ, Kha tử lấy thịt, Mạch môn, Thanh đại mỗi vị 3 chỉ, đều tán nhỏ luyện mật làm hoàn, ngâm cho tan dần.

* Cát cánh 2 chỉ, Trần bì, Cam thảo mỗi vị 3 chỉ, Khô phàn 2 chỉ, Bồ kết 2 chỉ, tẩm giấm và xôi phơi chín lần, tán nhỏ trộn Hùng hoàng 1 chỉ vào, luyện mật làm hoàn, ngâm cho tan.

25) Ho xốc lên nhiều đờm do bị thương hàn lâu ngày.

Nghệ xa cừ 2 lượng, Phụ tử 3 lượng, Cam thảo 1 lượng, đều tán bột luyện hồ làm hoàn, lúc đói cho nuốt 1 hoàn.

26) Bệnh ho. Người già 50 tuổi đã bị ho hơn 4 năm, mỗi lần ho vài mươi tiếng mới thôi, đến mùa thu thường bị sốt.

Thục địa, Ngưu tất, Mạch môn, Sơn dược, Phục linh, Tục đoạn, Phá cố chỉ, Ngũ vị tử, Đại phụ tử, Xa tiền, Trạch tả, Bạch giới tử, Bách hợp, Đơn bì. Tùy trường hợp dùng phân lượng cho thích hợp. Sắc uống.

27) Ho đã lâu, thở khò khè.

Tri mẫu bỏ lông sao cách giấy, *Hạnh nhân* bỏ vỏ và đầu nhọn, sấy khô đều dùng 5 chỉ, sắc uống ấm, rồi uống hoàn thuốc sau đây:

La bặc sao, *Hạnh nhân* đều bằng nhau, tán nhỏ luyện hồ làm hoàn. Mỗi lần uống 50 hoàn với nước gừng. Nếu thở có đờm thì dùng 3 - 5 hoàn nhai nuốt là khỏi ngay.

28) Ho đã lâu hay ợ.

Nước cốt gừng nửa chén, cho vào 1 muống *mật ong*, sắc cho uống từng hớp một, uống ba lần là khỏi.

29) Ho kinh niên.

A dao sao phồng, *Nhân sâm*, đều 2 lạng, tán nhỏ, uống 3 chỉ với nước sắc *Đậu thị* và *Hành*, ngày uống ba lần.

30) Ho có nhiều đờm.

Trần bì, Bán hạ, Cam thảo, Hùng hoàng, Ngô thù du, Ô đầu, Xuyên tiêu (một ít), Thuốc cứu, Đinh hương (một ít) tán nhỏ, lấy một tờ giấy trắng phi phèn chua cho chảy ra, tráng trên tờ giấy rồi rải thuốc bột lên, cuốn lại thành ống, đốt cháy một đầu cho bệnh nhân hút lấy khói ấy.

44. HEN

1) Hen có tiếng như kéo cửa (gầm gào), không nằm ngủ được.

Thổ chu tán nhỏ, hòa với giấm mà uống.

2) Hen có cũ và ho đờm.

Cứt mè đốt ra tro tán nhỏ, uống với *Đường cát*.

3) Những phương gia truyền chữa hen rất hay.

* *Con sam*, rửa sạch, nướng vàng tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh, liều uống 10 - 15 hoàn, uống với nước sắc *Tang bạch bì* (con sam là loài động vật có mai (*Limulus longispinus*) đặc biệt là con cái

thường công con đục dù gặp sóng to gió lớn vẫn đeo như sam).

* *Nước chanh, Nước cốt gừng, Nước đá trẻ em, Sữa* mỗi thứ dùng 1 chén con, cùng nấu sôi cho uống, uống đến khỏi thì thôi.

* *Vôi đá* lâu năm, tán nhỏ luyện với *Mật cá trắm* làm hoàn bằng hạt đậu xanh. Mỗi lần uống 1 hoàn với nước lã trong.

* *Cứt heo* nái, đốt ra tro tán nhỏ, uống 5 chỉ với nước sắc vỏ khế sao vàng.

* *Hùng hoàng, Mật heo, Nước chanh*, hòa lẫn nấu lên, làm hoàn bỏ vào múi chanh cho ngậm.

45. HỌNG ĐAU (Viêm họng)

1) Họng đau, ho hen do phong nhiệt.

Xạ can, Thăng ma, đều 5 chỉ, *Mã bột* 3 chỉ, *Mã nha tiêu* 2,5 chỉ; sắc uống lúc còn ấm.

2) Họng sưng nguy cấp.

Rễ cây *Thanh yên* mài với nước uống, *Cá trắm* sấy khô, 2 vị bằng nhau tán nhỏ hòa đều, dùng lông gà phết thuốc vào trong họng thì khỏi.

3) Họng sưng bế tắc.

Phèn chua 1 chỉ, *Giấm thanh* 2 chỉ, hai vị trộn lẫn phơi khô, tán nhỏ, thổi vào họng thì hết đờm dãi. Rồi dùng một ít *Riềng* tán nhỏ, hòa với nước súc miệng và nuốt thì khỏi.

4) Họng sưng vào mùa đông không thể uống được.

Xà sàng tử, chứa vào trong bình tích, đốt cho bốc khói, bệnh nhân ngậm vòi ấm hút khói vào thì đờm chảy ra.

5) Họng đau do nhiệt kết.

Vỏ *Sa nhân* tán nhỏ, uống 1 chỉ với nước.

6) Họng sưng đau bế tắc.

* *Ích mẫu* già nhỏ hòa với nước, vắt lấy cốt uống một lúc thì nôn ra sẽ khỏi (mùa đông thì dùng rễ).

* *Lá chè*, *Cỏ bắc*, đốt thành tro tán nhỏ, thổi vào; *Củ chóc sống* già nhỏ, nhét vào lỗ mũi, dãi chảy ra thì khỏi.

7) Trong họng nổi mụn thịt.

Trước khi vỡ mụn cho ra máu, rồi dùng *Đạm đậu sị* với muối trộn đều già nhỏ, bôi vào.

46. SUYỄN

1) Thở khò khè phát suyễn.

Xương đầu mèo đốt ra tro tán nhỏ. Mỗi lần uống 3 chỉ với rượu.

2) Vì thất tình xúc động nổi cơn suyễn, hơi đưa lên, thở gấp, buồn phiền không ăn được.

Nhân sâm, Bình lang, Trâm hương, Ô dược đều bằng nhau, tán bột làm hoàn. Khi dùng mài với nước nóng (gọi là Tứ ma hoàn) cho uống.

3) Không nằm được hay là phong đờm ủng trệ.

Bán hạ, Tọa giác, Cam thảo mỗi thứ 3 chỉ, gừng sống 3 lát đựng trong túi lụa sắc uống.

4) Suyễn, đổ mồ hôi, mồ hôi trộm, hơi thở ngắn, chóng mặt do dương khí hư.

Nhân sâm 5 chỉ, *Thục phụ tử* 1 lượng, chia làm 4 phần, mỗi phần cho 10 lát gừng, sắc uống ấm.

5) Suyễn thở sấp dứt hơi, hơi đưa lên khó thở.

Nhân sâm tán bột, hòa vào nước sắc *Lá hẹ* cho uống, uống vài lần thì khỏi.

6) Suyễn thở, ho đàm.

Cát cánh 4 lạng, *Nước tiểu trẻ em* nửa cân, sắc còn 4 chén cho uống.

7) Suyễn thở hơi đưa lên.

Bông nga truật 5 chỉ, rượu 1,5 chén; sắc còn 8 phân uống.

8) Định suyễn hoàn.

Phương kinh nghiệm chữa suyễn thần diệu.

Phèn chua, *Bạch phụ tử* các vị bằng nhau luyện hoàn với nước gừng, suyễn thì uống với nước sắc hạt *Tía tô*, hen thì uống với nước sắc *Hải kim sa*.

9) Suyễn, ho, chân tay giá lạnh, ra mồ hôi nhiều.

Thục địa 3 chỉ, *Mạch môn*, *Ngưu tất* mỗi vị 2 chỉ, *Đại phụ tử* 1 chỉ, *Ngô thù du* 7 phân, *Ngũ vị tử* 10 hạt, *Ngũ bội tử* 4 phân, *Bạch truật*, *Phục linh* mỗi vị 2 chỉ. Sắc uống.

10) Suyễn đã lâu năm.

Cắt bù xè trong cây dâu, La bặc tử, Hạnh nhân, sao 1 cân, Cam thảo 2 lạng, tán nhỏ luyện hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 50 hoàn với nước gừng.

11) Thở khò khè hỗn hển, mình mẩy xanh róc, thân trên hơi nóng, thân dưới hơi hàn.

Nhân sâm, Bạch truật đều 2 chỉ, Thục địa 3 chỉ, Ngưu tất, Mạch môn đều 1 chỉ, nếu đi cầu phân lỏng gia Phụ tử 6 chỉ, Bạch giới tử 6 phân. Sắc xong mài Trâm hương hòa uống.

47. Ợ CHUA (Thôn toan)

1) Từ bụng đưa lên chất nước chua như giấm.
Ngô thù du một ít, nước ba chén sắc cho uống.

2) Ăn rồi ở trong cổ, vị khí hàn lạnh, ợ chua.
Ngô thù du, dội nước sôi 7 lần, sấy khô, Bào khương mỗi vị đều bằng nhau tán nhỏ, cho uống với nước sôi bất cứ lúc nào trong ngày.

3) Ợ chua do thấp nhiệt.

Hoạt thạch 6 lạng, Cam thảo 1 lạng, Ngô thù du tẩm nước nóng sao khô 1 lạng, các vị tán nhỏ. Mỗi lần dùng một ít hòa với nước mật cho uống.

48. XÓT RUỘT (Tào tạp)

1) Khí uất đả lâu, ngực bụng đầy ách, hay nôn nao, xót ruột, trong cổ hay nghẹn.

Hương phụ, Hoàng liên, mỗi vị 4 lạng, tán nhỏ, dùng Thần khúc khuấy hồ luyện hoàn. Mỗi lần uống 70 hoàn với nước sôi để nguội.

2) Xót ruột thổ ra nước.

Trần bì bỏ xơ trắng tán nhỏ, mỗi canh năm cho rải 5 phân trên lòng bàn tay, liếm mà ăn thì ngủ sẽ yên, nếu không phải vỏ quit thì không kiến hiệu.

3) Ngực bụng có ác khí sinh ra xót xa cồn cào.

Lá thuốc cứu già vắt lấy nước cốt cho uống khỏi ngay.

49. BỌN DẠ (Ổ tâm)

1) **Lạnh bao tử, bợn dạ muốn mửa.**

Bạch đậu khấu 3 quả, Rượu đế 1 chén, hòa nóng cho uống.

2) **Tỳ vị hư yếu, bợn dạ không muốn ăn uống.**

Thịt thỏ nửa cân, xắt mỏng, ướp hành, tiêu, nước tương, đem nướng chín, cho ăn ngועi lúc đói bụng.

3) **Bợn dạ do đàm lạnh.**

Tất bát (Tiêu lốt) 1 lạng, phơi khô tán nhỏ, cho uống nửa chỉ trước bữa ăn.

4) **Bổng bị bợn dạ.**

Bạch đậu khấu nhai nuốt rất hay.

50. NGHẼN (Ế cách)

1) Nằm chứng nghẹn, mửa xốc, ngán ngực, khí trệ, buồn phiền, ăn nghẹn không nuốt xuống được.

Rễ lau (Lô căn) 5 lạng, thái nhỏ, đổ ba chén nước to, sắc còn 1 chén uống.

2) Nghẹn, ăn vào mửa ra, các thuốc đều vô hiệu.

Anguý 1 chỉ, *Cứt khô* của người ỉa ngoài đồng đốt thành than 3 chỉ, đều tán nhỏ, đến canh năm cho ăn với chút gừng sống.

3) Người già ăn nghẹn, nuốt không xuống.

Thịt gà mái 4 lạng, *Phục linh* 2 lạng, *Bột mì* ngang 6 lạng, bỏ lẫn vào nước *Đậu thị* nấu mà ăn, từ 3 - 5 lần là khỏi.

4) Nghẹn, ăn vào liền mửa ra hết.

* *Nhân sâm* 1 lạng, *Bán hạ* 1,5 lạng, *Gừng sống* 10 lát, nước 1 đấu, trộn đều, chế vào ba chén mật ong, nấu uống.

* *Phác tiêu* 2 chỉ đốt qua, *Nhi trà* 1 chỉ, *Xạ hương* nửa phân, tán nhỏ, chia làm ba lần uống với rượu, sẽ khỏi hẳn.

* *Vôi mới nung 3 chỉ, Đại hoàng 1 chỉ, sắc với rượu uống.*

5) Nghẹn, không ăn vào được.

Hồng hoa (thư hái vào ngày Đoan ngo) tẩm rượu sấy khô, *Huyết kiệt* (thứ có hình dáng như quả dưa) đều nhau tán nhỏ, *Rượu* 1 chén, đun cách thủy, hòa thuốc bột uống dần. Lúc đầu mỗi ngày uống 4 phân, ba ngày sau uống 5 phân.

6) Bỗng đang ăn bị nghẹn.

Quái bì 1 lượng, tẩm nước sôi bỏ xơ sấy khô tán nhỏ, hòa với nước nóng mà uống.

7) Nghẹn, hơi xốc lên muốn chết.

Bán hạ với *Sinh khương* sắc lấy nước uống.

51. NÔN MỬA

1) Bỗng nôn mửa không nuốt thức ăn được.

Hoạt thạch sống tán nhỏ, uống với nước nóng, mỗi lần 2 chỉ. Sau khi uống thuốc nên ăn miếng nhỏ (hoặc cháo lỏng) để nén thuốc xuống.

2) Bợn dạ nôn mửa có đờm do vị hư.

Nhân sâm 1 lạng sắc lên, cho vào 1 chén *Trúc lịch*, 3 muống nước *Gừng*, uống ấm, đến khỏi thì thôi; bài thuốc này càng thích hợp đối với người già.

3) Ăn vào liền nôn mửa ngay do dạ dày lạnh.

Nhân sâm, *Đinh hương*, *Hoắc hương* mỗi vị 2 chỉ rưỡi, *Gừng* 3 lát sắc cho uống ấm.

4) Nôn mửa do hư hàn, ăn uống không được.

Tế tân nửa lạng, *Đinh hương* 2 chỉ rưỡi, đều tán bột. Mỗi lần dùng 1 chỉ uống với nước *Thị đế*.

5) Nôn khan, chân tay lạnh.

Rễ lau 3 cân, nấu với *Nước tiểu trẻ em*, cho uống 3 cân thì khỏi.

6) Ăn vào liền mửa do bao tử nóng.

Đại hoàng 1 lạng, *Cam thảo* 1,5 chỉ sắc uống ấm.

7) Nôn ọe, chân tay lạnh do tỳ vị hư hàn.

Đinh hương 3 nu, *Trần bì* 1 cái, cạo bỏ xơ, sấy khô. sắc uống nóng.

8) Mửa không thôi.

* *Hoàng đơn* 4 lạng, *Giấm* nửa cân, đun trong nồi đất cho cạn, để nguội làm hoàn với cơm, mỗi lần uống 7 hoàn.

* Lá cây *Cần sa*⁽¹⁰⁾, giã vắt nước cốt cho vào tí muối mà uống.

9) Thở ra nước trong.

Thuốc cứu khô sắc cho uống.

10) Nôn khan không ngọt.

* *Cát căn* giã lấy nước cốt cho uống, uống 1 cân thì khỏi.

* *Nước mía*, *nước gừng* hòa lẫn cho uống, uống được nửa cân thì khỏi.

11) Hơi đưa lên nôn mửa.

Bạch giới tử tán nhỏ, luyện mật làm hoàn. Mỗi lần uống 7 hoàn với nước giếng ban mai.

12) Bụng đầy nôn ọe.

Gừng sống 8 chỉ, *Bán hạ* 5 chỉ. Sắc chia 2 lần uống.

13) Nôn mà ngực đầy.

10. Hòa ma hay Đại ma, là cây cần sa, nếu tiếng Bắc thì gọi là Gai dầu *Cannabis Sativa* L. Quả nó trấn kinh chỉ khái, tư nhuận chỉ thống, lá nó là thuốc ma túy, có trồng nhiều ở Tân Châu, An Giang...

Ngô thi du một ít, *Táo tàu* 20 quả, *Gừng sống* 4 lạng, *Nhân sâm* 1 lạng, sắc uống, ngày 3 lần.

14) Nôn ói ra nước chua.

Cút dề mới ỉa ra, nhạt 10 hòn sắc với rượu cho uống.

15) Ói mửa không ngừng mấy ngày trời, cơm nước và thuốc men không nuốt xuống được.

Ngũ linh chi tán nhỏ, luyện với *Mật chó* làm hoàn. Mỗi lần dùng vài hoàn, cho rượu vào nấu cho tan mà uống, uống xong, húp một ít cháo nóng.

16) Nôn ói không ngừng (Nghiệm phương, nam nữ đều dùng được).

Nhục quế, *Bạch đàn*, *Trầm hương*, *Mộc hương* tán nhỏ luyện hồ làm hoàn, dùng *Hoắc hương* sắc lấy nước mài thuốc mà uống.

52. PHIÊN VỊ (Ăn vào nôn ra hết)

1) Phiên vị (ăn vào nôn ra hết).

* Một con *Cá chép*, tắm nước đái trẻ con một đêm, sáng ra rang giòn, nghiền thành bột, nấu cháo với gạo cho ăn.

* *Đất thó* (đất sét trắng) nung đỏ, đem nhúng vào chậu có 1 cân giấm, nhúng rồi nung, nung rồi nhúng, làm đến hết 1 cân giấm mới thôi, lấy 1 lượng đất ấy đem nghiền bột cho uống.

* *Hột cải*, *Vỏ quít*, đất vách tường hướng Tây có mặt trời dội vào, sao lãn cho thơm, tán bột. Mỗi lần dùng 2 chỉ uống với nước sắc *Gừng* 3 lát, *Táo* 2 quả.

2) **Phiên vị, thức ăn bị nghẹn ở ngực.**

Bán hạ 3 lượng, *Nhân sâm* 1 lượng, *Mật ong* 4 lượng, sắc xong chia uống trong 4 ngày.

3) **Chứng phiên vị, hễ ăn uống vào liền mửa ra ngay, người yếu, mất sức.**

Dùng sâm 3 lượng, sắc uống nóng; lại dùng nước *Sâm*, cho gạo, củ kiệu vào nấu cháo chín, thêm *Trùng gà* vào ăn.

4) **Phiên vị, hơi đưa lên, hễ ăn vào liền mửa.**

Rễ tranh 2 lượng, *Rễ lau* 2 lượng, nấu lấy nước uống.

5) Bợn dạ, thức ăn cũng như thuốc đều không nuốt xuống được.

Tam lăng 1,5 lượng sấy khô, *Đinh hương* 3 phân, tán nhỏ, uống 1 chỉ với nước sôi.

6) Trong dạ dày có máu xấu đọng lại, ăn vào thì đau, thức ăn bị nghẹn không xuống được, lại mửa ra.

Lá hẹ giã vắt lấy nước, *Sữa bò* hai thứ bằng nhau, thỉnh thoảng uống từng hớp một.

7) **Phiên vị, ăn vào mửa ra.**

* *Cút trùn* 1 lượng, *Mộc hương* 3 chỉ, *Đại hoàng* 7 chỉ, tán nhỏ. Mỗi lần uống 5 chỉ với nước mưa.

* Đốt trong con ốc (lấy ốc thật nhiều, ngâm nước cho ốc nhả đất ra rồi đem phơi khô). Mỗi lần uống 1 chỉ với rượu hâm nóng.

* *Củ cải*, nấu với mật ong cho ngấm, ăn từng tí một.

* *Ốc ao* (ốc đấng) rửa sạch, ngâm với nước muối cho nhả hết bùn, vét lấy bùn đó phơi khô, làm hoàn, mỗi lần uống 30 hoàn với nước sắc *Hoắc hương*.

8) **Phiên vị vì huyết phong.**

Bạch chỉ 1 lượng, sao vàng tán nhỏ, ăn với *huyết heo* luộc chín, 7 lần thì khỏi.

9) Phiên vị vì tỳ hư.

Bạch đậu khấu, Sa nhân mỗi vị 2 lạng, *Đinh hương* 1 lạng, *Trần mễ* 1 cân, sao với Đất sét cho cháy sém, bỏ đất chỉ lấy thuốc nghiền thành bột, trộn nước gừng làm hoàn, uống 100 hoàn với nước gừng.

10) Phiên vị hơi đưa lên.

La bặc tử tán nhỏ, uống mỗi lần 1 chỉ với rượu.

11) Phiên vị do lạnh lâu ngày.

Đại phụ tử 1 củ, *Gừng sống* 1 cân, thái nhỏ nghiền nhỏ, luyện hồ làm hoàn, uống 1 chỉ với nước cơm.

12) Phiên vị nghẹn hơi không thông.

Đinh hương, Mộc hương mỗi vị 2 lạng, tán nhỏ. Mỗi lần uống 4 chỉ, mài một tí đất sét với nước sôi hòa vào thuốc mà uống.

53. QUAN CÁCH

1) Quan cách khí chẳng thông, đái gắt, tức dưới rốn.

Hoạt thạch 1 lạng, nghiền thành bột hòa nước uống.

2) Quan cách không ỉa mưa được, chân tay hơi lạnh, mạch trầm.

Nhân sâm, Phụ tử mỗi vị 1 chỉ, *Xạ hương* một tí tán thành bột, nhồi với cơm nguội làm hoàn, *Xạ hương* chút ít bọc ngoài làm áo, mỗi lần uống 7 hoàn thang với nước sắc *Đương tâm (cổ tim bắc)*.

54. NẮC CỤT

1) Nắc cụt.

Thị đế, Trâm hương, Tân lang, Ô dước, các vị đều nhau tán nhỏ, dùng giấy tẩm làm hoàn, nước mới múc, đặt hoàn thuốc vào miệng mút lấy chất nước mà nuốt thì khỏi.

2) Ho xốc lên thành nắc cụt.

Lưu hoàng đốt lấy khói cho người rất hay.

3) Mọi chứng nấc ợ vì khí.

Quất bì bỏ xơ trắng 2 lạng, với *Chỉ xác* sắc cho uống.

4) Nấc cụt, nấc xóc lên mãi.

Hột trái vải đốt ẹa tán nhỏ (7 hột dùng cả vỏ) uống với nước sôi.

5) Nấc không ngừng (nấc liên thanh).

Xuyên tiêu 4 lạng, sao tán thành bột, luyện hồ làm hoàn, liều uống 10 hoàn với giấm.

6) Nấc lâu ngày vì dạ dày lạnh.

Trâm hương, *Bạch đậu khấu*, *Tía tô* mỗi vị 1 lạng, tán nhỏ. Mỗi lần uống 1 chỉ với nước sắc *Thị đế*.

55. BỔ HƯ

1) Tinh bại, thận hư, mặt sạm đen, cơ thể mỗi yếu.

Nhục thung dung 4 lạng, nấu chín nhừ, đem thái mỏng nghiền với thịt heo, chia làm 4 lần, cho gạo vào nấu cháo mà ăn.

2) Tỳ vị hư yếu.

* *Nhân sâm, Bạch truật* nấu cao dùng để bổ nguyên khí.

* *Bạch truật* 1 cân, *Nhân sâm* 4 lạng thái mỏng, *Nước dòng sông* 15 chén hầm một đêm, nấu với củ đậu chất lấy nước nấu thành cao, mỗi lần uống một ít với nước sôi.

3) Tỳ vị khí hư.

* *Linh chi* hoàn bổ tinh tủy tỏ tai sáng mắt.

* *Thương truật* 1 cân, tẩm nước vo gạo (mùa xuân hạ 5 ngày, thu đông 7 ngày), mỗi ngày thay nước 1 lần, dùng dao tre cạo bỏ vỏ, thái mỏng phơi khô, cho vào cối giã nát với thịt quả táo làm hoàn. Mỗi lần uống 35 hoàn với nước sắc *Đại táo*.

4) Nam nữ mặt vàng không có màu máu, ít ăn, hay nằm.

Thương truật 1 cân, *Thục địa* nửa cân, *Bào khương* 1 lạng, tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn. Mỗi lần uống 50 hoàn với nước nóng.

5) Bại thận chân tay nặng nề, đêm đổ nhiều mồ hôi trộm, do dâm dục quá độ.

Phá cố chỉ 4 lạng (sao thơm), *Thỏ ty tử* 4 lạng, nấu với rượu, *Hồ đào nhục* 1 lạng, bỏ vỏ, *Nhũ hương*,

Một dược, Trâm hương mỗi vị một ít luyện mật làm hoàn, uống với rượu hoặc nước muối, mỗi lần uống 20 - 30 hoàn từ Hạ chí đến Đông chí, ngày uống 1 lần.

6) Thuốc định tâm bổ thận, dưỡng huyết bổ tinh.

Phá cố chỉ sao 2 lạng, *Bạch phục linh* 1 lạng, *Một dược* 5 chỉ, dùng rượu ngon ngâm với *Một dược*, đổ rượu lút ngón tay, lại nấu lên cho tan. Hai vị trên tán nhỏ, rượu nấu *Một dược* luyện hoàn. Mỗi lần uống 30 hoàn với nước sôi.

7) Tinh khí không bền (mới chạm tới đối phương đã tiết sớm).

Phá cố chỉ, Thanh diêm đều bằng nhau, cùng sao cùng tán nhỏ, liều uống 1 chỉ với nước cơm.

8) Thuốc bổ ích hư tổn, chữa hạ tiêu hư lạnh, đi đại luân, gây mòn kém sức.

Hạt sen nửa cân, tẩm rượu 1 đêm, dùng 1 cái *Bao tử heo* rửa sạch dồn hạt sen vào, may miệng lại đem hầm chín rồi lấy ra phơi khô tán nhỏ; *Hoài sơn* sao tán nhỏ, nấu với rượu làm hồ mà luyện hoàn, uống 50 hoàn với rượu.

10) Bổ âm hoàn.

Yếm rùa tẩm rượu nướng, *Thục địa* chưng với rượu, mỗi vị 6 lạng; *Hoàng bá*, *Tri mẫu* tẩm rượu sao, mỗi vị 4 lạng tán bột, luyện với tủy heo làm hoàn, liều dùng 100 hoàn, uống với rượu.

11) Thức ăn bổ cho người suy nhược.

Gà trống đen 1 con, làm thịt, dồn *Ngũ vị tử* vào ninh nhừ cho ăn.

12) Tỳ vị hư yếu, gầy ốm, da vàng.

Thịt gà mái vàng 5 lạng, *Bột gạo* 7 lạng, *Ngũ vị tử* một ít. Ba thứ nấu chung mà ăn.

13) Tinh huyết khô cạn, tai điếc, miệng khát, lưng đau, đái đục, trên nóng dưới lạnh; trường hợp này bổ mạnh thì không tiếp thu được, nên dùng:

Lộc nhung chưng với rượu, *Đương quy*, tẩm rượu sấy khô, mỗi vị 1 lạng, tán bột, *Ô mai* bỏ hạt nấu cao luyện thuốc bột làm hoàn. Mỗi lần uống 50 hoàn với nước cơm.

14) Buồn ngủ sau khi ăn.

Lộc nhung 3 chỉ sấy khô, *Nhân sâm* 1 lạng, tán nhỏ. Mỗi lần 1 muống nhỏ với nước gừng, ngày 3 lần.

15) Chứng hay ngủ.

Sùng nai 2 lạng, *Ngưu tất* tẩm rượu, sấy khô 1,5 lạng, tán bột, luyện mật làm hoàn. Mỗi lần uống 50 hoàn với nước muối có pha rượu.

3) Các chứng ngũ lao thất thương hư lạnh ở hạ bộ, các bệnh phong tê chân tay đau nhức.

Phá cố chỉ 1 cân, tẩm rượu 1 đêm, phơi khô rồi dùng dầu mè đen trộn vào mà nấu cho đến khi hết tiếng sôi thì thôi; bỏ dầu lấy *Phá cố chỉ* tán bột, dùng giấm với bột khuấy hồ làm hoàn. Mỗi lần uống 30 hoàn với rượu và nước muối nhạt lúc đói.

4) Hư lao nóng lạnh, chân tay mình mẩy đau nhức mỗi mệ.

Thanh hao, ngâm với *Nước tiểu trẻ em* 3 ngày, phơi khô tán bột. Mỗi lần uống 3 chỉ với nước sắc *Ô mai*.

5) Hư lao, khát nhiều, nóng khớp xương.

Tang bạch bì, *Địa cốt bì* mỗi vị 5 chỉ, *Mạch môn* 2 chỉ, *Phù tiểu mạch* 2 cân, đổ nước vào nấu đến lúc *Phù tiểu mạch* chín vớt bỏ bã, lúc khát thì cho uống.

6) Hư lao phiền khát, nóng âm ỉ trong xương.

Địa cốt bì 2 lạng, *Phòng phong* 1 lạng, *Chích thảo* nửa lạng. Hòa chung, mỗi lần dùng 5 chỉ, thêm 5 lát *Gừng sống* sắc uống.

7) Ngũ lao thất thương, dương hư vô lực.

* *Cật dê* 1 cặp, *Nhục thung dung* 1 lượng, tẩm rượu một đêm rồi bóc vỏ đem nấu canh, gia vị hành muối mà dùng.

* Nếu cả lưng và chân đau nhức, dùng: *Cật dê* 3 cặp, *Thịt dê* 1 cân, *Lá câu kỷ* 1 cân, *Hành* 1 củ, *Ngũ vị* một ít, thêm gạo nấu cháo cho ăn thì khỏi.

8) Ngũ lao thất thương, hư lạnh.

Thịt dê 1 đùi, ninh nhừ ép lấy nước cho uống, và cho ăn cả thịt.

9) Lãn lao, ăn uống ngày càng kém, thân thể gầy đen.

Đào nhân 500 hạt, *Ngô thù du* 3 lượng. Hai vị sao chung khi lên khói bỏ *Ngô thù*, chỉ lấy *Đào nhân* đổ vào bình đậy kín để giữ hơi, mỗi lần dùng 20 hạt, uống với rượu hâm nóng.

10) Hư lao, đổ mồ hôi trộm, phiền nóng khô miệng.

Thanh hao 1 cân, giã vắt lấy nước ngào thành cao, bột *Nhân sâm* và bột *Mạch môn* mỗi thứ 1 lượng cho vào luyện hoàn. Mỗi lần uống 20 hoàn với nước cơm.

11) Lao truyền thi và lao trùng.

Xuyên tiêu sắc đỏ bỏ nhân và hạt nào không há miệng, sao cách hai lớp giấy cho hấp hơi ra, đổ xuống đất úp nồi rang dậy lại, lấy than hồng phủ kín xung

quanh độ 2 giờ thì lấy ra tán nhỏ, luyện với rượu làm hoàn. Mỗi lần uống 40 hoàn với nước muối, uống đến 2 thăng mửa ra trùng như rắn thì khỏi; nếu thận lạnh thì cho uống với nước muối, nếu có các chứng tê thì uống bằng nước sắc *Nhục quế*, nếu đau eo sau lưng thì uống bằng nước sắc *Hồi hương*.

12) Lao truyền, nóng tận xương.

Dùng 1 miếng *Thịt dê* to bằng nắm tay nấu chín nhừ, một quả *Bồ kết* nướng, một cân rượu trong, cho vào nồi đồng nấu sôi 5 đạo, lọc bỏ bã rồi cho vào 1 lạng *thiếc đen*, cho người bệnh thường hay ăn thịt và uống 1 muống nước ấy; chỉ ăn 1 chén là thổ ra trùng sẽ khỏi.

13) Nóng âm ỉ trong xương, tạng phủ lại bị lạnh lâu ngày.

Thịt dê 1 cân, *Hoài sơn* 1 cân, đều nướng chín rồi thêm gạo nấu cháo ăn.

14) Lãnh lao đã lâu.

Bông sả (*Mao hương hoa*), *Ngải cứu* 4 lạng, đốt rồi nghiền nhỏ, nhồi với cơm nguội làm hoàn. Mỗi lần uống 20 - 30 hoàn với nước *Xà sàng*. Chú ý, uống vào có hơi mửa cũng không sao; sau dùng *Đại táo* nấu nước uống.

15) Hư lao phát sốt.

Đảng sâm, Ngân sài hồ mỗi vị 2 lạng, *Gừng sống* 3 lạng, sắc cho uống ấm, đến khỏi thì thôi.

16) Hư lao khách nhiệt.

Dùng *Mạch môn* sắc uống.

17) Bệnh nhiệt lao, nóng như lửa đốt.

Đậu cốt bì 3 lạng, *Sài hồ* 3 lạng, tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước sắc *Mạch môn*.

18) Hư lao phiền nóng, ho hen, thở nặng hơi.

Đào nhân 3 lạng, *Gan heo* 1 cổ, *Nước tiểu trẻ em* 5 cân, nấu đến cạn hết đem giã nát làm hoàn. Mỗi lần uống 30 hoàn với nước ấm.

19) Hư lao đái ra tinh khí.

* *Cao lộc giác* 2 lạng ngâm rượu cho uống.

* *Hột hẹ tươi* 2 cân, tháng 10 tiết sương giáng hái về tắm rượu để 1 đêm, sáng ra quay mặt về hướng nam giã nát, cho uống với rượu hâm ấm.

20) Lao phổi (Ho lao).

Thu hoàng 1 lạng, cho vào nồi đất đậy vung kín, đất đắp dày lên 2 tấc, dùng than được đốt cháy 1/3 rồi banh ra cho nó nhả hết khí độc, đem thuốc tán nhỏ luyện với đường và váng sữa làm hoàn nhỏ bằng hạt tiêu. Mỗi lần uống 3 hoàn với nước sắc *Hạnh nhân*.

21) Đàn ông đàn bà lao gầy.

Cây Thanh hao, Nước 3 cân, Nước tiểu trẻ em 3 cân, sắc đậm rồi lọc bỏ bã, cô thành cao rồi luyện hoàn. Mỗi lần uống 1 chỉ với rượu lúc đi ngủ.

22) Bệnh lao sắp tuyệt khí.

Mạch môn 1 lượng, Chích thảo 1 lượng, Gạo trắng nửa vốc, Táo 2 quả, Đọt tre 15 đọt, sắc uống ấm làm 3 lần.

23) Hư lao đau mình.

Thiên môn tán bột, uống với rượu mỗi lần 1 muống, kiêng ăn cá chép.

24) Hư lao khô miệng.

Mỡ dê, dùng một miếng to như quả trứng gà, Rượu nửa cân, Táo 7 quả, tẩm 7 ngày uống.

25) Hư lao gầy yếu.

Tủy xương trâu, nước ép củ Sinh địa, Mật ong, các thứ bằng nhau sắc uống.

26) Lao tổn, gân cốt khí lực suy yếu.

Gân nai nấu cho ăn hàng ngày.

27) Ho lao.

Gan mèo 1 cổ để sống phơi khô, nghiền bột, cứ đến ngày sóc ngày vọng⁽¹⁾ thì hòa với rượu đến canh năm cho uống.

57. HO RA MÁU

1) Ho ra máu đặc, cổ họng khô (thuộc chứng hư nhiệt không nên dùng thuốc mát).

Hoàng kỳ tốt 4 lạng, *Cam thảo* 1 lạng, tán nhỏ, uống với nước nóng mỗi lần 2 chỉ.

2) Ho suyễn thổ ra máu, mạch vô lực.

Nhân sâm 1 lạng tán nhỏ, trộn với lòng trắng trứng gà, đầu canh năm cho uống 3 chỉ rồi nằm ngửa mà ngủ (không nằm gối), chỉ uống 1 lần là khỏi. Bệnh lâu năm thì uống lần thứ hai. Nếu có chứng khạc ra máu thì chỉ uống một lần là khỏi.

3) Uống rượu quá nhiều, nóng uất ở cách mô gây thổ ra máu và chảy máu mũi.

11. Mùng 1 và rằm của mỗi tháng.

Hoàng liên, Hoa sắn dây đều 4 lạng, *Đại hoàng* chút ít nấu thành cao để luyện hoàn, hoặc sắc cho uống cũng được.

4) Ho nhỏ ra máu, gây mà nóng tận xương, nóng lạnh về chiều.

Nấu cháo trắng rồi ép nước *Sinh địa* vào khuấy đều cho ăn lúc đói, mỗi lần 1 chén.

5) Ho rồi thổ huyết, thổ huyết rồi ho.

Tử uyển, Ngũ vị tử, đều sao tán nhỏ làm hoàn với mật, mỗi lần ngậm vài hoàn.

6) Ho lao, ho ra máu và mọi chứng thất huyết.

Thịt rùa nấu với hành và nước tương mà ăn, tác dụng bổ âm giáng hỏa, chủ trị các chứng ho lao ho ra máu, nóng lạnh rất thần hiệu.

7) Ho nhỏ ra đờm có vương máu.

Khoản đông hoa, Bách hợp sao. Hai vị bằng nhau, tán nhỏ, luyện mật làm hoàn bằng hạt nhãn. Mỗi lần uống 1 hoàn với nước gừng.

8) Ho nhỏ ra máu.

* *Nhân sâm, Nhũ hương, Thân sa*, đều bằng nhau, tán nhỏ, quét với *Đại táo* làm hoàn. Mỗi lần uống 1 hoàn với nước sôi.

* *Vỏ dâu tằm* 4 lạng ngâm nước vo gạo ba đêm, cao bỏ vỏ vàng bên ngoài, cắt nhỏ cho vào nếp cùng sao cho khô; *Nhân sâm, Hoàng kỳ, Bột mì ngang* mỗi thứ 1 lạng, *Bách hợp* 1 chỉ, đều tán nhỏ, nhồi với nước làm hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 50 hoàn với nước *cổ tranh*.

58. THỔ HUYẾT

1) Thổ huyết hoặc hạ huyết do thất tình, cùng tửu sắc quá độ, khí huyết chạy càn miệng mũi đều ra máu, mạch tâm phế nhược, máu chảy vọt mạnh.

Nhân sâm, Trắc bá diệp sao hắc, *Kinh giới tuệ* cũng sao hắc, các vị đều 5 chỉ tán nhỏ. Dùng 5 chỉ nấu với 2 chỉ bột mì thành cháo loãng mà ăn, chỉ làm một lần là khỏi.

2) Hư lao thổ huyết quá nặng, người mệt mỏi.

Nhân sâm 1 lượng, *Táo* 5 quả sắc uống, hễ ngủ say là khỏi, sau nên tùy nghi mà điều trị.

3) Thổ huyết hoặc hạ huyết, bụng ngực đau như dùi đâm.

Đất lòng bếp, Đất vách tường trong bếp đã lâu năm, hai vị bằng nhau tán nhỏ. Dùng 5 chỉ sắc lên để lắng trong cho uống lúc đói, uống xong cho ăn cháo trắng để đê lên.

4) Thổ huyết hai ba ngày không ngừng, ra từng giọt không hết.

Mực tàu (mực viết chữ Nho) mài ra, hòa với nước ép củ *Sinh địa* mà uống.

5) Thổ huyết, hạ huyết và đàn bà rong kinh.

Hoàng cầm 3 lượng, sắc cho uống nóng.

6) Tự nhiên thổ huyết.

Lá thuốc cứu 3 năm sắc uống, hoặc đốt ra tro uống 2 chỉ.

7) Thổ huyết hoặc đau bụng đi cầu ra máu.

Quế tâm, Câu kỷ tử, Địa cốt bì, đều tán nhỏ hòa với nước cho uống.

8) Vĩ huyết chạy càn vào dạ dày, thổ huyết mãi không ngừng.

Ngũ linh chi 1 lượng, Hoàng kỳ 5 chỉ, tán nhỏ uống 2 chỉ với nước giếng mới mức lên.

9) Thổ huyết hoặc nọc huyết, hoặc 9 khiêu đều ra huyết.

Long cốt, tán bột dùng thổi vào lỗ mũi.

10) Thổ huyết mãi không cầm được, sắc huyết tím thâm giống gan ngỗng, gan vịt.

Tê giác, Cát cánh tán nhỏ, hòa rượu uống.

11) Thổ huyết thấy mũi nổi sắc đỏ.

Nước tiểu nửa chai, thêm ít Nước gừng, hòa lẫn cho uống.

12) Người lớn trẻ con thổ huyết.

A giao, Cáp phẩn đều 1 lượng, Thân sa chút ít, tán nhỏ, trộn với nước Ngó sen mà uống.

13) Thổ huyết hoặc mửa ra huyết.

Ngũ linh chi 1 lượng, Lô hội 2 chỉ nghiền ra bột làm hoàn. Mỗi lần uống 1 chỉ với nước và giấm.

14) Thổ huyết hoặc thóa huyết (nhổ ra máu).

Bồ hoàng sao 2 chỉ, tán bột uống với nước lạnh hoặc nước nóng.

15) Thổ huyết đau nhói như bị đâm.

Đại hoàng 1 lạng, tán bột, uống 2 chỉ với nước ép củ *Sinh địa* với nước sôi nửa chén.

16) Nóng bên trong sinh thổ huyết.

Thanh đại 2 chỉ hòa với nước giếng mới múc mà uống.

17) Vừa thổ huyết, vừa hạ huyết.

Nước ép *Sinh địa* chừng 3 chén nấu sôi, cho vào 1 lạng *A giao* chờ tan hết rồi pha vào một ít nước gừng, chia hai lần uống thì khỏi, hoặc hơi chuyển uống một lần nữa cũng không sao.

18) Thổ huyết do khí uất.

Hương phụ nhiều hơn, *Chu sa* và *Cáp phấn* chút ít hòa với nước tiểu trẻ em uống.

19) Thổ huyết nhiều sinh chóng mặt.

Lọ nổi hoặc *Lọ chảo* nghiền nhỏ hòa với rượu hoặc nước nóng cho uống.

20) Thổ huyết không cầm được.

* *Bông mỏng gà trắng*, tẩm giấm nấu 7 bận, *Bối mẫu* sao tán thành bột, *Rễ tranh già* vắt lấy nước hòa vào uống.

* *Mai con sam*, *Vỏ sò*, mỗi thứ 1 lượng sao vàng tán nhỏ nấu nước *A giao*, *Bồ hoàng*, *Sinh địa* hòa vào cho uống.

21) Thổ huyết tổn hại tới phổi.

Thạch chung nhũ nung lửa luyện thành phấn, uống 2 chỉ với cháo nếp.

22) Bông bị thổ huyết dữ dội.

Lấy *Vôi đá* để trên lưới dao, đốt cho vàng rồi nghiền ra, hòa với nước giếng mới múc cho uống 2 chỉ.

59. KHẠC RA HUYẾT

1) Các chứng khạc ra huyết.

* *Trắc bá diệp* phơi khô tán nhỏ, uống với nước cơm mỗi lần 3 chỉ.

* *Lọ nồi* sao rồi nghiền, uống với nước giếng ban mai mỗi lần 2 chỉ.

* *Bạch thược* 1 lượng, *Tê giác* 1 chỉ, *Lá sen* sấy khô đều tán nhỏ, hòa với nước cơm cho uống, uống đến khỏi thì thôi.

2) Khắc ra huyết do phổi bị thương.

Hương phụ tán bột, cho uống với nước cơm mỗi lần 2 chỉ, ngày 2 lần.

3) Các chứng khắc ra huyết, thổ huyết, nọc huyết, hạ huyết.

Lá sen, *Hoàng cầm*, *Bạch thược* đều bằng nhau, tán nhỏ, mài *Tê giác* lấy nước hòa lẫn cho uống. Bài này rất hay.

60. ĐỔ MÁU MŨI

1) Đổ máu mũi ròng ròng, chóng mặt mê man muốn chết.

Mực tàu mài ra 1 lượng, nước ép *Sinh địa* 1 lượng, hai thứ trộn lẫn cho uống.

2) Sau cơn bệnh nặng lại phải lao nhọc nên bị chảy máu cam.

Mẫu lệ 10 phân, *Thạch cao* 5 phân, tán nhỏ cho uống với rượu mỗi lần 1 muống.

3) Chảy máu cam lâu ngày.

* *Máu dê* mới cắt cổ hãy còn nóng cho uống thì khỏi ngay.

* *Trắc bá diệp*, *Bông lựu* phơi khô tán bột dùng thổi vào mũi.

4) Đổ máu cam không cứ lúc nào.

Thiến căn (*rễ Kim luân*), *Thuốc cứu* mỗi vị 1 lượng, *Ô mai nhục* 5 chỉ, tán bột, hòa với *Mật ong* làm hoàn. Mỗi lần uống 30 hoàn với nước sắc *Ô mai*.

5) Đổ máu mũi không dứt.

* *Thanh hao*, *Ké đầu ngựa*, bông *Mã đề*, giã lấy nước uống.

* *Lọ nôi sao*, *Đương quy*, *Bối mẫu*, *Rễ tranh*, đều sấy khô tán nhỏ, hòa với nước cơm thêm chút bột *Hương nhu* mà uống.

* *Chi tử*, *Bèo cái*, tán nhỏ thổi mũi.

* Lấy máu của bệnh nhân hòa với bột *Bạch chỉ* đắp ở sơn căn (chỗ mũi trũng xuống ở giữa 2 mắt).

6) Chứng đại nục, mũi, mồm và tai đều ra máu.

A giao sao, Bồ hoàng đều nửa lạng, nước ép *Sinh địa* 1 chén sắc với 1 chén nước cho uống ấm, ngoài dùng lụa hoặc vải buộc ngang hai vú.

7) Nghiệm phương chữa đổ máu mũi không ngừng.

Mục tào loại tốt mài đặc cho uống với rượu, ngoài dùng *Sơn chi tử* sao đen tán bột thổi vào lỗ mũi.

61. THỔ HUYẾT VÀ NỤC HUYẾT

1) Thổ huyết và nục huyết bị tổn thương do tửu sắc quá độ đến nỗi huyết đi rong nhưng chưa mất tiếng.

Lọ nồi tán nhỏ uống 2 chỉ với nước cháo nếp.

2) Vì kinh sợ quá mà bị nục huyết, 9 khiếu đều ra máu.

Dùng nước giếng ban mai phun lên mặt thì cầm ngay.

3) Mọi chứng thổ huyết, tiện huyết, băng huyết.

Rau má, Dương quy, Bồ hoàng, Hoàng cầm, Hoàng liên đều sao, Sinh địa rửa rượu, Hòe hoa thứ để lâu, sao lên mỗi vị 1 lượng sắc uống, nếu máu ra ở thượng bộ gia nước Ngô sen, 1 chỉ; ra ở hạ bộ gia Địa du 1 chỉ.

4) Miệng mũi máu tuôn như suối, bởi tử sắc thái hóa.

Kinh giới đốt lên nghiền thành bột, uống với nước sắc Trần bì.

5) Nục huyết, thổ huyết, hạ huyết.

* *Cát cánh, Tê giác*, tán thành bột, uống mỗi lần 1 muỗng với nước.

* *Tứ vật thang* gia *Tam thất* chút ít.

6) Thổ huyết rồi lại nục huyết.

Thổ chu 1 lượng (nung, tời vào giấm), *Đất lòng bép* đều tán bột, nước mới mưa hòa vào lọc sạch rồi lại hòa với *Mật ong* cho uống.

7) Nục huyết không ngừng.

Uất kim tán bột 1 lượng, uống với nước giếng mới múc. Mỗi lần 2 chỉ, nặng quá thì uống thêm lần nữa.

61. ĐI CẦU RA HUYẾT (Tiện huyết)

1) Đi cầu ra huyết.

Mục tàu, tán nhỏ 2 chỉ, *A giao* nấu tan rồi hòa lẫn *mục tàu* vào cho uống, bệnh nóng nhiều uống bài thuốc này càng hay.

2) Đi cầu ra huyết vì có tích nhiệt ở trường vị, hoặc vì độc rượu làm đau bụng, khát nước, mạch sắc.

Hoàng liên 4 lạng chia làm 4 phần, một để sống, một sao qua, một ngâm nước sôi, một tẩm nước lã; *Hoàng cầm* 1 lạng, *Phòng phong* 1 lạng. Đều tán nhỏ luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 50 hoàn, mùa đông thêm *Chỉ xác* 1 lạng, *Đại hoàng* 1 lạng chưng với rượu.

3) Đi cầu ra huyết không cầm được.

Kinh giới tán nhỏ, uống 2 chỉ với nước cơm; đàn bà uống với rượu, hoặc trộn với bột mì nấu ăn cũng được.

4) Các chứng đi cầu ra huyết.

Hương phụ tẩm nước đáí trẻ em 1 ngày rồi sao với *Giấm chua*, *Đậu đen* (thứ tía mà nhỏ hạt nấu nước *Bồ kết* tẩm, xôi, rồi sao chín bỏ vỏ).

Hai thứ tán nhỏ, luyện với mỡ heo làm hoàn uống với nước sắc *Trần mễ*.

5) Đi cầu ra phân trước ra huyết sau.

Lá ngải cứu, *Giừng tươi* nấu lấy nước mà uống.

6) Đại tiểu tiện đều ra huyết.

Lưu ký nô⁽¹²⁾, cây *Cỏ mực*, *Tầm gởi đất*⁽¹³⁾ tán bột. Mỗi lần uống với nước trà.

7) Đi cầu ra huyết không khỏi.

Cỏ tháp bút (*Mộc tặc*) 5 chỉ, sắc uống ngày hai lần.

8) Đi cầu ra huyết vì hư hàn.

Phụ tử chế 1 củ, *Giừng sống* 2 chỉ rưỡi, *Phèn chua* 2 chỉ, *Đậu đen* 100 hạt, sắc uống.

12. Lưu ký nô: *Hypericum sampsonii* Hance, một cây thuốc có tác dụng cầm máu, trị trật dả tổn thương, trúng độc, do Lưu Dũ (Lưu Ký Nô) tức Tống Cao Tổ (TQ) phát hiện, cho nên mang tên của ông.

13. Tầm gởi đất: một cây thuốc ở Bim Sơn (Thanh Hóa) và ở Đường Lâm Hà Sơn Bình, gần lăng vua Lý Bôn, dạng tầm gởi mà thân dây, còn có tên là Tái khí. Lương y Nguyễn Trung Hòa thường dùng để chữa tổ đĩa, thấp khớp có kết quả.

9) Đi cầu ra huyết rất nặng.

Mướp 1 trái, đốt tồn tính, *Hoa hòe* ½ so với mướp. Hai vị tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước cơm, ngày hai lần là khỏi.

10) Đi cầu ra huyết cầm được rồi mà nguyên khí còn suy kém, lưng gối nặng nề.

Tầm gửi dâu tán nhỏ, uống 2 chỉ với nước sôi bất cứ lúc nào.

11) Đi cầu ra huyết lâu năm không khỏi.

Quyển bá và *Địa du*, sấy khô, hai vị bằng nhau, mỗi lần dùng 1 lạng, sắc uống thay trà.

63. TIỂU RA HUYẾT**1) Tiểu tiện ra huyết, miệng mũi tai đều ra huyết.**

Nước cốt *Sinh địa* nửa cân, nước cốt *gừng* nửa chén, *Mật ong* 1 chén trộn chung cho uống dần.

2) Tiểu tiện ra huyết.

* *Huyền hồ, Kinh giới, Sa nhân* đều bằng nhau tán nhỏ. Mỗi lần uống 3 chỉ với nước cháo nếp, ngày ba lần.

* *Rễ tranh, Củ cỏ cú, Địa du*, các vị bằng nhau, sắc uống; nếu hết thuốc mà chưa kiến hiệu thì làm uống lần nữa.

* *Ích mẫu, Mã đề*, đều giã vắt lấy nước chùng 1 chén rưới cho uống.

* *Long cốt*, tán nhỏ hòa với nước cho uống, mỗi lần 1 muống.

3) Bổng đưng đi tiểu ra huyết không cầm được.

Long đởm thảo 1 nắm, sắc kỹ chia 5 lần uống.

4) Đái ra huyết không khỏi.

Uất kim 1 lạng, tán bột, *Hành* 1 nắm, sắc uống nóng ngày ba lần.

64. BĂNG HUYẾT

1) Huyết băng không ngừng, các thuốc đều vô hiệu.

Diêm hạnh nhân bỏ vỏ vàng, đốt tán nhỏ, uống 3 chỉ với rượu lúc đói.

2) Làm băng, bụng dưới đau dữ dội.

Bạch thược 1 lạng sao vàng, *Trắc bá diệp* 1 lạng, rượu ngon 1 chén sắc uống. Hoặc tán nhỏ, hòa rượu uống.

3) Hạ huyết, băng huyết hoặc năm chứng đới lậu.

Hương phụ sao hắc tán nhỏ, uống 2 chỉ với rượu, nếu mê man thì gia thêm *Bẹ móc* (*đùng đình*) đốt ra than tán nhỏ mà uống với nước cơm.

4) Đàn bà bị rong kinh lâu ngày.

Lá thuốc cứu 1 nắm, *Can khương* 1 chỉ, sắc lấy nước, cho vào nửa lạng *A giao* (đã sao phồng) tán nhỏ, chia uống ba lần.

5) Rong kinh cả ngày đêm không dứt.

Xuyên khung 1 lạng, *Dầu mè* 1 chén, nước ép *Sinh địa* 3 chén, sắc chia ra mà uống dần.

6) Băng huyết vì nhiệt.

Hoàng cầm tán nhỏ, uống 1 chỉ với rượu *Tịch lịch*⁽¹⁴⁾.

Hứa học sĩ nói: chứng băng huyết hay dùng thuốc chỉ huyết và bổ huyết để chữa, bài thuốc này chữa dương lẫn âm, giống như trời nắng đất nóng kinh thủy bị trào lên.

7) Con gái bị băng huyết.

Quán chúng nửa lạng sắc uống.

8) Băng huyết nặng.

Thịt dê 2 cân, *Sinh địa* 1 cân, *Gừng khô* 3 lạng, *Đương quy* 3 lạng nấu lấy 3 cân chia uống 4 lần.

9) Đàn bà băng huyết.

* *Mực tàu* đốt cho hết khói, *Sơn khô* đốt lấy 3 chỉ, *Ngũ linh chi* to bằng hạt đậu tán nhỏ cho uống với rượu.

* *Phòng phong* nướng sém, *Bồ hoàng* sao hắc, *Sa nhân*, *Ích trí nhân*, *Quế tâm* đều sao tán nhỏ hòa với nước cơm mà uống.

* *Tứ vật thang* gia *Tam thất* và chút ít rượu, sắc uống.

14. Rượu *Tịch lịch*: Lấy hòn cân đem nung đỏ rồi tôi vào rượu.

* *Bách thảo sương* 2 chỉ, tán nhỏ luyện với *Mật chó* làm hoàn uống với nước sắc *Đương quy*.

10) Băng huyết, rong kinh.

* *Lá huyết dụ* sao vàng sắc uống.

* *Lá rau dứa* sống vò vắt nước cốt cho uống.

65. RONG HUYẾT

1) Băng huyết, rong huyết hoặc các chứng đái hạ sắc xanh vàng đỏ trắng khiến không thụ thai.

Mực tàu tốt (mực xạ) 1 chỉ, *Thạch vi* tán nhỏ, hòa với rượu. Mỗi lần uống 3 chỉ.

2) Đàn bà rong huyết.

Hòe hoa sao cháy, *Đất lòng bếp*, *A giao*, *Tằm sa* đều sao lên tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 chỉ với rượu.

3) Con gái bị rong kinh.

Tóc rối đốt thành than, *Miết giáp* tẩm giấm nướng, đều tán nhỏ, liều uống một muống với rượu, ngày 2 lần.

66. CÁC BỆNH THUỘC VỀ HUYẾT

1) CỬU KHIẾU XUẤT HUYẾT.

Kinh giới sắc với rượu cho uống nhiều lần, sẽ khỏi.

2) ĐÀN BÀ VÌ HUYẾT Ứ MÀ MẮT TIẾNG.

Dùng cái chìa khóa bằng sắt, *gừng*, *giấm*, nước *tiểu trẻ em* cũng sắc chung cho uống. Người yếu cũng uống được.

3) CÁC CHỨNG THẤT HUYẾT.

Tía tô, sắc bỏ bã, nấu thành cao, thêm bột *đậu đỏ*. Luyện hoàn bằng hạt *đậu*. Mỗi lần uống 35 hoàn với rượu.

4) RA MỒ HÔI ĐỎ NHƯ MÁU.

Nhân trung bạch để trên miếng ngói mới có lửa sấy khô, *Úc lý nhân* bỏ vỏ, đốt nghiền nhỏ một chỉ, *Xạ hương* một ít hòa với rượu uống.

5) CÁC KHIẾU VÀ LƯỠI CHẢY MÁU.

Tóc rối đốt ra than, uống với nước, ngày 3 lần.

6) Nghiệm phương chữa lưỡi chảy máu.

Hồ hoa sao, nghiền bột dùng xát lên lưỡi.

7) Vừa thất huyết lại bị sưng, nôn ra đờm, đầy ứ trong bụng, hoặc thổ huyết, hạ huyết, băng huyết, đới hạ.

Bán hạ giã nát dùng nước gừng trộn với bột mà nắm. Bán hạ đem nướng vàng, nghiền nhỏ, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 30 hoàn với nước sôi.

67. TRƯỜNG PHONG TẠNG ĐỘC⁽¹⁵⁾**1) Trường phong hoặc tạng độc.**

Lọ nổi cà nhỏ 5 chỉ, trộn với nước cơm phơi sương một đêm sáng sớm cho uống.

2) Trường phong đã lâu năm.

15. Trường phong: Phong tà vào Đại tràng làm đi cầu ra máu tươi tung tóe như phun, nhưng hậu môn không sưng đau.

Tạng độc: Tạng phủ tích độc làm đi cầu ra máu, hậu môn sưng lớn, đại tiện khó, tiểu tiện đỏ.

Thạch yển, mài với nước cho uống thường xuyên.

3) Trường phong hạ huyết lâu năm không khỏi, người hư yếu.

* *Phèn xanh* 4 lạng, *Thanh diêm*, *Lưu hoàng* mỗi vị 1 lạng, cùng cho vào cái nồi đất mới, đập vung kín, ngoài nồi đất bùn với muối trét kín, đặt vào đống lửa mà nung cho đỏ lên, rồi lấy ra, chờ nguội bốc hết hỏa độc, nghiền nát như bột, cho thêm 1 lạng bột *Phụ tử* vào trộn thật đều luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu, liều uống 30 hoàn, uống với nước cơm.

* *Hoàng kỳ*, *Hoàng liên*, đều bằng nhau, tán nhỏ luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu, uống 20 hoàn với nước cơm.

* *Dái con heo rừng*, đốt cháy nghiền nhỏ cho uống.

* *Thỏ chu*, nướng rồi tơi vào giấm, nghiền bột cho uống.

* *Thương truật* tẩm nước *Bồ kết* 1 đêm, sấy khô nghiền nhỏ làm hoàn mà uống.

* *Bạch chỉ*, *Chỉ xác*, *Hòe hoa* đốt cháy, ba vị đều bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 chỉ, với nước giếng mới múc hoặc nước cơm.

* *Mộc hương*, *hoàng liên*, đều bằng nhau tán nhỏ, nhồi vào ruột già con heo, cột chặt lại đem ninh nhừ, lấy ra phơi khô, tán nhỏ luyện hoàn mà uống.

* *Hoa hòe 8 chỉ, Ô mai 3 quả, Sinh địa 8 chỉ, Dương quy 1 chỉ, Kinh giới tuệ, Chỉ xác, Bạch thược, Xuyên khung, Địa du* mỗi vị 8 phân. Sắc uống; nếu bệnh đã lâu thì gia *Nhân sâm, Bạch truật, Phòng phong*, mỗi vị 9 phân.

* *Cá diếc tươi*, làm kỹ bỏ ruột, dồn bột *Ngũ vị tử* vào cho đầy bụng cá, ngoài nắm đất bọc kín đem đốt tồn tính, tán nhỏ, uống 1 chỉ với rượu, hoặc nhồi với cơm làm hoàn mà uống.

* *Hoài sơn, Hòe hoa, Phục linh* mỗi vị 3 chỉ đều tán nhỏ nhồi vào ruột già heo, nấu thật chín, ăn liền 3 lần thì khỏi.

* *Bán nguyệt hoa* (tục gọi nắm đỏ) sao vàng sắc uống.

4) Trường phong đã lâu năm đau ngứa không dứt.

Địa du 4 lạng, Chích thảo 3 lạng, tán nhỏ chia 3 lần uống với nước sắc 4 quả *Sa nhân*.

5) Đại trường hạ huyết.

Bông mồng gà trắng sao lên, *Tóc rối* đốt thành than, *Trắc bá diệp* tất cả tán nhỏ, mỗi lần uống 2 chỉ với rượu.

6) Đại trường hạ huyết do tử độc.

Ốc bươu 5 con, đốt cho đến khi vỏ trắng thịt khô thì đem nghiền nhỏ, hòa với rượu cho uống mỗi ngày.

68. XÍCH BẠCH TRỌC

1) Đái ra nước đục như nước vo gạo.

Một con *Ốc vượn* đem đốt cho chín, cho vào ba chén *Rượu* nấu lên, rồi lấy thịt ốc mà ăn và uống cả rượu ấy, làm vài lần sẽ khỏi.

2) Đái ra nước đục như tinh khí.

Đương quy, *Mộc hương*, *Một dược*, ba vị bằng nhau, tán nhỏ, luyện nước làm hoàn mà uống với nước muối.

3) Tâm hư, nước đái nhờn và xích bạch trọc.

Ích trí nhân, *Bạch truật*, *Bạch phục linh* đều bằng nhau, tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước nóng.

4) Thận hư, hai sườn đau thấu ra sau lưng.

Ngũ vị tử 1 lạng, sao đỏ, tán nhỏ, giã bột khuấy hồ luyện hoàn. Mỗi lần uống 1 chỉ với giã pha nước.

5) Đái đục, nước đái như dầu, lắng xuống như cao, đây là chân nguyên bất túc hạ tiêu hư lạnh.

Tỳ giải, Ô dược, Xương bồ đều bằng nhau tán nhỏ, uống mỗi lần 4 chỉ với nước muối.

6) Đái nhả ra từng giọt mà đục do tâm thận khí hư.

Phục linh, Xích linh đều bằng nhau, tán nhỏ, thủy phi rồi dùng nước sôi nấu *Sinh địa* luyện hoàn, uống với nước muối.

7) Di tinh bạch trọc, do dương thịnh âm hư.

Vỏ sò (nung) 1 cân, *Hoàng bá* (sao trên nồi đất) 1 cân. Hai vị đều tán nhỏ luyện hoàn bằng nước. Mỗi lần uống 1 chỉ với rượu.

8) Bạch trọc bụng đầy.

Ích trí sao với muối, *Hậu phác* tẩm *Nước gừng* sao, đều bằng nhau, *Gừng* 1 lát, *Táo* 1 quả sắc uống.

9) Đàn bà bạch dâm, chảy ra dầm dề, tạng phủ hư lạnh.

Sừng nai hoặc *hươu*, đẽo vụn, sao vàng, tán nhỏ cho uống mỗi lần 2 chỉ với rượu.

10) Tiểu tiện bạch dâm do tâm thận bất túc, mơ tưởng vợ vẫn mà sinh ra.

Hoàng liên, Phục linh đều bằng nhau tán nhỏ, rượu với bột khuấy hồ luyện hoàn. Mỗi lần uống 30 hoàn với nước sắc *Phá cố chỉ*, ngày 3 lần.

11) Hư lao bạch trọc.

Mộc nang, Xương dê đều tán nhỏ hòa với rượu cho uống mỗi lần 1 muống, hoặc nước sắc *Mộc thông, Tô mộc* và *Bạch lỵc*.

12) Xích bạch trọc kèm đái buốt.

* *Đại hoàng* tán bột mỗi lần dùng 6 phân, *Trứng gà* 1 quả, đập lủng 1 lỗ trên đầu rồi dồn bột *Đại hoàng* vào luộc chín cho ăn ba lần là khỏi.

* Cũng làm như trên, nhưng *Đại hoàng* thay bằng *Lưu hoàng*.

* *Ích trí, Phục thần* mỗi vị 2 lạng, *Viễn chí* (tắm nước *Cam thảo*) nửa lạng, tán nhỏ dùng bột với rượu khuấy hồ luyện hoàn, uống 50 hoàn, với nước sôi ngâm gừng.

* *Bông mồng gà màu trắng, Thăng ma, Mộc thông, Cam thảo* sắc với rượu uống.

13) Thận hư bạch trọc.

Nhục thung dung, Hoài sơn, Phục linh, Lộc nhung, mỗi vị đều bằng nhau tán nhỏ luyện hồ làm hoàn. Mỗi lần uống 30 hoàn với nước sắc *Đại táo*.

14) Khí hư bạch trọc.

Hoàng kỳ sao với muối nửa lạng, *Bạch phục linh* 1 lạng, tán bột. Mỗi lần uống 1 chỉ với nước sôi.

15) Lậu tinh kiêm bạch trọc.

Muối trắng 1 lạng, cho vào cái nồi đất nhỏ đập nắp trét miệng kín, nung trấu 1 đêm rồi lấy ra để nhả bớt hỏa độc; *Phục linh, Hoài sơn* mỗi vị 2 lạng, đều tán nhỏ, luyện với *Đại táo* và *Mật ong* làm hoàn. Mỗi lần uống 30 hoàn với nước sắc *Đại táo*.

16) Bạch trọc lâu năm.

Hoàng bá (tẩm muối với rượu sao) nửa chỉ, *Hoạt thạch* 3 lạng, *Mẫu lệ* 1,5 lạng, *Thạch liên nhục* 8 phân, *Xa tiền* 1 chỉ, *Hải kim sa* 1,5 chỉ, *Cam thảo* 5 phân, sắc uống.

Nếu không khỏi dùng *Tứ vật thang* gia *Hoàng kỳ, Mạch nha, Tri mẫu, Ích trí* càng hay hơn.

17) **Đàn bà bị huyết trắng bất cứ mới hay đã lâu.**

Lá bạc sao nhiều hơn, *Bạch đồng nam*, cây *Răng cưa*, lá *Hoắc hương* (nhiều), *Vôi lâu năm*, *Bạch phục linh* đều 1 chỉ sắc uống.

69. DI TINH

1) Vì lo nghĩ quá nhiều tâm thận hư tổn, khiến di tinh, mộng tinh, lâm lịch, bạch trọc.

Thổ ty tử 5 lạng, *Bạch phục linh* 3 lạng, *Thạch liên nhục* 1 cân, tán nhỏ, dùng rượu khuấy hồ luyện hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 50 hoàn với nước muối.

2) Vì tâm hư sinh di tinh, bạch trọc.

Liên ngẫu tiết, *Liên tu*, *Khiếm thực*, *Hoài sơn*, *Phục linh*, *Phục thần* mỗi vị 2 lạng tán nhỏ, dùng *Kim anh tử* 1 cân giã nhỏ nấu cao để luyện hoàn, uống với nước cơm.

3) Di tinh do tâm hư.

Tim heo 1 quả, thái miếng để dính liền nhau, *Chu sa* thủy phi tán nhỏ rắc vào rồi túm lại, dùng dây buộc kỹ, nấu chín cho ăn.

4) Mộng tinh.

* *Bán hạ* 2 lạng, *Trư linh* 2 lạng hòa chung, sao vàng rồi bỏ *Trư linh*, gia *Mẫu lệ* đã nung 1 lạng tán nhỏ, dùng bột *Củ mài* khuấy hồ luyện hoàn, uống 30 hoàn với nước sắc *Phục linh*.

* *Xương sống mũi chó*, đốt nghiền ra, khi đi ngủ uống 1 chỉ với rượu.

* *Phúc bồn tử* sao vàng, uống với nước sắc *Củ mài*.

5) Di tinh bạch trọc.

Thu thạch 1 lạng, *Phục linh* 5 chỉ, *Thố ty tử* sao 5 chỉ, đều tán nhỏ, dùng 1 chén nước nấu sôi với 1 chén nước giếng mới mức về khuấy hồ luyện hoàn, uống 100 hoàn với rượu và nước muối.

6) Mộng di tinh ăn kém.

Khổ sâm trắng 3 lạng, *Bạch truật* 5 lạng, *Mẫu lệ* nung 4 lạng đều tán nhỏ, dùng 1 cái bao tử heo rửa sạch cho vào nồi đất nấu nhừ rồi cho vào cối đá nghiền chung với các vị thuốc trên làm hoàn, uống 40 hoàn với nước cơm, uống lâu sẽ béo người và ăn ngon.

7) Thận hư di tinh.

Ngũ vị tử 1 cân, ngâm nước xát kỹ bỏ hạt lấy thịt của nó, cho vào nồi đất lọc qua, thêm vào 2 cân *mật ong* ngào thành cao để 5 ngày cho tiết hết hỏa độc mới dùng. Mỗi lần uống 1 - 2 muỗng với nước sôi.

8) Mộng di tinh dai đục.

Hột hẹ, hằng ngày khi đói nuốt vài chục hột, uống với tí nước muối.

9) Chứng tinh tự chảy.

* *Thạch liên nhục, Long cốt, Ích trí nhân, Bạch phục linh*, đều bằng nhau tán nhỏ, luyện hoàn, khi đói uống 20 hoàn với nước cơm.

* *Phục linh, Sa nhân* mỗi vị 1 lạng, tán nhỏ trộn vào 2 chỉ muối, một miếng *thịt dẽ* chấm thuốc nướng chín mà ăn và uống rượu.

10) Mộng tinh do lao tâm.

Long cốt, Viễn chí, các vị đều nhau tán nhỏ, luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu, dùng *Chu sa* làm áo. Mỗi lần uống 30 hoàn với nước sắc *Hột sen*.

11) Cứ nằm ngủ thì bị tiết tinh.

Long cốt 4 phân, *Hột hẹ* 5 vốc, đều tán nhỏ. Mỗi lần uống 1 muống với rượu khi đói.

12) Mộng tinh do âm hư.

Miến giáp nghiền nhỏ, dùng 1 chỉ với *rượu* nửa chén, *nước tiểu* nửa chén, *hành* 7 cọng; nấu sôi lên thì bỏ hành, giờ Ngọ (giữa trưa) cho uống, ra mồ hôi thì thôi.

13) Mộng tinh di tinh, đại tiện lỏng.

Mẫu lệ nung tán nhỏ, dùng *giấm* và *bột* khuấy hồ luyện hoàn. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước cơm, ngày 2 lần.

14) Di tinh mà đổ mồ hôi trộm.

Lộc giác sương sao 2 lạng, *Long cốt*, *Mẫu lệ* đều nung chín và đều 1 lạng, tán nhỏ, lấy rượu khuấy hồ luyện hoàn. Mỗi lần uống 30 hoàn với nước muối.

15) Mộng mị di tinh.

Nhũ hương 1 cục to bằng ngón tay, khi đi ngủ dùng ngậm nuốt nước, đến canh ba thì nhai nhỏ và nuốt hết.

16) Nghiệm phương chữa mộng tinh, di tinh rất công hiệu.

Nhân sâm 5 chỉ, *Liên nhục* 5 chỉ, *Thạch hương* bỏ, *Bá tử nhân* mỗi vị 5 phân, *Viễn chí*, *Phục linh thân* mỗi vị 7 phân. *Long cốt* 5,5 chỉ, *Liên tu* 3 chỉ, sắc cho uống lúc đói.

1) Phạm phòng trong khi cảm sốt (thương hàn dịch bệnh).

Thạch cao bất kỳ nhiều ít, tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn bằng hạt giẻ, phơi khô. Mỗi lần dùng 1 hoàn đốt hồng lên, tán nhỏ, uống với rượu. Rồi uống *Hành* với *giấm* cho ra mồ hôi.

2) Âm độc làm đi cầu ra máu, bụng đau không chịu nổi.

Nghệ 5 củ to, *Ngưu hoàng* 1 cái, tán nhỏ. Mỗi lần dùng 1 chén nước tương cùng đun sôi vài dạo mà uống lúc còn ấm.

3) Sau khi giao hợp, người mệt mỏi, tinh hoàn bị sưng hoặc bị rút vào, bụng đau gần chết.

Phèn chua 1 phần, *Phác tiêu* 3 phần, tán nhỏ. Mỗi lần dùng 1 muống hòa vào nước cháo cho uống. Uống 3 lần thì nhiệt độc theo đại tiểu tiện mà ra.

4) Người bệnh cuồng dại vừa khỏi, vì hoạt động buông thả mà bệnh tái phát, thận thủy suy mà hỏa bốc nóng, tâm thận bất giao.

Dan sâm, *Huyền sâm* mỗi vị 1 chỉ, *Đảng sâm* 2 chỉ, *Đương quy* 1,5 chỉ, *Liên nhục* 2 chỉ, *Mạch môn* 1,5 chỉ, *Phục linh* 2 chỉ, *Ngũ vị tử* 7 hột, *Táo nhân* 2 chỉ, *Chích thảo* 5 phần, sắc cho uống nóng.

5) Nóng lạnh dữ dội do phạm phòng.

Bình vị thang bội Thương truật, Hậu phác.

71. ĐIÊN CUÔNG

1) Nghiệm phương chữa điên cuồng thần hiệu.

Toàn yết 10 con, Hột cà được 30 hột (nửa sao nửa để sống), Lúa nếp non, đàn ông 7, đàn bà 9 hột, Giấy quạt rách 1 mảnh to, Nước mía dùng nhiều. Sắc cho uống nóng, bệnh khỏi thì thôi, sau chuyển cho uống Thanh thần thang để giải hết độc thuốc.

Thanh thần thang:

Dây rung rúc, Lá kim cương, Củ sắn dây, Lá dâu, Đậu váng trắng, Lá sung, sắc uống.

2) Đàn bà vì uất mà điên cuồng, kinh giản.

Phèn chua 3 lượng, Uất kim 7 lượng, tán nhỏ lấy bột khuấy hồ luyện hoàn, liều uống 3 chỉ với nước sôi. Xưa kia có người đàn bà vì kinh sợ lo lắng, đờm huyết làm mê tâm khiếu thành ra chứng này, đến vài năm sau nhờ gặp bậc dị nhân truyền cho phương thuốc này, uống hai lần liền khỏi.

3) Thất tình sinh điên cuồng, hát múa, hoặc lúc cười lúc khóc.

Bạch truật, Bạch thược, Dương quy, Táo nhân mỗi vị 3 chỉ; *Viễn chí, Thạch xương bồ* mỗi vị 1,5 chỉ; *Chi tử, tằm Đồng tiện* - sao hắc; *Sài hồ, Mẫu đơn bì* mỗi vị 2 chỉ; *Cam thảo* 1 chỉ. Sắc uống.

4) Phát cuồng, sợ nước lửa và lưỡi trắng.

Thạch cao sống 6 lượng, *Cam thảo* sống 1 lượng, *Chu sa* 2 chỉ nghiền thành bột, dùng lá *Mã đề* già vắt lấy nước cốt mà uống, mỗi lần 2 chỉ.

72. ĐỘNG KINH

1) Thân phương chữa động kinh.

Xương đầu hổ 4 lượng (kỵ đồ sắt), *Tóc rối* đốt thành than 1 chỉ, *Diêm tiêu* 1 lượng, *Uất kim, Xạ can, Tam nại, Khương hoạt, Độc hoạt, Bạch tật lê, Xương bồ, Xuyên khung, Ô đầu đều* 1 lượng, *Xạ hương* 5 chỉ, *Nhũ hương, Một dược* đều 1 lượng, *A ngũ* 2 chỉ, *Lộc nhung* 1 chỉ, *Chu sa, Thần sa* mỗi vị 2 chỉ, tán nhỏ, luyện hoàn bằng hồ, *Hùng hoàng* làm áo, hoàn to bằng hạt đậu đen. Mỗi lần uống 1 hoàn với rượu hoặc giấm nóng.

2) Truyền phương chữa kinh giản, mỗi tháng động kinh một lần, hoặc ba bốn tháng phát ra một lần.

Lá cây *Khô mộc* 3 lạng, *Cau khô*, *Thảo quả* mỗi vị 5 chỉ, nước 4 chén, sắc còn 5 phân cho uống. Chỉ dùng 2 thang là khỏi hẳn.

3) Chứng uất mạo tinh thần mê man, từ sáng đến chiều lay gọi cũng không tỉnh.

Trước cho uống 1 thang *Hồi dương* gia *Ngũ vị*; sau cho uống *Nhân sâm*, *Tam bạch thang* (*Nhân sâm*, *Sái hồ*, *Phục linh*, *Quất bì* đều 1,5 chỉ, *Cam thảo* 6 phân, *Bán hạ*, *Chỉ thực* đều 1 chỉ, *Gừng* 3 lát. Sắc uống, uống 3 thang là khỏi.

73. TỰ ĐỔ MỒ HÔI (Tự hãn)

1) Người bệnh mới khỏi bị đổ mồ hôi và chảy nước mắt.

Đỗ trọng, *Mẫu lệ* hai vị bằng nhau tán nhỏ, khi đi ngủ uống 1 muống, nếu chưa khỏi thì uống lần nữa.

2) **Đổ mồ hôi như nước giọt, người gầy còm, tai điếc.**

Tam lăng ngâm giấm (mùa hè 4, mùa đông 6 ngày) tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 chỉ với giấm.

3) **Đổ mồ hôi ngực, các chỗ khác thì không, hễ nghĩ ngợi nhiều thì đổ mồ hôi ra nhiều.**

Phục linh tán nhỏ, uống 2 chỉ với nước sắc Lá thuốc cứu.

4) **Sau cơn bệnh bị sốt, cứ đổ mồ hôi không ngừng, miệng khô họng ráo.**

** Thịt gà trống vàng 1 con, Ma hoàng căn 1 lượng nấu lấy nước rồi cho vào 1 lượng Nhục thung dung (tẩm rượu), 2 lượng Mâu lệ (đốt, tán bột). Sắc còn 1 chén rượu nước cho uống hết trong ngày.*

** Thục địa 5 lượng sắc uống.*

5) **Các chứng hư yếu tự đổ mồ hôi, về đêm càng nhiều, lâu ngày khô gầy.**

Chích hoàng kỳ, Ma hoàng căn đều 1 lượng, Mâu lệ nung chín rồi tưới nước vo gạo vào, đều tán nhỏ. Mỗi lần uống 5 chỉ với nước sắc 100 hột Tiểu mạch.

6) **Lòng bần thần khó chịu, có khi mê man, đổ mồ hôi nhiều.**

Mật ong hòa và với nước giếng ban mai đã nấu qua cho uống.

7) Chợt ra mồ hôi không ngừng.

Mỡ dê, Mỡ bò, hòa tan vào *rượu* hâm nóng cho uống.

8) Đổ mồ hôi do phong nhiệt.

Lá trang (Vân mẫu diệp) nghiền nhỏ hòa với nước cho uống mỗi lần 3 chỉ.

9) Người già trẻ em vì hư yếu mà đổ mồ hôi.

Bạch truật 5 chỉ, *Phù tiểu mạch* 1 nắm, nấu đến khô bỏ *Tiểu mạch*, dùng *Bạch truật* tán nhỏ. Mỗi lần uống 1 chỉ với nước sắc *Hoàng kỳ*.

10) Ra mồ hôi nhiều do hư yếu.

Ma hoàng căn, Hoàng kỳ, hai vị bằng nhau, tán nhỏ, dùng hồ luyện hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 200 hoàn với nước sắc *Phù tiểu mạch*.

11) Đổ mồ hôi không ngừng.

* *Bạch truật* hòa với nước cơm cho uống.

* *Uất kim, Ngũ bội tử, Hà thủ ô*, trộn với nước miếng đem đắp vào rốn.

74. ĐỔ MỒ HÔI TRỘM (Đạo hãn)

1) Đàn bà trẻ con bị đổ mồ hôi trộm hoặc sau cơn sốt đổ mồ hôi trộm không ngừng.

Long đởm thảo nghiền thành bột, uống 1 chỉ với nước *Mật heo* hòa tan trong *rượu*.

2) Trẻ em đổ mồ hôi trộm.

* *Long đởm thảo*, *Phòng phong*, *Rễ họ*, sắc uống.

* *Nhân sâm*, *Phục linh*, *Táo nhân*, đều bằng nhau, tán nhỏ, cho uống 1 chỉ với nước cơm, ngày 3 lần.

3) Đổ mồ hôi trộm do tạng tỳ hư yếu.

Bạch truật 4 lạng, thái ra từng phiến, 1 lạng sao chung với bột *Mẫu lệ*. 1 lạng sao chung với *Thạch斛*, 2 lạng sao chung với gạo trắng rồi chỉ lấy *Bạch truật* đem tán bột. Mỗi lần uống 3 chỉ với nước vo gạo sắc lên.

4) Đổ mồ hôi trộm do hư lao.

Mẫu lệ, *Hoàng kỳ*, *Ma hoàng căn*, các vị bằng nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 2 chỉ.

5) Đổ mồ hôi trộm do khí hư.

Mẫu lệ, Đỗ trọng đều bằng nhau tán nhỏ. Mỗi lần uống 1 muống.

6) Đổ mồ hôi trộm lâu ngày.

* *Bạch chỉ, Phục thần, Lá thuốc cứu sao, Ô mai, Thần sa* thêm 2 vị *Ma hoàng căn* với *Đạm đậu sị*, sắc uống nóng.

* *Quả đào héo* (khô dính trên cây), *Bạch mai, Củ hành, Đẳng tâm, Trần bì, Rễ cây lúa mì*, sắc uống.

7) Đổ mồ hôi trộm hoặc chỗ kín ra mồ hôi (âm hàn).

Ma hoàng căn và *Mẫu lệ*, tán nghiền thật mịn làm phấn xoa.

75. TIÊU KHÁT (Đái đường)

1) Phiền khát do hư suy hoặc trước bị khát rồi sau sinh nhọt lở, hoặc trước bị nhọt lở rồi sau sinh khát.

Chích hoàng kỳ 4 chỉ, *Cam thảo* 1 chỉ. *Táo* 1 quả, sắc uống.

2) Nóng khát buồn bực.

Nước mới xáo⁽¹⁶⁾ lấy 1 chén cho uống, hoặc lấy *Hoàng đơn* 1 chỉ hòa với nước giếng mới múc về cho uống, rồi cho ăn cháo *Mạch ba góc*⁽¹⁷⁾ đề lên.

3) Tiêu khát đi đái nhiều.

Hoàng liên tán nhỏ, luyện mật làm hoàn cho uống; hoặc dùng 1 cân *Hoàng liên*, nửa cân rượu nấu một lúc rồi phơi khô, tán nhỏ luyện hoàn. Mỗi lần uống 1 chỉ.

4) Tiêu khát lâu năm.

Hương phụ 1 lạng, *Bạch phục linh* nửa lạng, đều tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước cơm; hoặc dùng hột *Tía tô* 3 lạng, tán nhỏ uống với nước sắc vỏ *Dâu tằm*.

5) Tiêu khát lâu ngày, hạ nguyên hư tổn.

Nguưu tất 5 lạng, tán nhỏ, *Sinh địa* già vắt lấy nước 5 thăng, tẩm bột *Nguưu tất* vào mà phơi khô, rồi tẩm lại phơi đến hết nước *Sinh địa* mới thôi, luyện mật làm hoàn cho uống với rượu.

6) Tiêu khát không khỏi, uống nước thật nhiều nhưng tiểu tiện đỏ gắt.

16. Nước mới xáo (Địa tương thủy) đào một cái hố sâu, đổ nước vào quây lên rồi để nó lắng trong.

17. Mạch ba góc (Kiểu mạch - *Fagopyrum esculentum* Moench) ở Đà lat, Lạng Sơn, Cao Bằng cũng có.

* *Bèo cái*, giã vắt lấy nước cho uống.

* *Bèo khô*, *Qua lâu căn*, hai thứ bằng nhau tán nhỏ, luyện với sữa người, làm hoàn cho uống lúc đói.

* *Mật bò* 1 cái, dồn *Đậu đen* vào đem phơi râm 100 ngày, cho ăn hết là khỏi.

* *Gạo nếp* 3 vốc, *Mật ong* bằng 1/3 gạo nếp, sắc lấy nước cho uống.

7) Tiêu khát, uống nước không biết chán.

* *Cải củ* 3 củ, rửa sạch thái mỏng phơi khô, tán nhỏ, uống với nước luộc thịt heo.

* *Nhân sâm* tán nhỏ, hòa với *Lòng trắng trứng gà* mà uống, ngày ba bốn lần.

* *Nhân sâm*, *Qua lâu căn sống*, hai thứ bằng nhau tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, uống với nước sắc *Mạch môn*.

* *Nhân sâm* 1 lượng tán nhỏ, *Bột sắn* 2 lượng, dùng *Mỡ heo* với *Mật ong* trộn chung với thuốc nấu thành cao, ngâm nuốt.

* *Bạch thực*, *Cam thảo*, hai thứ bằng nhau sắc uống, phải kiêng các thứ rượu, miến, đồ chiên, đồ xào.

8) Tiêu khát uống nhiều nước.

* *Ngũ linh chi*, *Đậu đen* bỏ vỏ, hai thứ bằng nhau tán nhỏ, uống với nước sắc vỏ *Bí đao*.

* *Bát vị hoàn* bỏ *Phụ tử* gia *Ngũ vị* cho uống là khỏi ngay.

* *Mẫu lệ* lấy vào lúc tháng chạp hoặc ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch, dùng đất sét bọc kín cho vào lửa nung đỏ rồi lấy ra nghiền nhỏ, nấu *cá diếc* lấy nước làm thang để uống.

* *Mật đà tăng* 3 lạng tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn bằng hạt bắp, uống từ 5 - 30 hoàn với nước ươm tơ có bỏ chút muối hoặc rượu. Uống đến khi nào thấy nước trong bụng òng ọc, bợn dạ là được, ngoài ăn đồ khô để dè xuống, hôm sau tự khỏi.

9) Tiêu khát do thận hư (rất khó chữa).

Đậu đen sao, Thiên hoa phấn hai vị đều bằng nhau, luyện hồ làm hoàn, uống với nước sắc đậu đen.

10) Tiêu khát nóng tận xương.

Bí đao 1 quả, bỏ ruột, dồn bột *Hoàng liên* vào cho đầy, để vào trong hũ đợi bí rả hết thì đem ra nghiền kỹ làm hoàn bằng hạt đậu. Uống 30 - 40 hoàn, cũng đun *Nước bí* làm thang để uống.

11) Tiêu khát có trùng (bệnh này ít ai biết đến).

Vỏ rễ xoan 1 nắm, thái nhỏ sấy khô, cho vào ít *Xạ hương* sắc với nước mà uống khi đói, dù có khó chịu cũng không sao; trùng tống ra được thì khỏi khát.

12) Tiêu khát vì hạ hư (chứng thượng thực hạ hư, tâm hỏa bốc lên, thận thủy suy hư không tương giao mà trở thành chứng này).

Phục linh 1 cân, Hoàng liên 1 cân, tán nhỏ, nấu Thiên hoa phấn làm hồ luyện hoàn. Mỗi lần uống 15 hoàn với nước ấm.

13) Tiêu khát uống nước thật nhiều, đi đại luôn.

* *Ốc bưu 5 cân, ngâm nước cho nhả hết đất, rồi ngâm thêm 1 đêm, dùng nước này, khi khát thì cho uống ngay, mỗi ngày thay nước một lần.*

* *Gà mái vàng 1 con làm thịt, luộc lấy nước để nguội cho uống và nấu canh ăn cả thịt.*

14) Tiêu khát nóng đốt ở tâm tỳ, nhưng hạ tiêu hư lạnh, đi đại luôn.

Sữa bò hoặc Sữa dê, uống mỗi lần vài chén, khỏi ngay.

15) Khát nước uống nhiều và đại nhiều, cùng chứng ăn nhiều mà người gầy.

* *Qua lâu thái mỏng, tẩm sữa người đồ lên, phơi khô tán nhỏ, hoàn với mật bằng viên đạn, mỗi lần ngâm 1 hoàn, hoặc uống với nước cơm.*

* *Củ cỏ cú, Củ dưa trời, Củ sả, Củ chỉ thiên, Mã đề.* Sắc xong hòa *Trúc lịch* vào uống.

* *Hạt cần sa* 1 cân (đồ phơi, giã dập, sấy sạch vỏ, lấy nhân), nước 3 cân, nấu đun 3, 4 dạo, lấy nước uống dần.

* *Gạo nếp* 3 chén, nước 5 bát, mật 1 chén, nghiền lấy nước chia uống dần, hoặc đun lên uống.

* *Ý dĩ* nấu cháo ăn.

16) Tiêu khát lâu ngày không khỏi.

* *Thỏ ty tử* hoặc *Đây tơ hồng* nấu nước uống.

* *Củ dưa trời* 10 miếng, đổ nước sắc còn 1/3, lóng trong, cho thêm vào 1 chén *Mỡ bò* khuấy đều, đun nhỏ lửa, cô thành cao, đựng vào lọ, uống mỗi lần 1 muỗng với rượu, ngày 3 lần.

17) Người già bị bệnh tiêu khát.

* *Đầu hươu* 1 cái, cạo sạch lông, nấu nhừ, hòa thêm *Ngũ vị tử*, ăn vào lúc đói.

* Thủy suy hỏa động mà tiêu khát, thì dùng *Lục vị địa hoàng thang*, sắc lên, rồi chế thêm nửa chén sữa người vào mà uống.

76. ƯU UẤT (Vì lo nghĩ quá mà phát uất)

1) Ưu uất thái quá, trong ngực khó chịu.

Mỗi mẩu bỏ lõi, tẩm Nước gừng sao, tán nhỏ, cũng dùng Nước gừng khuấy hồ luyện hoàn bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 70 hoàn, dùng cái khay gài áo giáp của người chiến sĩ (đời nay có thể dùng đầu dây nịt) đun lấy nước làm thang mà uống thuốc.

2) Tâm khí bị uất kết.

Tim dê 1 quả, dùng Hồng hoa tẩm trong chén nước có bỏ Ô mai bôi dần dần vào quả tim dê ấy, nướng chín cho ăn, làm cho tâm được yên vui.

77. MẤT NGỦ, NGỦ NHIỀU

1) Suốt đêm không ngủ.

Tim bác (Đãng tâm) nấu lấy nước cho uống.

2) Không nhắm mắt được (đó là vì vệ khí đi ở dương phận, dương khí sung mãn, không vào được âm phận, âm khí hư, cho nên mất ngủ).

Nước dòng sông (Trường lưu thủy) 8 cân, quây lên để lắng xuống lấy 5 cân nước trong bên trên nấu làm nước uống, còn lại dùng Cỏ lâu mà chụm cho sôi lên, cho vào một cân gạo nếp, 5 vốc Bán hạ, hễ uống một

chai nước thuốc nấu bằng *Cỏ lâu* đó thì nằm cho rã mồ hôi là khỏi bệnh; bệnh đã lâu uống ba lần cũng khỏi hẳn.

3) Phiền muộn không ngủ được.

Táo tàu 40 quả, *Hành* bóc trắng 7 tép, sắc cho uống 1 lần.

4) Mất ngủ vì đờm hư, lòng hay hồi hộp.

Táo nhân 1 lượng, *Sâm* 1 lượng, *Thần sa* nửa lượng, *Nhũ hương* 2 chỉ, đều tán bột. Mỗi lần dùng một ít uống với nước sắc *Lá tre*.

5) Không ngủ được do kinh sợ.

Tứ quân tử thang gia *gừng táo* sắc uống.

6) Nóng trong xương, lòng buồn phiền làm mất ngủ.

Táo nhân nghiền ra hòa với nước, lấy nước ấy hòa 2 vốc gạo vào nấu cháo, rót thêm nước ép *Sinh địa* 1 chén vào nấu lên mà uống.

7) Mất ngủ vì đờm hư.

Xương đầu ngựa đốt thành thang lấy 1 lượng, *Nhũ hương* 1 lượng. *Táo nhân* 2 lượng, tán nhỏ, uống với rượu ấm.

8) Ngủ nhiều, ngủ không được.

Táo nhân, Nhân sâm, Bạch linh ba vị đều bằng nhau, sắc uống, ngủ nhiều thì uống nguội, không ngủ được thì uống nóng.

9) Đổm nhiệt sinh ngủ.

Xương đầu ngựa đốt thành than, *Sét sắt* đều dùng 1 lượng, *Chu sa* nửa lượng, *Long não* nửa phân, tán nhỏ, luyện mật làm hoàn. Mỗi lần uống 1 chỉ với nước sắc *Lá tre*.

10) Hư tổn không ngủ.

Táo nhân sao 1,6 lượng, *Can khương, Phục linh, Xuyên khung, Cam thảo* đều 1 chỉ. Trước sắc *Táo nhân* rồi sao bỏ các vị khác vào sắc tiếp, chia uống dần.

11) Hay quên, tâm hồn loạn hoặc lẫn lộn.

Viễn chí (mua về không cho người bệnh biết) tán nhỏ cho uống.

12) Ăn no, phiền trưởng, chỉ muốn nằm.

Lúa mạch cả bông rang thơm, sắc cho uống.

13) Nghiệm phương chữa mất ngủ, dùng cho cả nam nữ.

Trước dùng *Hột cà diên (Thiên tiên tử)* sao tán nhỏ 1 chỉ, uống với nước sắc *Nhân sâm* thì ngủ yên. Sau cho uống 30 hột *Cà diên* đã nghiền nát, 9 *Bông lúa nếp*,

dùng một mảnh tro giấy quạt rách, vài que chổi xể đã cùn, sắc chung lấy nước mà uống với thuốc trên, uống đến khỏi thì thôi, sau hết cho uống bài *An thần trấn tâm thang* gồm: *Phục linh, Viễn chí, Sơn chi tử* (sao hắc), *Thiên ma* sắc lấy nước để mài với các vị *Hổ phách, Trân châu, Thiên ma, Hùng hoàng* mà uống.

Hoặc cho uống bài *An hồn định phách thang* gồm: *Hoàng liên, Phục thần, Viễn chí, Sơn chi tử* sắc lấy nước rồi cho bột *Chu sa* vào hòa đều uống là khỏi ngay; có thể cho uống xen với bài *Quy tỳ* càng tốt.

78. HAY QUÊN (Kiện vong)

1) Thân mình mờ tối hay quên.

Dùng tim của 4 con vật: bò, ngựa, gà, heo, phơi khô tán nhỏ. Mỗi lần uống 1 muống với rượu, ngày uống 3 lần, có thể nghe một biết mười. Một phương khác có thêm *tim chó*.

2) Tâm thần hỗn loạn hay quên hay lảm.

Viễn chí bỏ lõi. chọn ngày Đinh Dậu, tự người bệnh đi mua về, tự tán bột hoặc sắc uống.

3) Các chứng hay quên.

Bạch long cốt, Viễn chí, hai vị bằng nhau tán nhỏ, sau bữa ăn cho uống với rượu ngày 3 lần. Dùng thuốc này lâu ngày giúp cho thông minh, dễ nhớ.

4) Hay quên mà kinh sợ hồi hộp.

Xương hổ tẩm giấm nướng vàng, *Long cốt* và *Viễn chí* ba vị bằng nhau tán nhỏ nấu nước gừng cho uống ngày 3 lần, uống lâu sẽ thông minh.

79. HỒI HỘP (Chinh xung)

1) Hồi hộp khó ngủ.

* *Phục thần* 2 lạng, *Trâm hương* 5 chỉ tán nhỏ cho uống với nước nóng.

* *Mật đà tãng*, nghiền nhỏ mỗi lần cho uống một ít với nước nóng.

2) Hồi hộp đổ mồ hôi do tâm khí bất túc.

Nhân sâm, *Đương quy* đều nửa lạng, *Cật heo* thiến 1 quả nấu nước nóng rửa sạch, xắt miếng cho *Sâm quy* vào mà nấu, nước thuốc cho uống với quả cật khi đói, bã còn lại sấy khô tán nhỏ, bột *Củ mài* khuấy hồ làm hoàn bằng bột đậu xanh. Mỗi lần uống 50 hoàn với nước sắc *Đại táo* khi đói; uống hai lần là khỏi.

3) Nôn, ợe choáng váng kinh sợ, cơm ăn không xuống.

Bán hạ, Sinh khương đều 5 chỉ, *Phục linh* 3 chỉ, sắc uống ấm.

4) Tâm hư kinh sợ gây còm.

Nước cây *Ngũ trảo* (*Quan âm*) lấy chừng 2 cân, sắc còn $\frac{1}{2}$ chia uống 4 lần, ngày ba đêm một.

5) Chứng khiếp sợ của nam và nữ.

Nam thì dùng *nước tiểu* của nữ, nữ thì dùng *nước tiểu* của nam. Khi lấy nước tiểu phải bỏ đợt đầu và đợt cuối, chỉ lấy quãng giữa; ngày cho uống hai lần rồi cho ăn bánh nướng để đề lên, hơn tháng là khỏi.

Phụ lục I

BẢNG ĐỐI CHIẾU ĐƠN VỊ CÂN LƯỜNG TRONG
ĐÔNG Y

1 phân	=	0,37gr	
1 chỉ	=	10 phân	= 3,75gr
1 lượng	=	10 chỉ	= 37,5gr
1 cân	=	16 lượng	= 600gr

Ở nước ta, năm Cảnh Trị thứ hai (1664) đời Lê Huyền Tông, Tham tụng Phạm Công Trứ đã ấn định lại đơn vị đo lường như sau :

1 Thước	chứa được	1.200 hạt thóc (lúa)
1 Hợp	= 10 thước	(khoảng 20 cm ³)
1 Thăng	= 10 hợp	(khoảng 200 cm ³)
1 Đấu	= 10 thăng	
1 Hộc	= 10 đấu	

Phụ lục II
**MỘT SỐ THUẬT NGỮ ĐÔNG Y DÙNG
TRONG SÁCH NÀY**

Âm bộ : Bộ phận sinh dục ngoài của nam nữ.

Âm chứng : (1) Chỉ chung các chứng suy nhược, hư hàn do khí hư; (2) Ba chứng âm của thương hàn.

Âm nang : Bìu dái.

Âm độc : Khí hàn xâm nhập lâu ngày làm ngưng trệ kinh lạc, đau nhức khó chịu, lúc mới phát không rõ, không sưng, không nóng nhưng dần dần cơ nhục ở đó bị hư nát.

Ác khí : Khí trái thường trong trời đất, có hại đến sự sống của sinh vật.

Bách hợp : Bệnh do tâm phế hư có các triệu chứng : trầm lặng ít nói, không buồn đi đứng cử động, ít ăn, khó ngủ, khi nóng khi lạnh, tinh thần không yên, tự nói một mình, miệng đắng, nước tiểu đỏ ...

Bạch dâm : Ở âm đạo phụ nữ hay quy đầu đàn ông có tiết ra một chất nước trắng, đặc, dính do phòng sự quá nhiều hoặc hạ tiêu bị thấp nhiệt.

Bạch trọc : Đái đục như nước vo gạo.

Bĩ khối : Khối tích ở trong bụng.

Bổ trung ích khí thang : Thang thuốc gồm các vị : Nhân sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Cam thảo, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì.

Cảm hàn : Do nhiễm phải khí phong hàn, xuất hiện các chứng : ớn lạnh, phát sốt, đầu đau, đau gáy cổ.

Chứng : Chứng cách thủy.

Cước khí : Bệnh ở chân do phong hàn thấp gây ra, thường có các chứng : chân tê lạnh, đau nhức, có khi bại liệt, co rút. Nếu chân khô teo gọi là can cước khí; có phù thũng gọi là thấp cước khí; khí từ chân xông ngược lên bụng lên tim làm đau đờn gọi là cước khí xung tâm.

Cửu khiếu : 9 lỗ trong cơ thể gồm : 2 mắt, 2 lỗ tai, 2 lỗ mũi, miệng, niệu đạo (lỗ đái) và hậu môn .

Cửu : Dùng mồi ngải diệp đốt trên các huyết đạo để chữa bệnh.

Dinh vệ : Cũng gọi Vinh vệ : Vinh khí và vệ khí(xem mục Vinh khí và Vệ khí).

Dương hư vô lực : Khí dương suy kém làm mệt mỏi, uể oải, chân tay không buồn cử động.

Dương sự : Hoạt động sinh lý của đàn ông.

Đàm thấp : Thủy thấp đình trệ lâu ngày biến thành đàm.

Đàm tích : Đàm tích tụ, khí khó lưu thông, nước đọng ở ngực làm cho ngực tức đầy đau, ho khạc, chóng mặt, váng đầu hoặc trong bụng có khối, họng vướng khó nuốt.

Độc đậu : Khí độc của bệnh đậu mùa.

Đồng tiện : Nước tiểu trẻ con.

Đốt tồn tính : Đốt còn tính chất (chỉ đốt đen ở ngoài nhưng bên trong chưa đen).

Hạ cam : Dương vật bị đau ngứa sưng loét, mủ máu nước bắn cứ chảy ra.

Hạ nguyên : Nguyên khí ở dưới, chỉ vào thận khí.

Hãn hạ : Hãn là làm cho ra mồ hôi; Hạ là làm thông đại tiểu tiện (thường gọi là xổ) .

Hàn quyết : Do dương khí suy yếu, nội tạng hư hàn sinh ra các chứng : chân tay giá lạnh, co rút, đau bụng, móng tay xanh xám, choáng váng, mệt mỏi; có khi ngã lãn bất tỉnh.

Hoặc loạn : Trên thổ dưới tả gọi là thấp hoặc loạn. Bụng đau xoắn, bụng nóng, vật vã; muốn nôn không được, muốn ỉa cũng không được gọi là can hoặc loạn. Thổ tả nhiều làm mất nước gây ra chuột rút ở cơ nhục gọi là hoặc loạn chuyển cân.

Hỏa phi : Cho thuốc vào chảo (không dùng nước) đun cho chảy ra, để nguội tán mịn.

Huyết hư : Thiếu máu hoặc thiếu thành phần trong máu sinh ra các chứng : Nóng hâm hấp, lòng bàn tay bàn chân nóng, sắc mặt xanh nhạt, tim hồi hộp, hay quên, hay chiêm bao, ngực nóng bứt rứt; nếu bệnh nặng thì vật vã không yên.

Huyết lao : Cơ năng sinh hóa tinh huyết bị giảm sút hoặc bị chảy máu mạn tính lâu ngày làm cho tạng phủ hư tổn.

Huyết Thái dương : Ở phía sau điểm giữa đoạn nối đuôi lông mày và đuôi mắt, nơi chỗ hõm sát cạnh ngoài mỏm ổ mắt xương gò má. đè vào có cảm giác ê.

Hư hỏa : Chứng nóng sốt do âm hư.

Hư hàn : Các chứng lạnh, yếu do dương khí hư.

Hư lao : Chỉ chung các bệnh suy nhược nặng. Suy nhược lâu ngày gọi là lao; suy nhược lâu ngày không hồi phục gọi là tổn.

Khách nhiệt : Nhiệt từ bên ngoài truyền vào.

Khai vị tiến thực : Làm cho ăn uống ngon miệng và ăn uống được nhiều.

Khí huyết hư nhược : Khí và huyết đều suy kém.

Khí nghịch : Khí đưa ngược lên sinh ho, suyễn, nôn mửa, ợ, nấc.

Khí thống : Đau do khí tích tụ hoặc khí hư.

Khí trệ : Khí bị ngăn trở không vận hành bình thường, xuất hiện các chứng trương đầy đau đớn.

Kinh thái dương : (1) Tên của 2 kinh bàng quang vô tiểu trường; (2) Thái dương kinh chứng : ớn lạnh, phát sốt, đầu đau, cứng gáy cổ, mạch phù.

Kinh thiếu dương : (1) Tên của hai kinh đờm và tam tiêu; (2) Thiếu dương kinh chứng : Miệng đắng, họng khô, nóng rét qua lại, ngực sườn đầy tức, nôn mửa, mạch huyền.

Lãnh lao : Bệnh lao do hư hàn, dưới rốn thường lạnh đau, tay chân giá lạnh, cơ thể gầy mòn dần.

Lâm lịch : Tiểu tiện rất khó, chảy xuống từng giọt.

Lao truyền thi : Bệnh lao do bị lây nhiễm từ khí độc của xác chết.

Lục vị hoàn : Cũng gọi *Lục vị địa hoàng hoàn*.

Lục kinh hình chứng : Sáu loại bệnh chứng của thương hàn gồm : thái dương chứng, thiếu dương chứng, dương minh chứng, thái cân chứng, thiếu âm chứng, quyết âm chứng.

Lục vị địa hoàng hoàn (thang) : Gồm các vị : Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù du, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả (hiện nay có thuốc thành phẩm bán ngoài thị trường).

Luyện hồ làm hoàn : Thuốc tán mịn hòa với hồ gạo hoặc hồ nếp làm hoàn.

Luyện mật làm hoàn : Thuốc tán mịn hòa với mật ong đã thắng tới, cho vào cối, dùng chày giã thật nhuyễn, xong đem ra làm hoàn.

Mạch tế vô lực : Mạch nhỏ như tơ, ấn mạnh thì mất.

Ngũ lao thất thương : Ngũ tạng (tâm, can, tỳ, phế, thận) bị hư suy lâu ngày gọi là ngũ lao. Các chứng hư suy do thất tình (Hỷ, nộ, ưu, tư, bi, kinh, khủng) gây ra gọi là thất thương.

Nhiệt bệnh : (1) Bệnh do cảm nhiễm phải khí ôn nhiệt; (2) Chỉ chung các loại nóng sốt.

Nhiệt kết : Nhiệt tà tích tụ ở đường ruột làm cho phân khô, đại tiện táo bón.

Nhiệt quyết : Cũng chân tay bị giá lạnh, ngón tay bị co rút như Hàn quyết nhưng kèm theo các chứng bồn chồn, vật vã, khát nước, lưỡi vàng, môi khô, tiểu tiện đỏ.

Nục huyết : Chảy máu cam (chảy máu mũi).

Ôn bệnh : Gọi chung các loại bệnh ngoại cảm ôn nhiệt như : Phong ôn, Xuân ôn, Thấp ôn, Thử ôn, Táo ôn, Đông ôn.

Ôn dịch : Bệnh truyền nhiễm do khí ôn nhiệt.

Ôn độc : Cũng gọi Nhiệt độc, chỉ chung các loại bệnh chứng do nhiễm phải khí ôn nhiệt như : Đau họng, quai bị, phát ban, xuất huyết, sốt cao, ung nhọt...

Phạm phòng : Đang bệnh hoặc bệnh mới hết khí huyết còn suy yếu lại gần gũi với phụ nữ.

Phát phiền : Bồn chồn bứt rứt .

Phát hãn : Làm cho ra mồ hôi.

Phiền khát : Bồn chồn không yên và khát nước.

Phiền nhiệt : Vừa phát sốt vừa bồn chồn, bứt rứt.

Phiền táo : Bồn chồn vật vã, nóng nảy, bứt rứt.

Phong khí nội động : Công năng của tạng phủ không điều hòa, khí huyết nghịch loạn, xuất hiện các chứng : choáng váng, run rẩy, co giật.

Phong nhiệt : (1) Phong và nhiệt; (2) Ngoại cảm phong nhiệt gây ra các chứng : phát sốt, nhức đầu, sợ gió, ra mồ hôi, khát nước, ho hen, đàm vàng đặc, họng đau, lưỡi đỏ.

Phong sang : Các bệnh ngoài da.

Phong thấp : Do phong và thấp kết hợp với nhau gây ra các chứng : xương cốt cơ nhục đau nhức, thân thể nặng nề, khớp xương sưng đau.

Phòng sự : (1) Sinh hoạt vợ chồng chốn phòng the; (2) Nam nữ giao hoan.

Phục thử : Cảm nhiễm hơi nắng trong mùa hạ nhưng không phát bệnh ngay mà đến mùa thu hay mùa đông mới phát bệnh .

Quan cách : Bên trên do khí không thông, hàn khí uất kết, ăn không xuống được phải ói ra gọi là cách.

Bên dưới do mất nhiệt kết ở hạ tiêu, tân dịch khô khan, tiêu tiểu không được gọi là quan.

Sao hắc : Thuốc đem sao cho đen.

Sán khí : Thoát vị bẹn hoặc thoát vị bùi, đau từ bùi dái, đau ran lên bụng dưới nên còn gọi Tiểu trường khí thống.

Suyễn súc : Thở dốc.

Tả hạ : Tẩy xổ làm thông đại tiểu tiện.

Tam tiêu : Là một trong sáu phủ, gồm ba bộ phận : Thượng tiêu từ miệng trên dạ dày trở lên bao gồm tâm, phế. Trung tiêu từ miệng trên dạ dày đến miệng dưới dạ dày bao gồm tỳ, vị. Hạ tiêu từ miệng dưới dạ dày trở xuống bao gồm can, thận, đại tiểu trường và bàng quang.

Tâm phế âm hư : Tân dịch của phế và huyết của tâm suy kém.

Tâm thận bất giao : Do quan hệ sinh lý giữa tâm thận không bình thường, gây ra các chứng : tâm phiền, mất ngủ, hay mê, hồi hộp, sợ sệt, di tinh, mệt mỏi

...
Tâm thống : Chỉ chung các chứng đau vùng tim.

Tâm kinh thực nhiệt : Tâm kinh có nhiệt.

Thái dương đầu thống : Đau đầu thuộc kinh Thái dương.

Thang tống : Dùng thuốc sắc hoặc dịch trấp của một loại thuốc nào đó để tăng thêm tác dụng của thang thuốc đang dùng.

Thăng thủy giáng hỏa : Làm cho thủy thăng lên, hỏa hạ xuống.

Thấp khí : Một trong sáu khí (phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa).

Thấp nhiệt : Bệnh do thấp tà và nhiệt tà kết hợp gây nên.

Thấp trọc : Thấp tà có tính trọc (nặng và dơ) hay bám ở một chỗ làm cản sự hoạt động của khí thanh dương.

Thiên trụ : Một hòn đá bị sa lệch xuống.

Thông manh : Mắt tuy mở bình thường nhưng không trông thấy.

Thống phong : Gọi chung các chứng đau đớn do phong độc gây ra.

Thời khí : Cũng gọi Thời hành, chỉ chung các loại bệnh lây truyền cấp tính.

Thời khí chướng dịch : Gọi chung các bệnh truyền nhiễm của thời khí và các bệnh do nhiễm phải hơi độc của núi rừng.

Thực chứng : Gọi chung các loại bệnh chứng : Đàm đọng, thủy thũng, thực tích, huyết ứ, khí kết, tà khí tích tụ ...

Thương phong : Cảm nhiễm phong tà. Thường gọi là cảm mạo, cảm gió.

Thương thấp : Ngoại cảm thấp tà có các triệu chứng : Phát sốt, ớn lạnh, nặng mình, đau khớp, ra mồ hôi, mệt mỏi, nhức đầu hoặc nặng đầu.

Thương vị : Cửa trên của bao tử.

Thủy hỏa bất giao : Cũng gọi tâm thận bất giao. Do công năng của tâm và thận không chế ước và tác dụng lẫn nhau để duy trì sinh lý bình thường. Nếu thận thủy suy yếu, tâm hỏa bốc mạnh làm cho tâm phiền, hồi hộp, bứt rứt, mất ngủ.

Thủy phi : Một cách chế thuốc. Dem thuốc nghiền thật nhỏ cho vào nước, quấy thật đều, sau đó bỏ hết nước và các tạp chất nổi lên trên, phần còn lại phơi khô tán bột để dùng như : hoạt thạch, mông thạch...

Tiền âm : Bộ phận sinh dục ngoài của nam nữ (hậu âm: hậu môn).

Tự hãn : Mồ hôi tự chảy ra suốt ngày.

Tứ vật thang : Thang thuốc gồm các vị : Thực địa, Xuyên khung, Đương quy, Bạch thược.

Trúng ác : Bỗng dưng chân tay lạnh ngắt, mặt tái xanh, cắn khẩu, hôn mê bất tỉnh hoặc ngực bụng đau như bị đâm, vật vã muốn chết hoặc bị đột tử trong khi ngủ.

Trúng phong : Thường gọi là trúng gió, nhẹ thì gọi là trúng lạc, trúng kinh; nặng thì gọi là trúng phủ,

trúng tạng. Trúng lạc : miệng méo, mắt lệch, da thịt tê dại, đầu đau, choáng váng... Trúng kinh : bông dưng ngã ra, miệng nhiều đàm dãi, nói ngọng, chân tay tê dại khó cử động. Trúng phủ : hôn mê bất tỉnh sau đó liệt nửa người, miệng méo mắt lệch, nói khó hoặc nói không được... Trúng tạng : gồm có chứng bế và chứng thoát. Chứng bế : hôn mê bất tỉnh, hàm răng cắn chặt, bàn tay nắm lại, kéo đàm thở to, tròng mắt không chuyển động. Chứng thoát : hôn mê ở thể mêm, mắt nhắm, tay xòe, són đái, xuất mồ hôi, thở như ngáy, miệng há hốc, bệnh rất nguy kịch. Ngoài ra các bệnh hôn mê bất tỉnh nhưng không do trúng phong thì gọi là Loại trúng phong.

Trúng tử : Trúng nắng, bao gồm các triệu chứng : bông nhiên xây xẩm, ngã ra, người phát sốt, vật vã, ói mửa, ra mồ hôi nhiều... Nếu bệnh nặng thì hôn mê, tay chân co giật, hàm răng cắn chặt.

Truyền phương : Phương thuốc kinh nghiệm được truyền lại từ đời trước.

Tỳ hư : Tỳ khí suy yếu, thường có các chứng : ăn uống không tiêu, đại tiện lỏng, gầy ốm, mệt mỏi, chân tay giá lạnh.

Tỳ nhiệt : Tỳ bị nhiệt tà hoặc ăn nhiều thức ăn táo nhiệt gây nên các chứng : môi đỏ, họng khô, tâm phiền, bụng đầy đau, tiểu tiện vàng sền.

Uất mao : Do mất máu, mất tân dịch hoặc do khí uất lại bị ngoại cảm, gây ra các chứng : choáng váng,

uất ghen, hôn mê, tay chân co cứng trong chốc lát, sau đó lại tỉnh táo bình thường.

Ứng trệ : Ứng tắc đình trệ.

Vệ khí : Một bộ phận của dương khí được sinh ra từ đồ ăn thức uống, bắt nguồn từ tỳ vị, từ thượng tiêu mà ra, đi ở ngoài mạch. Vệ khí vận hành bên trong vào tới tạng phủ, bên ngoài tới cơ biểu, có nhiệm vụ bảo vệ cơ thể chống lại sự cảm nhiễm từ bên ngoài.

Vinh khí : Khí vận hành trong mạch có tác dụng sinh hóa huyết dịch nuôi dưỡng toàn cơ thể.

Phụ lục III

NHỮNG KIẾNG KỶ TRONG ĂN UỐNG

Trong phần mở đầu của quyển 1 sách *Bản thảo cương mục* của Lý Thời Trân, tác giả đã ghi lại ở hàng đầu sách những điều kiêng kỵ trong ăn uống (âm thực cấm kỵ). Ngày nay, xem qua phần này, có một số điều chúng ta vẫn thấy khó hiểu, nhưng chắc chắn phải có cơ sở khoa học và kinh nghiệm thực tiễn nào đó thì Lý Thời Trân mới lập được bảng cấm kỵ này. Trong khi chờ đợi nghiên cứu thêm, chúng tôi xin dịch lại nguyên văn để bạn đọc và các đồng nghiệp tham khảo.

- * **Thịt lợn (heo) kỵ:** Gừng sống, kiều mạch, rau rút, rau mùi (ngò thơm), quả mai, đậu tương rang, thịt trâu, gan dê, rùa, ba ba, thịt chim cút...
- * **Gan lợn (heo) kỵ:** Các loại cá muối, cá ướp, thịt chim cút, cá chép...
- * **Tim lợn, phổi lợn kỵ:** Đường mạch nha, ngô thù du, bạch hoa thái...
- * **Thịt dê, cừu kỵ:** Quả mai, xích tiểu đậu, đậu tương, kiều mạch, các loại gan cá, thịt heo, giấm chua, sữa đặc, các loại mứt hoa quả.
- * **Tim gan dê, cừu kỵ:** Quả mai, xích tiểu đậu, hạt tiêu sống, măng tre...
- * **Thịt chó kỵ:** Cá lăng, tỏi, lòng trâu, lòng bò, cá chép, thịt lươn.
- * **Tiết chó trắng kỵ:** Thịt dê, thịt gà.
- * **Thịt bò kỵ:** Hạt kê, rau hẹ, củ kiệu, gừng sống, thịt heo, thịt chó, hạt dẻ...
- * **Gan trâu bò đều kỵ với cá nheo** (giống cá trê nhưng lớn hơn, sống ở những dòng sông gần cửa biển).
- * **Sữa bò kỵ:** Gỏi cá sống và các loại thực phẩm có chất chua.
- * **Thịt thỏ kỵ:** Gừng sống, vỏ quýt, bột hạt cải cay (dùng hạt cải cay xay nát ra làm gia vị trong ăn uống), thịt gà, thịt hươu, thịt rái cá.
- * **Thịt hoẵng kỵ:** Quả mai, quả mận (quả mận Bắc chứ không phải quả mận trong Nam), rau sống, tôm.

- * **Thịt gà ky:** bột cải cay (giới mặt), tỏi, hành sống, cơm nếp, quả mận Bắc (để phân biệt với quả mận trong Nam mà ngoài Bắc gọi là quả roi), nước cá muối, thịt chó, cá chép, thịt thỏ, ba ba (cua đĩnh), thịt gà rừng.
- * **Trứng gà ky:** Thịt gà.
- * **Thịt vịt trời ky:** Hồ đào nhục, mộc nhĩ.
- * **Trứng vịt ky:** Quả mận Bắc và thịt ba ba (cua đĩnh).
- * **Thịt chim sẻ ky:** Quả mận, tương (làm bằng đậu tương) và gan các loài động vật.
- * **Thịt chim cú ky:** Các loại nấm và mộc nhĩ (nấm mèo).
- * **Thịt cá chép ky:** Gan heo, rau rút, thịt chó, thịt gà...
- * **Thịt cá giếc ky:** Cải trắng, tỏi, đường, gan heo, thịt gà nhà và gà rừng.
- * **Thịt cá trắm ky:** Đậu hoắc (một số loài cây đậu có thể dùng lá non để ăn gọi là đậu hoắc).
- * **Gan cá ky:** Đậu hoắc, tương lúa mạch, tỏi, rau rút và đậu xanh...
- * **Hoàng ngư ky:** Kiêu mạch (hoàng ngư là 1 loại cá biển mình dẹt, đuôi nhỏ).
- * **Cá vượt ky :** Sữa và các sản phẩm cô đặc của sữa.
- * **Cá tầm ky:** Măng khô.
- * **Cá trạch và lươn ky:** Thịt chó và kiêng nấu bằng củi gỗ dâu.
- * **Thịt ba ba ky:** Rau dền, bạc hà, rau cải, quả đào, trứng gà, thịt vịt, thịt heo, thịt thỏ...
- * **Cua ky:** Kinh giới, quả hồng, quả quýt, táo tàu (hắc táo, nhuyễn táo).
- * **Tôm ky:** Thịt lợn, thịt gà.
- * **Quả mận ky:** Mật ong, nước tương, thịt vịt, thịt chim sẻ, thịt gà, thịt con hoẵng.
- * **Quả táo ky:** Hành và các loại cá.

- * **Quả đào ky:** Thịt ba ba (cua đĩnh).
- * **Cam quýt ky:** Quả cau, thịt rái cá.
- * **Ăn quả tỳ bà ky:** Các loại miến nấu.
- * **Ăn dương mai ky:** Hạnh sống.
- * **Ăn ngân hạnh ky:** Man lệ ngư (cá nhệch).
- * **Đường cát ky:** Cá giếc, măng, rau rút...
- * **Kiểu mạch ky:** Thịt lợn, thịt dê, thịt gà rừng, hoàng ngư.
- * **Hạt kê ky:** Rau rút, mật ong, thịt trâu bò...
- * **Đậu xanh ky:** Phở tử, cá chép ướp muối (mắm cá chép).
- * **Sao đậu ky:** Thịt lợn (Sao đậu: đậu nành rang cho giòn tan).
- * **Hồ tụy (rau mùi, rau ngò thơm) ky:** thịt lợn.
- * **Hẹ và củ kiệu ky:** Mật ong và thịt trâu bò.
- * **Rau dền ky:** Rau quyết và thịt ba ba (cua đĩnh).
- * **Bạch hoa thái ky:** Phôi lợn, tim lợn.
- * **Hồ toán ky:** Cá muối, cá ướp, cá giếc, thịt chó, thịt gà.
- * **Quả mai ky:** Thịt lợn, thịt dê, thịt hoẵng.
- * **Hành sống ky:** Mật ong, thịt gà, thịt chó, quả táo và dương mai.
- * **Gừng sống ky:** Thịt lợn, thịt bò, thịt thỏ, thịt ngựa.
- * **Hạt cải cay ky:** Cá chép, thịt thỏ, thịt gà, ba ba.
- * **Măng khô ky:** Đường cát, cá tầm, tim và gan dê.
- * **Mộc nhĩ ky:** Thịt gà rừng, thịt vịt trời, thịt chim cút.
- * **Hạch đào ky:** Thịt vịt trời, thịt gà rừng và rượu.
- * **Hạt dẻ ky:** Thịt trâu thịt bò...

(theo *Bản thảo cương mục*
của Trùng Khánh Đại học Xuất bản xã, 1994)

Phụ lục I

BẢNG ĐỐI CHIẾU ĐƠN VỊ CÂN LƯỜNG TRONG ĐÔNG Y

1 phân	=	0,37gr	
1 chỉ	=	10 phân	= 3,75gr
1 lượng	=	10 chỉ	= 37,5gr
1 cân	=	16 lượng	= 600gr

Ở nước ta, năm Cảnh Trị thứ hai (1664) đời Lê Huyền Tông, Tham tụng Phạm Công Trứ đã ấn định lại đơn vị đo lường như sau :

1 Thước	chứa được	1.200 hạt thóc (lúa)
1 Hợp	= 10 thước	(khoảng 20 cm ³)
1 Thăng	= 10 hợp	(khoảng 200 cm ³)
1 Đấu	= 10 thăng	
1 Hộc	= 10 đấu	

Phụ lục II
**MỘT SỐ THUẬT NGỮ ĐÔNG Y DÙNG
TRONG SÁCH NÀY**

Âm bộ : Bộ phận sinh dục ngoài của nam nữ.

Âm chứng : (1) Chỉ chung các chứng suy nhược, hư hàn do khí hư; (2) Ba chứng âm của thương hàn.

Âm nang : Bìu dái.

Âm độc : Khí hàn xâm nhập lâu ngày làm ngưng trệ kinh lạc, đau nhức khó chịu, lúc mới phát không rõ, không sưng, không nóng nhưng dần dần cơ nhục ở đó bị hư nát.

Ác khí : Khí trái thường trong trời đất, có hại đến sự sống của sinh vật.

Bách hợp : Bệnh do tâm phế hư có các triệu chứng : trầm lặng ít nói, không buồn đi đứng cử động, ít ăn, khó ngủ, khi nóng khi lạnh, tinh thần không yên, tự nói một mình, miệng đắng, nước tiểu đỏ ...

Bạch dâm : Ở âm đạo phụ nữ hay quy đầu đàn ông có tiết ra một chất nước trắng, đặc, dính do phòng sự quá nhiều hoặc hạ tiêu bị thấp nhiệt.

Bạch trọc : Đái đục như nước vo gạo.

Bĩ khối : Khối tích ở trong bụng.

Bổ trung ích khí thang : Thang thuốc gồm các vị : Nhân sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Cam thảo, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì.

Cảm hàn : Do nhiễm phải khí phong hàn, xuất hiện các chứng : ớn lạnh, phát sốt, đầu đau, đau gáy cổ.

Chứng : Chứng cách thủy.

Cước khí : Bệnh ở chân do phong hàn thấp gây ra, thường có các chứng : chân tê lạnh, đau nhức, có khi bại liệt, co rút. Nếu chân khô teo gọi là can cước khí; có phù thũng gọi là thấp cước khí; khí từ chân xông ngược lên bụng lên tim làm đau đờn gọi là cước khí xung tâm.

Cửu khiếu : 9 lỗ trong cơ thể gồm : 2 mắt, 2 lỗ tai, 2 lỗ mũi, miệng, niệu đạo (lỗ đái) và hậu môn .

Cửu : Dùng mồi ngải diệp đốt trên các huyết đạo để chữa bệnh.

Dinh vệ : Cũng gọi Vinh vệ : Vinh khí và vệ khí(xem mục Vinh khí và Vệ khí).

Dương hư vô lực : Khí dương suy kém làm mệt mỏi, uể oải, chân tay không buồn cử động.

Dương sự : Hoạt động sinh lý của đàn ông.

Đàm thấp : Thủy thấp đình trệ lâu ngày biến thành đàm.

Đàm tích : Đàm tích tụ, khí khó lưu thông, nước đọng ở ngực làm cho ngực tức đầy đau, ho khạc, chóng mặt, váng đầu hoặc trong bụng có khối, họng vướng khó nuốt.

Độc đậu : Khí độc của bệnh đậu mùa.

Đồng tiện : Nước tiểu trẻ con.

Đốt tồn tính : Đốt còn tính chất (chỉ đốt đen ở ngoài nhưng bên trong chưa đen).

Hạ cam : Dương vật bị đau ngứa sưng loét, mủ máu nước bắn cứ chảy ra.

Hạ nguyên : Nguyên khí ở dưới, chỉ vào thận khí.

Hãn hạ : Hãn là làm cho ra mồ hôi; Hạ là làm thông đại tiểu tiện (thường gọi là xổ) .

Hàn quyết : Do dương khí suy yếu, nội tạng hư hàn sinh ra các chứng : chân tay giá lạnh, co rút, đau bụng, móng tay xanh xám, choáng váng, mệt mỏi; có khi ngã lãn bất tỉnh.

Hoắc loạn : Trên thổ dưới tả gọi là thấp hoắc loạn. Bụng đau xoắn, bụng nóng, vật vã; muốn nôn không được, muốn ỉa cũng không được gọi là can hoắc loạn. Thổ tả nhiều làm mất nước gây ra chuột rút ở cơ nhục gọi là hoắc loạn chuyển cân.

Hỏa phi : Cho thuốc vào chảo (không dùng nước) đun cho chảy ra, để nguội tán mịn.

Huyết hư : Thiếu máu hoặc thiếu thành phần trong máu sinh ra các chứng : Nóng hâm hấp, lòng bàn tay bàn chân nóng, sắc mặt xanh nhạt, tim hồi hộp, hay quên, hay chiêm bao, ngực nóng bứt rứt; nếu bệnh nặng thì vật vã không yên.

Huyết lao : Cơ năng sinh hóa tinh huyết bị giảm sút hoặc bị chảy máu mạn tính lâu ngày làm cho tạng phủ hư tổn.

Huyết Thái dương : Ở phía sau điểm giữa đoạn nối đuôi lông mày và đuôi mắt, nơi chỗ hõm sát cạnh ngoài mỏm ổ mắt xương gò má. đè vào có cảm giác ê.

Hư hỏa : Chứng nóng sốt do âm hư.

Hư hàn : Các chứng lạnh, yếu do dương khí hư.

Hư lao : Chỉ chung các bệnh suy nhược nặng. Suy nhược lâu ngày gọi là lao; suy nhược lâu ngày không hồi phục gọi là tổn.

Khách nhiệt : Nhiệt từ bên ngoài truyền vào.

Khai vị tiến thực : Làm cho ăn uống ngon miệng và ăn uống được nhiều.

Khí huyết hư nhược : Khí và huyết đều suy kém.

Khí nghịch : Khí đưa ngược lên sinh ho, suyễn, nôn mửa, ợ, nấc.

Khí thống : Đau do khí tích tụ hoặc khí hư.

Khí trệ : Khí bị ngăn trở không vận hành bình thường, xuất hiện các chứng trương đầy đau đốn.

Kinh thái dương : (1) Tên của 2 kinh bàng quang vô tiểu trường; (2) Thái dương kinh chứng : ớn lạnh, phát sốt, đầu đau, cứng gáy cổ, mạch phù.

Kinh thiếu dương : (1) Tên của hai kinh đờm và tam tiêu; (2) Thiếu dương kinh chứng : Miệng đắng, họng khô, nóng rét qua lại, ngực sườn đầy tức, nôn mửa, mạch huyền.

Lãnh lao : Bệnh lao do hư hàn, dưới rốn thường lạnh đau, tay chân giá lạnh, cơ thể gầy mòn dần.

Lâm lịch : Tiểu tiện rất khó, chảy xuống từng giọt.

Lao truyền thi : Bệnh lao do bị lây nhiễm từ khí độc của xác chết.

Lục vị hoàn : Cũng gọi *Lục vị địa hoàng hoàn*.

Lục kinh hình chứng : Sáu loại bệnh chứng của thương hàn gồm : thái dương chứng, thiếu dương chứng, dương minh chứng, thái cân chứng, thiếu âm chứng, quyết âm chứng.

Lục vị địa hoàng hoàn (thang) : Gồm các vị : Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù du, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả (hiện nay có thuốc thành phẩm bán ngoài thị trường).

Luyện hồ làm hoàn : Thuốc tán mịn hòa với hồ gạo hoặc hồ nếp làm hoàn.

Luyện mật làm hoàn : Thuốc tán mịn hòa với mật ong đã thắng tới, cho vào cối, dùng chày giã thật nhuyễn, xong đem ra làm hoàn.

Mạch tế vô lực : Mạch nhỏ như tơ, ấn mạnh thì mất.

Ngũ lao thất thương : Ngũ tạng (tâm, can, tỳ, phế, thận) bị hư suy lâu ngày gọi là ngũ lao. Các chứng hư suy do thất tình (Hỷ, nộ, ưu, tư, bi, kinh, khủng) gây ra gọi là thất thương.

Nhiệt bệnh : (1) Bệnh do cảm nhiễm phải khí ôn nhiệt; (2) Chỉ chung các loại nóng sốt.

Nhiệt kết : Nhiệt tà tích tụ ở đường ruột làm cho phân khô, đại tiện táo bón.

Nhiệt quyết : Cũng chân tay bị giá lạnh, ngón tay bị co rút như Hàn quyết nhưng kèm theo các chứng bồn chồn, vật vã, khát nước, lưỡi vàng, môi khô, tiểu tiện đỏ.

Nục huyết : Chảy máu cam (chảy máu mũi).

Ôn bệnh : Gọi chung các loại bệnh ngoại cảm ôn nhiệt như : Phong ôn, Xuân ôn, Thấp ôn, Thử ôn, Táo ôn, Đông ôn.

Ôn dịch : Bệnh truyền nhiễm do khí ôn nhiệt.

Ôn độc : Cũng gọi Nhiệt độc, chỉ chung các loại bệnh chứng do nhiễm phải khí ôn nhiệt như : Đau họng, quai bị, phát ban, xuất huyết, sốt cao, ung nhọt...

Phạm phòng : Đang bệnh hoặc bệnh mới hết khí huyết còn suy yếu lại gần gũi với phụ nữ.

Phát phiền : Bồn chồn bứt rứt .

Phát hãn : Làm cho ra mồ hôi.

Phiền khát : Bồn chồn không yên và khát nước.

Phiền nhiệt : Vừa phát sốt vừa bồn chồn, bứt rứt.

Phiền táo : Bồn chồn vật vã, nóng nảy, bứt rứt.

Phong khí nội động : Công năng của tạng phủ không điều hòa, khí huyết nghịch loạn, xuất hiện các chứng : choáng váng, run rẩy, co giật.

Phong nhiệt : (1) Phong và nhiệt; (2) Ngoại cảm phong nhiệt gây ra các chứng : phát sốt, nhức đầu, sợ gió, ra mồ hôi, khát nước, ho hen, đàm vàng đặc, họng đau, lưỡi đỏ.

Phong sang : Các bệnh ngoài da.

Phong thấp : Do phong và thấp kết hợp với nhau gây ra các chứng : xương cốt cơ nhục đau nhức, thân thể nặng nề, khớp xương sưng đau.

Phòng sự : (1) Sinh hoạt vợ chồng chốn phòng the; (2) Nam nữ giao hoan.

Phục thử : Cảm nhiễm hơi nắng trong mùa hạ nhưng không phát bệnh ngay mà đến mùa thu hay mùa đông mới phát bệnh .

Quan cách : Bên trên do khí không thông, hàn khí uất kết, ăn không xuống được phải ới ra gọi là cách.

Bên dưới do mất nhiệt kết ở hạ tiêu, tân dịch khô khan, tiêu tiểu không được gọi là quan.

Sao hắc : Thuốc đem sao cho đen.

Sán khí : Thoát vị bẹn hoặc thoát vị bìu, đau từ bìu dái, đau ran lên bụng dưới nên còn gọi Tiểu trường khí thống.

Suyễn súc : Thở dốc.

Tả hạ : Tẩy xổ làm thông đại tiểu tiện.

Tam tiêu : Là một trong sáu phủ, gồm ba bộ phận : Thượng tiêu từ miệng trên dạ dày trở lên bao gồm tâm, phế. Trung tiêu từ miệng trên dạ dày đến miệng dưới dạ dày bao gồm tỳ, vị. Hạ tiêu từ miệng dưới dạ dày trở xuống bao gồm can, thận, đại tiểu trường và bàng quang.

Tâm phế âm hư : Tân dịch của phế và huyết của tâm suy kém.

Tâm thận bất giao : Do quan hệ sinh lý giữa tâm thận không bình thường, gây ra các chứng : tâm phiền, mất ngủ, hay mê, hồi hộp, sợ sệt, di tinh, mệt mỏi

...
Tâm thống : Chỉ chung các chứng đau vùng tim.

Tâm kinh thực nhiệt : Tâm kinh có nhiệt.

Thái dương đầu thống : Đau đầu thuộc kinh Thái dương.

Thang tống : Dùng thuốc sắc hoặc dịch trấp của một loại thuốc nào đó để tăng thêm tác dụng của thang thuốc đang dùng.

Thăng thủy giáng hỏa : Làm cho thủy thăng lên, hỏa hạ xuống.

Thấp khí : Một trong sáu khí (phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa).

Thấp nhiệt : Bệnh do thấp tà và nhiệt tà kết hợp gây nên.

Thấp trọc : Thấp tà có tính trọc (nặng và dơ) hay bám ở một chỗ làm cản sự hoạt động của khí thanh dương.

Thiên trụ : Một hòn đá bị sa lệch xuống.

Thông manh : Mắt tuy mở bình thường nhưng không trông thấy.

Thống phong : Gọi chung các chứng đau đớn do phong độc gây ra.

Thời khí : Cũng gọi Thời hành, chỉ chung các loại bệnh lây truyền cấp tính.

Thời khí chướng dịch : Gọi chung các bệnh truyền nhiễm của thời khí và các bệnh do nhiễm phải hơi độc của núi rừng.

Thực chứng : Gọi chung các loại bệnh chứng : Đàm đọng, thủy thũng, thực tích, huyết ứ, khí kết, tà khí tích tụ ...

Thương phong : Cảm nhiễm phong tà. Thường gọi là cảm mạo, cảm gió.

Thương thấp : Ngoại cảm thấp tà có các triệu chứng : Phát sốt, ớn lạnh, nặng mình, đau khớp, ra mồ hôi, mệt mỏi, nhức đầu hoặc nặng đầu.

Thương vị : Cửa trên của bao tử.

Thủy hỏa bất giao : Cũng gọi tâm thận bất giao. Do công năng của tâm và thận không chế ước và tác dụng lẫn nhau để duy trì sinh lý bình thường. Nếu thận thủy suy yếu, tâm hỏa bốc mạnh làm cho tâm phiền, hồi hộp, bứt rứt, mất ngủ.

Thủy phi : Một cách chế thuốc. Dem thuốc nghiền thật nhỏ cho vào nước, quấy thật đều, sau đó bỏ hết nước và các tạp chất nổi lên trên, phần còn lại phơi khô tán bột để dùng như : hoạt thạch, mông thạch...

Tiền âm : Bộ phận sinh dục ngoài của nam nữ (hậu âm: hậu môn).

Tự hãn : Mồ hôi tự chảy ra suốt ngày.

Tứ vật thang : Thang thuốc gồm các vị : Thực địa, Xuyên khung, Đương quy, Bạch thược.

Trúng ác : Bỗng dưng chân tay lạnh ngắt, mặt tái xanh, cắn khẩu, hôn mê bất tỉnh hoặc ngực bụng đau như bị đâm, vật vã muốn chết hoặc bị đột tử trong khi ngủ.

Trúng phong : Thường gọi là trúng gió, nhẹ thì gọi là trúng lạc, trúng kinh; nặng thì gọi là trúng phủ,

trúng tạng. Trúng lạc : miệng méo, mắt lệch, da thịt tê dại, đầu đau, choáng váng... Trúng kinh : bông dưng ngã ra, miệng nhiều đàm dãi, nói ngọng, chân tay tê dại khó cử động. Trúng phủ : hôn mê bất tỉnh sau đó liệt nửa người, miệng méo mắt lệch, nói khó hoặc nói không được... Trúng tạng : gồm có chứng bế và chứng thoát. Chứng bế : hôn mê bất tỉnh, hàm răng cắn chặt, bàn tay nắm lại, kéo đàm thở to, tròng mắt không chuyển động. Chứng thoát : hôn mê ở thể mêm, mắt nhắm, tay xòe, són đái, xuất mồ hôi, thở như ngáy, miệng há hốc, bệnh rất nguy kịch. Ngoài ra các bệnh hôn mê bất tỉnh nhưng không do trúng phong thì gọi là Loại trúng phong.

Trúng tử : Trúng nặng, bao gồm các triệu chứng : bông nhiên xây xẩm, ngã ra, người phát sốt, vật vã, ói mửa, ra mồ hôi nhiều... Nếu bệnh nặng thì hôn mê, tay chân co giật, hàm răng cắn chặt.

Truyền phương : Phương thuốc kinh nghiệm được truyền lại từ đời trước.

Tỳ hư : Tỳ khí suy yếu, thường có các chứng : ăn uống không tiêu, đại tiện lỏng, gầy ốm, mệt mỏi, chân tay giá lạnh.

Tỳ nhiệt : Tỳ bị nhiệt tà hoặc ăn nhiều thức ăn táo nhiệt gây nên các chứng : môi đỏ, họng khô, tâm phiền, bụng đầy đau, tiểu tiện vàng sền.

Uất mao : Do mất máu, mất tân dịch hoặc do khí uất lại bị ngoại cảm, gây ra các chứng : choáng váng,

uất ghen, hôn mê, tay chân co cứng trong chốc lát, sau đó lại tỉnh táo bình thường.

Ứng trệ : Ứng tắc đình trệ.

Vệ khí : Một bộ phận của dương khí được sinh ra từ đồ ăn thức uống, bắt nguồn từ tỳ vị, từ thượng tiêu mà ra, đi ở ngoài mạch. Vệ khí vận hành bên trong vào tới tạng phủ, bên ngoài tới cơ biểu, có nhiệm vụ bảo vệ cơ thể chống lại sự cảm nhiễm từ bên ngoài.

Vinh khí : Khí vận hành trong mạch có tác dụng sinh hóa huyết dịch nuôi dưỡng toàn cơ thể.